

Hướng dẫn Sử dụng Điện thoại Nokia N80

CE 0434 ⓘ

CÔNG BỐ HỢP CHUẨN
Chúng tôi, NOKIA CORPORATION, trong phạm vi trách nhiệm của mình, xin công bố sản phẩm RM-92 đã tuân thủ các điều khoản qui định theo chỉ thị của Hội đồng: 1999/5/EC. Bản Công bố Hợp chuẩn có thể được tìm thấy tại địa chỉ http://www.nokia.com/phones/declaration_of_conformity/

Copyright © 2007 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Nghiêm cấm sao chép, chuyển nhượng, phân phối hoặc lưu trữ một phần hay toàn bộ nội dung tài liệu này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được Nokia cho phép trước bằng văn bản.

Nokia, Nokia Connecting People, Pop-Port và Visual Radio là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Nokia Corporation. Những sản phẩm hoặc tên công ty khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu hoặc tên thương mại của từng doanh nghiệp.

Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation.

Symbian

Sản phẩm này có các phần mềm được Symbian Software Ltd © 1998-2007(7) cấp bản quyền. Symbian và Symbian OS là nhãn hiệu của Symbian Ltd.



Java™ và các nhãn hiệu dựa trên nền Java là các nhãn hiệu và nhãn hiệu đã đăng ký của Sun Microsystems, Inc.

Stac ©, LZS ©, © 1996, Stac, Inc., © 1994-1996 Microsoft Corporation. Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221 và 5414425. Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác.

Hi/fn ©, LZS ©, © 1988-98, Hi/fn. Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221 và 5414425.

Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác.

Các phần trong phần mềm của sản phẩm này là © Copyright ANT Ltd.

1998. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Bằng sáng chế của Mỹ số 5818437 và các sáng chế đang chờ cấp bằng khác.

Bản quyền phần mềm nhập văn bản T9 © 1997-2007.

Tegic Communications, Inc. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Sản phẩm này được cấp theo Giấy phép Sáng chế MPEG-4 Visual Patent Portfolio cho (i) việc sử dụng cá nhân và phi thương mại cùng với những thông tin đã được mã hóa bởi người dùng liên quan đến hoạt động cá nhân và phi thương mại, theo Chuẩn MPEG-4 Visual Standard và (ii) sử dụng cùng với các ảnh phim MPEG-4 được cung cấp có giấy phép. Bất kỳ việc sử dụng nào khác được công nhận hoặc được âm chỉ sẽ không được cấp phép. Bạn có thể nhận các thông tin bổ sung liên quan đến các ứng dụng quảng cáo, nội bộ và thương mại từ MPEG LA, LLC. Xem trang <<http://www.mpegla.com>>.

Nokia thực hiện chính sách phát triển không ngừng. Nokia có quyền thay đổi và cải tiến bất kỳ sản phẩm nào được nêu trong tài liệu này mà không cần thông báo trước.

Nokia sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp về việc mất dữ liệu hay thu thập hoặc những thiệt hại khác có tính chất đặc biệt, ngẫu nhiên, tất yếu, hay gián tiếp.

Nội dung của tài liệu này được cung cấp 'theo tình trạng hiện tại'. Ngoài trừ do yêu cầu của luật áp dụng liên quan, sẽ không có bất kỳ sự bảo đảm nào được thể hiện rõ ràng hay ngụ ý, bao gồm nhưng không giới hạn các bảo hành thương mại được bao hàm và sử dụng sản phẩm phù hợp với mục đích cụ thể, liên quan đến tính chính xác, độ tin cậy hoặc nội dung của tài liệu này. Nokia có quyền sửa đổi hoặc thu hồi tài liệu này tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước.

Tính khả dụng của các sản phẩm riêng biệt có thể khác nhau tùy theo từng khu vực. Xin liên hệ với đại lý Nokia gần nhất.

Điện thoại này có chứa các thành phần, công nghệ hoặc phần mềm tuân thủ theo luật lệ và quy tắc xuất khẩu của Mỹ và các quốc gia khác.

Những việc trái với luật pháp bị cấm.

Nội dung

An toàn cho người sử dụngv

Điện thoại Nokia N80 của bạn 1

Cài đặt	1
Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia	1
Chuyển nội dung từ điện thoại khác	1
Các chỉ báo cần biết	2
Khóa bàn phím (bảo vệ phím)	4
Điều chỉnh loa và âm lượng	4
Clock (Đồng hồ).....	4
Tai nghe.....	5
Dây đeo cổ tay.....	5
Mạng LAN không dây	6
Mạng gia đình	7
Thẻ nhớ	9
Trình quản lý tập tin	10
Các phím tắt hữu dụng	11
Help (Trợ giúp).....	12
Tutorial (Hướng dẫn).....	13

Camera 14

Chụp hình	14
Chỉnh sửa hình ảnh.....	20

Quay phim.....	21
Biên tập các đoạn phim	23

Gallery (Bộ sưu tập).....26

Xem hình ảnh và video clip	27
Trình chiếu	28
Diễn thuyết.....	28
Album.....	28
Các tập tin dự phòng.....	29
Home network (Mạng gia đình).....	29

Các ứng dụng media33

Máy nghe nhạc	33
Image print (In hình ảnh).....	35
RealPlayer	36
Movie director (Đạo diễn phim).....	38
Flash Player	40

Nhắn tin42

Viết văn bản	43
Soạn và gửi tin nhắn	45
Hộp thư đến—nhận tin nhắn	47
Hộp thư	49

Xem tin nhắn trên thẻ SIM	51
Cài đặt nhắn tin.....	51

Sổ liên lạc (Danh bạ điện thoại)57

Lưu tên và số điện thoại.....	57
Sao chép sổ liên lạc.....	58
Gán nhạc chuông cho các sổ liên lạc	59
Tạo các nhóm liên lạc.....	59

Gọi điện61

Cuộc gọi thoại.....	61
Cuộc gọi video	63
Chia sẻ video	65
Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi	67
Log (Nhật ký)	69

Services.....72

Điểm truy cập.....	72
Giao diện chỉ mục	73
Kết nối an toàn.....	73
Trình duyệt.....	73
Các chương trình tải xuống từ mạng và mua các mục	74
Ngưng kết nối.....	75
Cài đặt	75

Lịch77

Tạo các mục nhập lịch	77
Xem lịch	78
Quản lý các mục nhập lịch của bạn	78
Cài đặt lịch	78

My own79

Visual Radio	79
Go to—gán phím tắt	81
IM—nhắn tin trò chuyện	81
Trò chơi	84

Kết nối85

Kết nối Bluetooth.....	85
Kết nối hồng ngoại	89
Data cable (Cáp dữ liệu)	90
Kết nối PC	90
Quản lý kết nối	91
Đồng bộ hóa.....	92
Trình quản lý thiết bị.....	92

Các ứng dụng văn phòng95

Máy tính.....	95
Bộ chuyển đổi	95
Ghi chú.....	95
Máy ghi âm.....	96

Cài đặt riêng điện thoại.....97

Profiles (Cấu hình)—cài âm báo.....	97
Thay đổi giao diện điện thoại.....	99
Chế độ Active standby.....	99

Tools (Công cụ)100

Phím đa phương tiện.....	100
Settings (Cài đặt).....	100
Lệnh thoại.....	112
Quản lý ứng dụng	113
Mã khóa kích hoạt cho các tập tin được bảo hộ bản quyền.....	115

Giải quyết sự cố: Hỏi & Đáp117

Thông tin về pin.....121

Sạc và Xả pin	121
Hướng dẫn xác thực pin Nokia	122

Phụ kiện chính hãng Nokia.....124

Pin	125
Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W	126
Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W	126
Tai Nghe Nokia trên xe Plug-in Không dây HF-6W	127
Bàn Phím Không Dây Nokia SU-8W	128

Giữ gìn và Bảo trì.....129

Thông tin bổ sung về sự an toàn 130

Từ mục 134

An toàn cho người sử dụng

Dưới đây là những hướng dẫn đơn giản và dễ hiểu. Việc không tuân theo các quy tắc này có thể gây nguy hiểm hoặc bị xem là phạm pháp. Đọc sách hướng dẫn sử dụng đầy đủ để biết thêm thông tin.



BẬT MÁY AN TOÀN Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.



AN TOÀN GIAO THÔNG LÀ TRÊN HẾT
Nên tuân thủ các quy định của địa phương. Luôn giữ tay được rảnh để điều khiển xe. Điều quan tâm đầu tiên trong khi lái xe là an toàn giao thông.



NHIỄU SÓNG Tất cả các điện thoại vô tuyến đều có thể gây nhiễu sóng làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở TRONG BỆNH VIỆN Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Tắt điện thoại khi ở gần các thiết bị y tế.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở TRÊN MÁY BAY Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Các thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu liên lạc trên máy bay.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI ĐANG TIẾP NHIÊN LIỆU Không nên sử dụng điện thoại tại trạm tiếp nhiên liệu. Không nên sử dụng điện thoại gần nơi có nhiên liệu hoặc hóa chất.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở GẦN NƠI CÓ PHÁT NỔ Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Không nên sử dụng điện thoại nơi đang có phát nổ.



SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI ĐÚNG CÁCH

Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí thông thường như được hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại. Không nên chạm vào ăng-ten khi không cần thiết.



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÓ CHẤT LƯỢNG

Chỉ những nhân viên có đủ khả năng chuyên môn mới được lắp đặt hoặc sửa chữa điện thoại.



PHỤ KIỆN VÀ PIN Chỉ sử dụng phụ kiện cài tiến và pin đã kiểm duyệt. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CHỐNG VÔ NƯỚC Điện thoại này không thể chống vô nước. Nên giữ điện thoại thật khô.



DỰ PHÒNG Luôn nhớ dự phòng hay giữ lại bản viết tay tất cả thông tin quan trọng.



KẾT NỐI VỚI NHỮNG THIẾT BỊ KHÁC

Khi kết nối điện thoại với bất kỳ thiết bị nào, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thiết bị đó để biết những hướng dẫn chi tiết về an toàn. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CÁC CUỘC GỌI KHẨN CẤP Bảo đảm chức năng của điện thoại đã được bật và đang ở trong vùng dịch vụ. Bấm phím kết thúc nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và trở về màn hình bắt đầu. Nhập số điện thoại khẩn cấp rồi bấm phím đàm thoại. Cho biết nơi bạn đang ở. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Giới thiệu điện thoại

Điện thoại vô tuyến mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này được phép sử dụng trên các mạng gồm các băng tần EGSM 850/900/1800/1900 và UMTS 2100. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về mạng.

Khi sử dụng những tính năng của thiết bị này, hãy tuân thủ pháp luật và tôn trọng sự riêng tư và những quyền hợp pháp của người khác.

Khi đang chụp hình và sử dụng hình ảnh hoặc các video clip, phải tuân theo các quy định và tôn trọng các phong tục cũng như các quyền hợp pháp và riêng tư của từng địa phương, bao gồm cả bản quyền tác giả.



Cảnh báo: Bạn phải bật điện thoại để sử dụng các chức năng của nó, ngoại trừ chức năng báo thức. Không nên bật điện thoại nếu có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Các ứng dụng **Quickoffice** trong điện thoại này hỗ trợ các chức năng thông thường của Microsoft Word, PowerPoint, và Excel (Microsoft Office 97, 2000, XP, và 2003). Không phải tất cả các định dạng tập tin đều có thể được xem và chỉnh sửa.

Các Dịch vụ Mạng

Để sử dụng điện thoại, bạn phải có dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến cung cấp. Nhiều chức năng trên điện thoại phụ thuộc vào các chức năng trên mạng vô tuyến để hoạt động. Các dịch vụ mạng này không có sẵn trên tất cả các mạng và bạn phải thỏa thuận với nhà cung cấp dịch vụ trước khi bạn có thể sử dụng các dịch vụ mạng. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp thêm cho bạn các thông tin hướng dẫn sử dụng và mức phí sẽ được áp dụng khi sử dụng các dịch vụ mạng này. Một số mạng có thể có các hạn chế ảnh hưởng đến cách sử dụng các dịch vụ mạng. Ví dụ một số mạng có thể không hỗ trợ tất cả ký tự và dịch vụ tùy thuộc ngôn ngữ.

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng có thể được cấu hình đặc biệt. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Điện thoại này hỗ trợ giao thức WAP 2.0 (HTTP và SSL) hoạt động trên nền giao thức TCP/IP. Một số tính năng của thiết bị này, ví dụ như MMS, trình duyệt, e-mail, và tải nội dung qua trình duyệt hoặc qua MMS, yêu cầu mạng phải hỗ trợ các công nghệ này.

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Phụ kiện, pin và bộ sạc

Luôn tắt điện thoại và ngắt kết nối với bộ sạc trước khi tháo pin ra.

Kiểm tra số hiệu của bộ sạc trước khi sử dụng với điện thoại này. Điện thoại này được thiết kế để sử dụng nguồn điện từ bộ sạc DC-4, AC-3, hoặc AC-4 và bộ sạc AC-1, ACP-8, ACP-12, LCH-8, LCH-9, hoặc LCH-12 khi sử dụng cùng với thiết bị nối tiếp bộ sạc CA-44.

Pin được sử dụng cùng với điện thoại này là BL-5B.



Cảnh báo: Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện cải tiến được Nokia phê chuẩn cho riêng kiểu điện thoại này. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Liên hệ với đại lý của bạn để biết về các phụ kiện cải tiến chính hãng hiện có. Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cắm vào phích cắm, không nên kéo dây.

Điện thoại Nokia N80 của bạn

Số hiệu: Nokia N80-1

Dưới đây được gọi là Nokia N80.

Cài đặt

Điện thoại Nokia N80 thông thường đã được tự động cấu hình các thông số cài đặt MMS, GPRS, truy cập tuyến, và Internet di động, dựa trên thông tin của nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng. Bạn có thể nhận các thông số cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ đã được cài đặt trên điện thoại, hoặc bạn có thể nhận các thông số cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt.

Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia

Tìm trên trang www.nokia.com/N80/support hoặc trang Web Nokia tại địa phương bạn để có phiên bản mới nhất của tài liệu này, thông tin bổ sung, các nội dung tải về và các dịch vụ liên quan đến sản phẩm Nokia của bạn.

Trên trang Web, bạn có thể lấy thông tin về sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của Nokia. Nếu bạn cần liên hệ với dịch vụ khách hàng, kiểm tra danh sách các trung tâm liên hệ của Nokia trong vùng của bạn tại www.nokia.com/customerservice.

Nếu bạn muốn biết về các dịch vụ bảo trì, kiểm tra trung tâm dịch vụ Nokia gần với bạn nhất tại www.nokia-asia.com/repair.



Chuyển nội dung từ điện thoại khác

Bạn có thể chuyển nội dung, ví dụ như các số liên lạc, từ một điện thoại Nokia tương thích sang Nokia N80 của bạn sử dụng kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Loại nội dung có thể được chuyển tùy thuộc vào kiểu điện thoại. Nếu điện thoại kia hỗ trợ đồng bộ, bạn cũng có thể đồng bộ dữ liệu giữa điện thoại kia và Nokia N80 của bạn.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Bạn có thể lắp thẻ SIM của bạn vào một thiết bị khác. Khi Nokia N80 được bật mà không có thẻ SIM, cấu hình không trực tuyến sẽ tự động được kích hoạt.

Chuyển nội dung

- Để sử dụng ứng dụng này lần đầu tiên, bấm , và chọn **Tools** > **Transfer**. Nếu bạn đã từng sử dụng ứng dụng này và muốn bắt đầu phiên chuyển dữ liệu mới, chọn **Transfer data**. Trong giao diện thông tin, chọn **Continue**.
- Chọn sử dụng kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại để chuyển dữ liệu. Cả hai điện thoại phải hỗ trợ loại kết nối đã chọn.
- Nếu bạn chọn kết nối Bluetooth:
Để Nokia N80 tìm kiếm các thiết bị có kết nối Bluetooth, chọn **Continue**. Chọn một thiết bị trong danh sách. Bạn sẽ được yêu cầu nhập mã vào Nokia N80 của bạn. Nhập một mã (1-16 số) vào và chọn **OK**. Nhập cùng mã này vào điện thoại kia và chọn **OK**. Bây giờ các thiết bị đã được ghép nối. Xem phần **"Ghép nối thiết bị"**, trên trang 88.
Với một số kiểu điện thoại, ứng dụng **Transfer** được gửi đến điện thoại khác dưới dạng tin nhắn. Để cài đặt ứng dụng **Transfer** trên điện thoại khác, mở tin nhắn, và theo các hướng dẫn trên màn hình.

Nếu bạn chọn cổng hồng ngoại, kết nối hai điện thoại. Xem phần **"Kết nối hồng ngoại"**, trên trang 89.

- Trong điện thoại Nokia N80, chọn nội dung bạn muốn sao chép từ điện thoại khác.

Nội dung được sao chép từ bộ nhớ của điện thoại kia sang vị trí tương ứng trong Nokia N80 của bạn. Thời gian sao chép tùy thuộc vào dung lượng bộ nhớ được chuyển. Bạn có thể hủy lệnh sao chép và tiếp tục lại sau.

Nếu điện thoại kia hỗ trợ đồng bộ, bạn có thể cập nhật dữ liệu trên cả hai điện thoại. Để khởi động đồng bộ với một điện thoại Nokia tương thích, chọn **Phones**, di chuyển đến điện thoại này, và chọn **Options** > **Synchronise**. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.

Để xem nhật ký của phiên chuyển dữ liệu trước đó, chọn **Transfer log**.

Các chỉ báo cần biết

 Điện thoại đang được sử dụng trong mạng GSM.

3G Điện thoại đang được sử dụng trong mạng UMTS (dịch vụ mạng).

 Bạn nhận được một hoặc nhiều tin nhắn chưa đọc trong thư mục **Inbox** trong menu **Messag..**

 Bạn nhận được e-mail mới trong hộp thư từ xa.
 Có các tin nhắn đang chờ để gửi trong thư mục **Outbox**.

 Bạn có cuộc gọi bị nhỡ.

 Được hiển thị nếu **Ringing type** được cài là **Silent** và **Message alert tone**, **IM alert tone**, và **E-mail alert tone** được cài sang **Off**.

 Bàn phím điện thoại bị khóa.

 Chức năng báo thức được kích hoạt.

2 Số máy điện thoại thứ hai đang được sử dụng (dịch vụ mạng).

 Tất cả cuộc gọi đến điện thoại sẽ được chuyển hướng đến một số khác. Nếu bạn sử dụng hai số máy (dịch vụ mạng), chỉ báo cho số máy đầu tiên là **1** và số thứ hai là **2**.

 Một tai nghe tương thích được nối với điện thoại.

 Mất kết nối với bộ tai nghe Bluetooth tương thích.

 Một bộ trợ thính tương thích được nối với điện thoại.

 Một **Text phone** tương thích được kết nối với điện thoại.

D Cuộc gọi data được kích hoạt.

 Hiện có kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE.

 Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang hoạt động.

 Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang ở trạng thái chờ.

 Hiện có kết nối dữ liệu gói UMTS.

 Kết nối dữ liệu gói UMTS đang hoạt động.

 Kết nối dữ liệu gói UMTS đang được giữ.

 Bạn đã cài điện thoại dò tìm mạng LAN không dây, và có một mạng LAN không dây. Xem phần **"Wireless LAN (Mạng LAN không dây)"**, trên trang 106.

 Một kết nối mạng LAN không dây đang hoạt động trong mạng có mã hóa.

 Một kết nối mạng LAN không dây đang hoạt động trong mạng không có mã hóa.

 Kết nối Bluetooth đang bật.

 Dữ liệu đang được truyền qua kết nối Bluetooth.

 Kết nối USB được kích hoạt.

 Một kết nối hồng ngoại đang được kích hoạt. Nếu chỉ báo này nhấp nháy, điện thoại đang tìm cách kết nối với thiết bị khác hoặc kết nối đã bị mất.

Khóa bàn phím (bảo vệ phím)

Để khóa bàn phím, đóng bàn phím trượt, và chọn **Yes** khi hiển thị thông báo **Lock keypad?**. Để khóa bàn phím khi vỏ trượt đã đóng, bấm phím nguồn, và chọn **Lock keypad**.

Để mở khóa, mở bàn phím trượt, hoặc bấm **(Unlock)**, và chọn **OK** khi hiển thị thông báo **Unlock keypad?**.

Khi khóa bàn phím, bạn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Điều chỉnh loa và âm lượng

Để tăng hoặc giảm mức âm lượng, khi bạn đang đàm thoại hoặc đang nghe nhạc, bấm  hoặc .



Loa tích hợp cho phép bạn đàm thoại và nghe ở một khoảng cách gần mà không cần giữ điện thoại gần tai.



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Để sử dụng loa trong khi gọi, chọn **Options > Activate loudsp..**

Để tắt loa, chọn **Options > Activate handset**.



Clock (Đồng hồ)

Bấm , và chọn **Clock**. Để cài âm báo mới, chọn **Options > Set alarm**. Khi báo thức được kích hoạt,  sẽ hiển thị.

Để tắt báo thức, chọn **Stop**, hoặc để tạm ngừng báo thức trong 5 phút, chọn **Snooze**.

Nếu đến giờ báo thức trong khi tắt điện thoại, điện thoại sẽ tự bật và phát âm báo. Nếu bạn chọn **Stop**, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn khởi động để gọi điện thoại không. Chọn **No** để tắt điện thoại hoặc **Yes** để gọi và nhận cuộc gọi. Không nên chọn **Yes** khi điện thoại có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để hủy báo thức, chọn **Clock > Options > Remove alarm**.

Clock settings (Cài đặt đồng hồ)

Để thay đổi cài đặt đồng hồ, chọn **Clock > Options > Settings**.

Để thay đổi thời gian và ngày tháng, chọn **Time** hoặc **Date**.

Để thay đổi dạng hiển thị đồng hồ ở chế độ chờ, chọn **Clock type** > **Analogue** hoặc **Digital**.

Để cho phép mạng điện thoại di động cập nhật thông tin về thời gian, ngày tháng, và múi giờ cho điện thoại của bạn (dịch vụ mạng), chọn **Network operator time** > **Auto-update**.

Để thay đổi âm báo, chọn **Clock alarm tone**.

Đồng hồ thế giới

Để mở giao diện đồng hồ thế giới, mở **Clock**, và bấm . Trên màn hình đồng hồ thế giới, bạn có thể xem giờ của những thành phố khác nhau.

Để thêm thành phố vào danh sách, chọn **Options** > **Add city**. Bạn có thể thêm tối đa 15 thành phố vào danh sách.

Để cài thành phố hiện bạn đang ở, di chuyển đến một thành phố và chọn **Options** > **My current city**. Thành phố sẽ được hiển thị trong cửa sổ đồng hồ chính và thời gian trong điện thoại của bạn sẽ thay đổi tương ứng với thành phố được chọn. Kiểm tra xem thời gian có chính xác và khớp với múi giờ của bạn hay không.

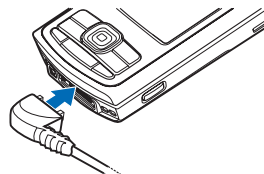
Tai nghe

Nối bộ tai nghe tương thích vào cổng kết nối Pop-Port™ của điện thoại.



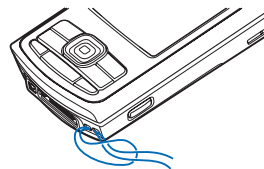
Cảnh báo:

Khi sử dụng tai nghe, khả năng nghe âm thanh bên ngoài của bạn có thể bị ảnh hưởng. Không sử dụng tai nghe tại nơi nó có thể gây nguy hiểm cho bạn.



Dây đeo cổ tay

Xỏ dây đeo cổ tay như được thể hiện trên hình vẽ, và thắt chặt lại.



Mạng LAN không dây

Điện thoại của bạn hỗ trợ mạng nội bộ không dây (mạng LAN không dây). Với mạng LAN không dây, bạn có thể kết nối điện thoại của bạn vào Internet và các thiết bị tương thích sử dụng mạng LAN không dây. Để có thêm thông tin về sử dụng điện thoại trong một mạng gia đình, xem phần “[Mạng gia đình](#)”, trên trang 7.

Một số nơi, như ở Pháp, có những hạn chế về sử dụng mạng LAN không dây. Kiểm tra với các nhà chức trách địa phương để biết thêm thông tin.

Các tính năng sử dụng mạng LAN không dây, hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt động ẩn trong khi đang sử dụng các tính năng khác sẽ làm hao pin và giảm thời gian hoạt động của pin.

Điện thoại của bạn hỗ trợ các tính năng mạng LAN không dây sau:

- Chuẩn IEEE 802,11b/g
- Hoạt động ở tần số 2,4 GHz
- Tính bảo mật tương đương với các biện pháp mã hóa của mạng hữu tuyến (WEP) với các mã khóa lên tới 128 bit, truy cập Wi-Fi được bảo vệ (WPA), và 802,1x. Các chức năng này chỉ có thể được sử dụng nếu được mạng hỗ trợ.

Bạn có thể tạo một điểm truy cập Internet (IAP) trong mạng LAN không dây, và sử dụng điểm truy cập này cho các ứng dụng cần kết nối vào Internet.

Tạo một điểm truy cập Internet

- 1 Bấm  và chọn **Connect.** > **Conn. mgr.** > **Availab. WLAN.**
- 2 Điện thoại sẽ tìm kiếm các mạng LAN không dây trong phạm vi. Di chuyển đến mạng bạn muốn tạo điểm truy cập Internet, và chọn **Options** > **Define access point.**
- 3 Điện thoại sẽ tạo một điểm truy cập Internet với cài đặt mặc định. Để xem hoặc thay đổi các cài đặt này, xem phần “[Access points](#)”, trên trang 103.

Khi một ứng dụng yêu cầu bạn chọn một điểm truy cập, chọn điểm truy cập đã tạo, hoặc để tìm kiếm các mạng LAN không dây trong phạm vi, chọn **Search for WLAN.**

Một kết nối mạng LAN không dây sẽ được thiết lập khi bạn tạo một kết nối dữ liệu sử dụng một điểm truy cập Internet của mạng LAN không dây. Kết nối mạng LAN không dây hiện hành sẽ kết thúc khi bạn ngừng kết nối dữ liệu này. Để ngừng kết nối, xem phần “[Quản lý kết nối](#)”, trên trang 91.

Bạn có thể sử dụng mạng LAN không dây trong khi có một cuộc gọi thoại hoặc khi có kết nối dữ liệu gói hoạt động. Một lần, bạn chỉ có thể kết nối một thiết bị điểm truy cập của mạng LAN không dây, nhưng nhiều ứng dụng có thể sử dụng cùng một kết nối mạng LAN không dây.

Khi bạn kích hoạt cấu hình **Offline**, bạn vẫn có thể sử dụng mạng LAN không dây (nếu có). Hãy nhớ tuân theo các yêu cầu an toàn có thể áp dụng khi thiết lập và sử dụng kết nối mạng LAN không dây.

Có hai chế độ hoạt động trong mạng LAN không dây: cơ sở hạ tầng và ad hoc.

Ở chế độ hoạt động cơ sở hạ tầng, điện thoại được kết nối với một thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây. Qua thiết bị điểm truy cập này, bạn có thể truy cập vào các thiết bị tương thích khác hoặc vào một mạng LAN thông thường.

Trong chế độ hoạt động ad hoc, các thiết bị tương thích có thể gửi và nhận dữ liệu trực tiếp với nhau. Để tạo một điểm truy cập Internet cho mạng ad hoc, xem phần [“Access points”](#), trên trang [103](#).



Meo! Để kiểm tra địa chỉ Điều Khiển Truy Cập Media (MAC) dùng để nhận dạng điện thoại của bạn, nhập `*#62209526#` ở chế độ chờ.

Mạng gia đình

Điện thoại của bạn tương thích với cấu trúc Universal Plug and Play (UPnP). Bằng cách sử dụng một thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây hoặc một bộ định tuyến mạng LAN không dây, bạn có thể tạo một mạng gia đình và kết nối các thiết bị tương thích với UPnP có hỗ trợ mạng LAN không dây vào mạng, chẳng hạn như Nokia N80, một máy PC tương thích, một máy in tương thích, một dàn âm thanh tương thích, một tivi tương thích, hoặc một dàn âm thanh hoặc một tivi được trang bị một bộ nhận đa phương tiện không dây tương thích.

Sau khi cấu hình mạng gia đình, bạn có thể sao chép, xem hoặc phát các tập tin media tương thích hoặc in hình ảnh trong **Gallery** trên các thiết bị tương thích được kết nối khác, ví dụ xem hình ảnh được lưu trong Nokia N80 trên một tivi tương thích. Xem phần [“Home network \(Mạng gia đình\)”](#) trên trang [29](#) và phần [“Image print \(In hình ảnh\)”](#) trên trang [35](#).

Các biện pháp bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chuyển tiếp, xem, phát, hoặc in một số hình ảnh, nhạc (bao gồm cả kiểu chuông), và các nội dung khác.

Để thiết lập mạng gia đình trong mạng LAN không dây của bạn, trước tiên tạo và cấu hình điểm truy cập Internet trong nhà của mạng LAN không dây, sau đó cấu hình các thiết bị. Trên Nokia N80, cấu hình các cài đặt trong ứng dụng **Home network**. Xem phần "[Home network \(Mạng gia đình\)](#)", trên trang 29. Để kết nối một máy PC tương thích với mạng gia đình, trên máy PC, bạn phải cài đặt phần mềm Home Media Server trong CD-ROM được cung cấp cùng với Nokia N80 của bạn.

Sau khi bạn đã hoàn tất các cấu hình cần thiết trong tất cả các thiết bị được kết nối vào mạng, bạn có thể bắt đầu sử dụng mạng gia đình. Xem phần "[Xem các tập tin media](#)", trên trang 31.

Mạng gia đình sử dụng cài đặt bảo mật của kết nối mạng LAN không dây. Sử dụng tính năng mạng gia đình trong một mạng cơ sở hạ tầng của một mạng LAN không dây với một thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây hoặc một bộ định tuyến và bật mã hóa.



Chú ý: Luôn bật một trong những biện pháp mã hóa hiện có để tăng độ bảo mật cho kết nối mạng LAN không dây. Việc sử dụng mã hóa sẽ giảm nguy cơ bị truy cập trái phép vào dữ liệu của bạn.

Để xem hoặc thay đổi các cài đặt của điểm truy cập Internet mạng LAN không dây trong Nokia N80 của bạn, xem phần "[Access points](#)", trên trang 103.

Thông tin bảo mật quan trọng

Khi bạn cấu hình mạng gia đình LAN không dây, bật một biện pháp bảo mật, trước tiên trên thiết bị điểm truy cập hoặc bộ định tuyến của bạn, sau đó trên các thiết bị tương thích khác bạn định kết nối vào mạng gia đình. Tham khảo tài liệu của các thiết bị này. Giữ bí mật tất cả các mã khóa và lưu chúng ở một nơi an toàn tách biệt với các thiết bị này.

Để xem hoặc thay đổi các cài đặt của điểm truy cập Internet mạng LAN không dây trong Nokia N80 của bạn, xem phần "[Access points](#)", trên trang 103.

Nếu bạn sử dụng chế độ hoạt động ad hoc để tạo một mạng gia đình với một thiết bị tương thích, bật một trong các biện pháp mã hóa trong **WLAN security mode** khi cấu hình điểm truy cập Internet. Bước này sẽ giảm nguy cơ bị một bên không mong muốn tham gia vào mạng ad hoc.

Điện thoại sẽ thông báo cho bạn biết nếu có một thiết bị khác tìm cách kết nối với điện thoại của bạn và mạng gia đình. Không chấp nhận các yêu cầu kết nối từ những thiết bị không rõ nguồn gốc.

Nếu bạn sử dụng mạng LAN không dây trong một mạng không có mã hóa, tất chức năng chia sẻ các tập tin của Nokia N80 với các thiết bị khác, hoặc không chia sẻ bất kỳ tập tin media cá nhân nào. Để biết cách thay đổi cài đặt chia sẻ, xem phần “Home network (Mạng gia đình)”, trên trang 29.

Thẻ nhớ

Bạn có thể sử dụng một thẻ nhớ miniSD tương thích làm bộ nhớ bổ sung và để dành bộ nhớ trên máy của bạn cho các tính năng khác.

Bạn cũng có thể sao lưu thông tin từ điện thoại của bạn vào thẻ nhớ này.

Chỉ sử dụng những thẻ miniSD tương thích với điện thoại này. Các loại thẻ nhớ khác, ví dụ như thẻ RS-MMC, sẽ không vừa với khe thẻ nhớ này và cũng không tương thích với điện thoại này. Sử dụng thẻ nhớ không tương thích có thể làm hư thẻ cũng như thiết bị và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị lỗi.

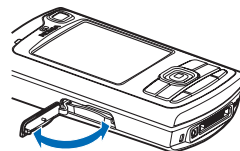
Chỉ sử dụng những thẻ miniSD đã được Nokia phê chuẩn cho riêng kiểu điện thoại này. Nokia áp dụng các tiêu chuẩn công nghiệp đã được phê chuẩn cho thẻ nhớ nhưng không phải thẻ nhớ của tất cả các hãng khác đều hoạt động tốt hay tương thích hoàn toàn với điện thoại này.



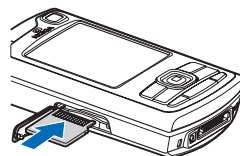
Giữ tất cả thẻ nhớ ngoài tầm tay trẻ em.

Lắp thẻ nhớ

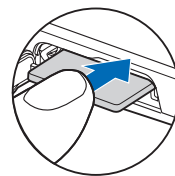
- 1 Để lắp thẻ nhớ, đặt ngón tay vào phần lõm ở phía trên cùng của cửa ngăn chứa thẻ nhớ, và mở nắp ra.



- 2 Lắp thẻ nhớ vào khe. Bảo đảm vùng tiếp xúc trên thẻ hướng xuống và góc vát hướng về phía dưới điện thoại.



- 3 Nhấn thẻ nhớ vào. Bạn có thể nghe thấy một tiếng tách khi thẻ nhớ khớp vào vị trí.
- 4 Đóng nắp lại. Bạn không thể sử dụng thẻ nhớ khi nắp còn mở.



Đẩy thẻ nhớ ra

- 1 Trước khi đẩy thẻ ra, bấm phím nguồn, và chọn **Remove mem. card**. Tất cả các ứng dụng được đóng.
- 2 Khi thông báo **Remove memory card and press 'OK'** hiển thị, hãy mở nắp khe chứa thẻ nhớ.

- 3 Nhấn vào thẻ để đẩy thẻ ra khỏi khe chứa.
- 4 Đẩy thẻ nhớ ra. Nếu điện thoại bật, chọn **OK**.



Chú ý: Không tháo thẻ nhớ trong khi đang truy cập vào thẻ. Việc tháo thẻ trong khi đang sử dụng có thể làm hư thẻ cũng như điện thoại, và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị lỗi.



Công cụ dùng cho thẻ nhớ

Bấm , và chọn **Tools > Memory**. Bạn có thể sử dụng một thẻ miniSD tương thích làm bộ nhớ bổ sung và sử dụng cho việc sao lưu thông tin trên bộ nhớ của máy.

Để lưu dự phòng các thông tin trên bộ nhớ điện thoại sang thẻ nhớ tương thích, chọn **Options > Backup phone mem..**

Để khôi phục thông tin trong thẻ nhớ tương thích vào bộ nhớ điện thoại, chọn **Options > Restore from card**.

Định dạng thẻ nhớ

Khi định dạng lại thẻ nhớ, tất cả dữ liệu có trên thẻ sẽ bị mất.

Một số thẻ nhớ được định dạng sẵn khi bán ra nhưng một số thẻ nhớ khác yêu cầu phải định dạng. Tham

khảo ý kiến người bán lẻ để xác định xem bạn có phải định dạng thẻ nhớ trước khi sử dụng hay không.

Để định dạng thẻ nhớ, chọn **Options > Format mem. card**. Chọn **Yes** để xác nhận.



Trình quản lý tập tin

Nhiều chức năng của điện thoại, như là danh bạ, tin nhắn, hình ảnh, video, nhạc chuông, ghi chú lịch, tài liệu, và các ứng dụng được tải trên mạng về, sử dụng bộ nhớ để lưu dữ liệu. Dung lượng bộ nhớ trống tùy thuộc vào lượng dữ liệu đã được lưu trong bộ nhớ điện thoại.

Bạn có thể sử dụng một thẻ nhớ tương thích làm vùng lưu trữ thêm. Các thẻ nhớ đều có thể ghi lại nhiều lần, vì vậy bạn có thể xóa thông tin cũ và lưu dữ liệu mới trên thẻ nhớ.

Để trình duyệt các tập tin và thư mục lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ (nếu thẻ được gắn vào máy), bấm , và chọn **Tools > File mgr..**

Giao diện bộ nhớ điện thoại () sẽ mở ra.

Bấm  để mở giao diện thẻ nhớ () nếu có.

Để di chuyển hoặc sao chép các tập tin vào thư mục, bấm  và  cùng lúc để đánh dấu tập tin,

và chọn **Options > Move to folder** hoặc **Copy to folder**.

Để tìm một tập tin, chọn **Options > Find** và bộ nhớ mà bạn sẽ dùng cho việc tìm kiếm, và nhập tên tập tin tương ứng cần tìm.

Xem mức sử dụng bộ nhớ

Để xem trong điện thoại có những loại dữ liệu nào và dung lượng bộ nhớ mà mỗi loại dữ liệu khác nhau sử dụng, chọn **Options > Memory details**. Dung lượng bộ nhớ còn trống sẽ được hiển thị trong **Free memory**.

Không đủ bộ nhớ—làm trống bộ nhớ

Điện thoại sẽ thông báo khi bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ gần hết.

Để làm trống bộ nhớ điện thoại, chuyển dữ liệu sang một thẻ nhớ tương thích, nếu có. Đánh dấu các tập tin sẽ được chuyển, và chọn **Move to folder > Memory card**, và chọn thư mục sẽ chuyển đến.

Bạn cũng có thể chuyển các tập tin media vào một máy PC tương thích, ví dụ sử dụng tùy chọn chuyển trong **Gallery**. Xem phần [“Các tập tin dự phòng”](#), trên trang [29](#).



Mẹo! Bạn có thể sử dụng Nokia Phone Browser có trong Nokia PC Suite để xem các bộ nhớ khác nhau trong điện thoại và chuyển dữ liệu.

Để làm trống bộ nhớ bằng cách xóa dữ liệu, sử dụng **File mgr.** hoặc vào ứng dụng tương ứng. Ví dụ bạn có thể xóa các dữ liệu sau:

- Tin nhắn trong các thư mục **Inbox**, **Drafts**, và **Sent** và trong menu **Messag..**
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang Web đã lưu.
- Các tập tin âm thanh, phim và hình ảnh đã lưu.
- Thông tin về số liên lạc.
- Ghi chú lịch.
- Các ứng dụng được tải về. Xem thêm phần [“Quản lý ứng dụng”](#), trên trang [113](#).
- Tất cả các dữ liệu bạn không còn cần dùng đến nữa.

Các phím tắt hữu dụng

Sử dụng phím tắt để truy cập nhanh các ứng dụng thường sử dụng trong điện thoại. Tham khảo các phần có liên quan trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm chi tiết về các chức năng.

Chế độ chờ

- Để chuyển đổi giữa các ứng dụng đang mở, bấm và giữ , và chọn một ứng dụng. Nếu bộ nhớ được sử dụng gần hết, điện thoại có thể đóng lại một số ứng dụng. Điện thoại sẽ lưu lại tất cả dữ liệu trước khi đóng ứng dụng. Việc để các ứng dụng chạy ẩn sẽ tiêu thụ pin nhiều hơn và đồng thời làm giảm tuổi thọ của pin.
- Để khởi động camera, bấm và giữ phím chụp ảnh khoảng hơn 1 giây.
- Để gọi tới hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ **1**.
- Để mở các ứng dụng đa phương tiện, bấm hoặc bấm và giữ . Xem phần "[Phím đa phương tiện](#)", trên trang [100](#).
- Để thay đổi cấu hình, bấm , và chọn một cấu hình.
- Để chuyển giữa cấu hình **General** và **Silent** bấm và giữ **#**. Nếu bạn có hai số máy điện thoại (dịch vụ mạng), thao tác này cũng sẽ chuyển qua lại giữa hai số máy.
- Để mở danh sách các số đã gọi gần đây nhất, bấm .
- Để sử dụng lệnh thoại, bấm và giữ .
- Để kết nối **Services** (dịch vụ mạng), bấm và giữ **0**. Xem phần "[Services](#)", trên trang [72](#).

Để biết thêm thông tin về các phím tắt hiện có ở chế độ chờ, xem "[Chế độ Active standby](#)", trên trang [99](#).

Chỉnh sửa văn bản và các danh sách

- Để đánh dấu một mục trong danh sách, di chuyển đến mục đó và bấm  và  cùng lúc.
- Để đánh dấu chọn nhiều mục trong danh sách, bấm và giữ  trong khi bạn bấm  hoặc . Để ngưng chọn, thả phím  ra.
- Để sao chép và dán văn bản: Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ . Cùng một lúc, bấm  hoặc  để chọn văn bản. Để sao chép văn bản vào clipboard khi đang giữ , chọn **Copy**. Để chèn văn bản vào tài liệu, bấm và giữ , và chọn **Paste**.



Help (Trợ giúp)

Điện thoại của bạn có các văn bản trợ giúp theo ngữ cảnh. Khi một ứng dụng đang mở, chọn **Options** > **Help** để truy cập phần trợ giúp trong giao diện hiện tại.

Khi bạn đọc hướng dẫn, để chuyển giữa chức năng trợ giúp và ứng dụng đang chạy ẩn, bấm và giữ .

Để mở phần trợ giúp trong menu chính, chọn **Tools > Help**. Chọn ứng dụng theo ý muốn để xem các chủ đề trợ giúp.



Tutorial (Hướng dẫn)

Trình hướng dẫn cung cấp cho bạn thông tin về các chức năng của điện thoại. Để truy cập trình hướng dẫn trong menu, bấm , và chọn **My own > Tutorial** và chọn phần mà bạn muốn xem.

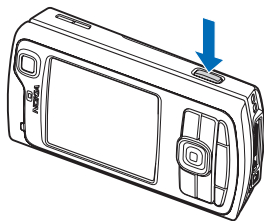
Camera

Điện thoại Nokia N80 có hai camera, một camera với độ phân giải cao nằm ở mặt sau của điện thoại (camera chính) và camera với độ phân giải thấp hơn trên nằm ở mặt trước của điện thoại (camera phụ). Cả hai camera đều có chức năng chụp ảnh và quay phim. Camera phụ ở mặt trước được sử dụng ở chế độ chụp chân dung, và camera ở mặt sau ở chế độ chụp phong cảnh.

Điện thoại Nokia N80 hỗ trợ khả năng chụp ảnh với độ phân giải 2048 x 1536 pixel. Độ phân giải hình ảnh trong tài liệu này có thể hiển thị khác.

Để khởi động camera, bấm , và chọn **Imaging > Camera**, hoặc bấm và giữ phím chụp ảnh. Trong kích ngắm, bạn có thể thấy khung giao diện chụp hình. Để chuyển giữa các camera, chọn

Options > Use secondary camera hoặc **Use main camera**.



Ảnh và các video clip tự động được lưu trong thư mục **Imgs. & video** trong **Gallery**. Ảnh chụp từ các camera có dạng .jpeg. Các video clip được ghi theo định dạng tập tin 3GPP với tên mở rộng của tập tin .3gp (các chế độ chất lượng video Bình Thường và Chia Sẻ) hoặc theo định dạng .mp4 (chế độ chất lượng video Cao). Xem phần “**Cài đặt phim**”, trên trang 22.

Bạn có thể gửi hình ảnh hoặc video clip dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail hoặc sử dụng kết nối Bluetooth.

Chụp hình

Nếu các camera đang ở **Video mode**, mở chế độ hình ảnh bằng cách chọn **Options > Image mode**.

Để chọn camera phụ, ví dụ để tự chụp, chọn **Options > Use secondary camera**.

Để xóa bản sao của các tập tin đã chuyển đi, và xóa bộ nhớ cho các hình ảnh mới, chọn **Options > Go to free memory** (chỉ camera chính).

Để chụp ảnh, ở chế độ camera chính, bấm phím chụp ảnh. Khi sử dụng camera phụ, bấm phím di chuyển. Giữ nguyên điện thoại cho tới khi ảnh được lưu.

Để hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc trước khi chụp ảnh, chọn **Options > Image setup**. Xem phần “**Cài đặt—Hiệu chỉnh màu sắc và ánh sáng**”, trên trang 17.

Việc lưu lại ảnh chụp có thể mất nhiều thời gian hơn nếu bạn thay đổi các cài đặt của tính năng chỉnh tỉ lệ, ánh sáng hoặc màu sắc.

Để chọn một chế độ chụp ảnh, chọn **Options > Image setup > Shooting mode**. Xem phần “**Các chế độ chụp ảnh**”, trên trang 18.

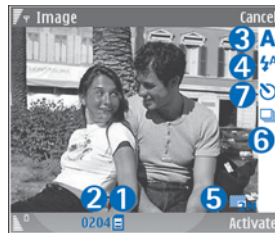
Các chỉ báo camera cho biết các thông tin sau:

- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại (📁) và thẻ nhớ (💾) (1) cho biết nơi lưu trữ các hình ảnh.
- Chỉ báo hình ảnh (2) ước lượng số lượng hình ảnh, tùy vào chất lượng hình ảnh đã chọn, có thể lưu vừa đủ trong bộ nhớ còn trống của điện thoại hoặc thẻ nhớ (nếu đã lắp).
- Chỉ báo chế độ chụp ảnh (3) sẽ hiển thị chế độ chụp ảnh được kích hoạt.

- Chỉ báo đèn flash (4) cho biết chế độ đèn flash là

Automatic (⚡),
Red eye redu.
(👁), **On** (⚡),
hoặc **Off** (🚫).

- Chỉ báo độ phân giải của ảnh (5) cho biết chất lượng ảnh.
- Chỉ báo chế độ chụp liên tiếp (6) cho biết chế độ chụp liên tiếp đã được kích hoạt. Xem phần “**Chụp hình liên tiếp**”, trên trang 16.
- Chỉ báo chụp tự động (7) cho biết chế độ chụp tự động được kích hoạt. Xem phần “**Tự chụp cho chính bạn—chụp tự động**”, trên trang 16.



Các phím tắt bao gồm:

- Di chuyển lên và xuống để phóng to và thu nhỏ. Chỉ báo zoom, hiển thị trên khung bên cạnh, cho biết mức zoom.
- Di chuyển sang trái để nhập cài đặt **Image setup**. Xem phần “**Cài đặt—Hiệu chỉnh màu sắc và ánh sáng**”, trên trang 17.

Khi chụp hình, bạn nên lưu ý những vấn đề sau:

- Sử dụng cả hai tay để giữ cố định camera.
- Để chụp hình hoặc quay phim trong các điều kiện khác nhau, sử dụng chế độ chụp thích hợp cho từng điều kiện.
- Chất lượng của hình được điều chỉnh tỉ lệ sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh tỉ lệ.
- Camera sẽ chuyển sang chế độ tiết kiệm pin nếu không có phím nào được bấm trong một khoảng thời gian xác định. Để tiếp tục chụp hình, bấm .

Sau khi chụp ảnh:

- Nếu bạn không muốn lưu hình, bấm , hoặc chọn **Options > Delete**.
- Để gửi hình **Via multimedia**, **Via e-mail**, **Via Bluetooth**, hoặc **Via infrared**, bấm , hoặc chọn **Options > Send**. Để biết thêm thông tin, xem phần “**Nhắn tin**” trên trang 42 và phần “**Kết nối Bluetooth**” trên trang 85. Tùy chọn này sẽ không có trong khi cuộc gọi đang diễn ra.
- Để gửi hình cho một thành viên khác trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options > Send to caller**.
- Để chỉnh sửa hình ảnh, chọn **Options > Edit**. Xem phần “**Chỉnh sửa hình ảnh**”, trên trang 20.

- Để in hình, chọn **Options > Print**. Xem phần “**Image print (In hình ảnh)**”, trên trang 35.

Chụp hình liên tiếp

Advanced sequence chỉ có trong camera chính.

Để cài camera chụp nhiều ảnh liên tục, chọn **Options > Advanced sequence**, và cài tần suất chụp. Số lượng ảnh bị hạn chế bởi lượng bộ nhớ còn trống.

Để chụp ảnh, bấm phím chụp.

Sau khi chụp ảnh, ảnh chụp sẽ được hiển thị ở dạng khung lưới trên màn hình. Để xem ảnh, bấm  để mở ảnh.

Bạn cũng có thể sử dụng chế độ chụp liên tục với chế độ chụp tự động.

Để trở về kính ngắm của chế độ chụp liên tục, bấm phím chụp.

Tự chụp cho chính bạn—chụp tự động

Chế độ chụp tự động chỉ có trong camera chính.

Sử dụng chế độ chụp tự động để làm chậm quá trình chụp ảnh và do đó bạn có thể tự chụp mình. Để cài thời gian chờ tự chụp, chọn **Options > Self timer >**

2 seconds, 10 seconds, hoặc 20 seconds.

Để khởi động chức năng chụp tự động, chọn **Activate**. Chỉ báo chụp tự động (📷) sẽ nhấp nháy và điện thoại phát những tín hiệu bíp trong khoảng thời gian chờ chụp. Camera sẽ chụp hình sau khi hết thời gian đã định.

Bạn cũng có thể sử dụng chế độ chụp tự động trong chế độ chụp liên tục.

💡 **Mẹo!** Chọn **Options > Self timer > 2 seconds** để giữ chắc tay khi chụp ảnh.

Đèn flash

Đèn flash chỉ khả dụng với camera chính.

Giữ một khoảng cách an toàn khi sử dụng đèn flash. Không sử dụng đèn flash khi ở gần người hoặc động vật. Không che đèn flash khi đang chụp hình.

Camera được trang bị đèn flash để chụp hình trong điều kiện ánh sáng yếu. Các chế độ đèn flash gồm:

Automatic (📷), **Red eye redu.** (👁), **On** (🔦), và **Off** (🚫).

Để sử dụng đèn flash, chọn **Options > Image setup > Flash > On**.

Nếu đèn flash được cài ở chế độ **Off** hoặc **Automatic** trong điều kiện đủ ánh sáng, đèn flash vẫn phát ra luồng sáng cường độ thấp khi chụp ảnh.

Dấu hiệu này nhằm cho người được chụp biết là ảnh đã được chụp. Không có hiệu ứng flash nào trên ảnh sau khi chụp.

Nếu đèn flash được cài là **Red eye redu.**, đèn sẽ giảm hiện tượng mắt đỏ trong ảnh chụp.

Cài đặt—Hiệu chỉnh màu sắc và ánh sáng

Để cho phép camera tái hiện màu sắc và ánh sáng trung thực hơn, hoặc để thêm các hiệu ứng vào hình ảnh hoặc phim, chọn **Options > Image setup** hoặc **Video setup**, và chọn một trong các tùy chọn sau:

Shooting mode—Chọn một chế độ chụp thích hợp với điều kiện chụp ảnh. Mỗi chế độ chụp sử dụng thông số cài đặt độ sáng riêng đã được điều chỉnh theo loại môi trường nhất định.

Flash (chỉ với hình)—Cài đèn flash theo điều kiện ánh sáng. Xem phần “Đèn flash”, trên trang 17.

White balance—Chọn điều kiện ánh sáng hiện tại trong danh sách. Điều này cho phép camera tái hiện màu sắc trung thực hơn.

Exposure value (chỉ dành cho hình ảnh)—Hiệu chỉnh độ phơi sáng của camera.

Colour tone—Chọn hiệu ứng màu từ danh sách.

Image sharpness (chỉ dành cho hình ảnh)—Hiệu chỉnh độ sắc nét của hình.

Brightness—Chọn độ sáng bạn muốn.

Contrast—Chọn độ tương phản bạn muốn.

Colour saturation—Hiệu chỉnh độ sâu của màu sắc trong ảnh chụp.

Mọi thay đổi đều được thể hiện ngay trên màn hình, giúp bạn thấy được tác động của sự thay đổi đối với hình ảnh hoặc phim.

Các cài đặt khả dụng tùy thuộc vào camera được chọn.

Mỗi camera có các cài đặt riêng; nếu bạn thay đổi cài đặt cho camera phụ, cài đặt cho camera chính không thay đổi. Tuy nhiên, cài đặt có chuyển giữa chế độ hình ảnh và video.

Cài đặt này sẽ trở về cài đặt mặc định khi bạn đóng camera. Nếu bạn chọn một chế độ chụp mới, cài đặt sẽ được thay thế bằng cài đặt của chế độ chụp được chọn. Xem phần “**Các chế độ chụp ảnh**”, trên trang 18. Nếu bạn cần thay đổi cài đặt, bạn có thể thay đổi chúng sau khi chọn một chế độ chụp ảnh.

Các chế độ chụp ảnh

Một chế độ chụp sẽ giúp bạn tìm thông số cài đặt ánh sáng và màu sắc thích hợp với điều kiện hiện tại. Chọn một chế độ chụp thích hợp từ danh sách chế độ chụp để chụp hình hoặc quay phim. Cài đặt của mỗi chế độ chụp được đã được đặt theo một kiểu hoặc một môi trường nhất định.

Điện thoại của bạn có một nút chụp cận cảnh nằm ở dưới ống kính của camera chính. Với nút chụp cận cảnh, bạn có thể chụp các hình cận cảnh hoặc chụp văn bản. Để sử dụng chế độ chụp cận cảnh làm chế độ mặc định, bật nút này sang chế độ chụp cận cảnh (). Để chuyển giữa hai chế độ chụp **Close-up mode** và **Document text**, chọn **Options > Image setup > Shooting mode**.

Để chọn một chế độ chụp khác, chuyển nút này trở lại vị trí bình thường () , chọn **Options > Image setup** hoặc **Video setup > Shooting mode**, và chọn chế độ chụp thích hợp.

Các chế độ quay video

Automatic () (mặc định) và **Night** ().

Các chế độ chụp hình ảnh

Automatic (📷) (mặc định), **User** (👤), **Portrait** (👤), **Landscape** (🏞️), **Sports** (🏃) (khi bạn sử dụng chế độ chụp **Sports**, độ phân giải của hình ảnh được giảm xuống còn 1280x960. Xem phần **Image quality** trong “[Cài đặt camera hình tĩnh](#)”, trên trang 19.), **Night landscape** (🌃), **Night portrait** (👤), và **Candlelight** (🕯️).

Khi bạn chụp ảnh, chế độ chụp mặc định là **Automatic**. Bạn có thể chọn chế độ **User** làm chế độ chụp mặc định.

Để cài chế độ chụp riêng của bạn phù hợp với một môi trường cụ thể, di chuyển đến **User**, và chọn **Options > Change**. Trong chế độ chụp do người dùng tạo, bạn có thể hiệu chỉnh các cài đặt độ sáng và màu sắc khác nhau. Để copy cài đặt từ một chế độ khác, chọn **Based on shooting mode** và chọn chế độ bạn muốn.

Các chế độ chụp khả dụng tùy thuộc vào camera được chọn.

Cài đặt camera hình tĩnh

Có hai kiểu cài đặt dành cho camera hình tĩnh: **Image setup** và cài đặt chính. Để hiệu chỉnh **Image setup**, xem phần “[Cài đặt—Hiệu chỉnh màu sắc và ánh sáng](#)”, trên trang 17. Các thông số cài đặt sẽ trở

về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt chính sẽ vẫn giữ nguyên cho đến khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để thay đổi cài đặt chính, chọn **Options > Settings** và chọn các tùy chọn sau:

Image quality—**Print 3M - Large** (độ phân giải 2048 x 1536), **Print 2M - Med.** (độ phân giải 1600 x 1200), **Print 1.3M - Small** (độ phân giải 1280 x 960), **E-mail 0.5M** (độ phân giải 800 x 600), hoặc **MMS 0.3M** (độ phân giải 640 x 480).
Chất lượng hình ảnh càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ. Nếu bạn muốn in ảnh, chọn **Print 3M - Large**, **Print 2M - Med.**, hoặc **Print 1.3M - Small**. Nếu bạn muốn gửi ảnh qua e-mail, chọn **E-mail 0.5M**. Để gửi ảnh qua MMS, chọn **MMS 0.3M**.

Add to album—Chọn lưu hoặc không lưu hình ảnh vào một album trong **Gallery**. Nếu bạn chọn **Yes**, danh sách các album hiện có sẽ mở ra.

Show captured image—Chọn **Yes** nếu bạn muốn xem hình đã chụp sau khi chụp, hoặc chọn **No** nếu bạn muốn tiếp tục chụp hình ngay.

Extended zoom (chỉ camera chính)—Chọn **On** nếu bạn muốn đạt được zoom tối đa khi chụp ảnh. Chất lượng của hình được điều chỉnh tỉ lệ sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh tỉ lệ.

Nếu bạn muốn giới hạn zoom ở mức chất lượng hình đã chọn được duy trì, chọn **Off**.

Default image name—Xác định tên mặc định cho các hình.

Shutter tone—Chọn âm bạn muốn nghe khi chụp ảnh.

Memory in use—Chọn nơi lưu hình ảnh của bạn.

Chỉnh sửa hình ảnh

Để chỉnh sửa hình ảnh sau khi chụp, hoặc hình ảnh đã lưu trong **Gallery**, chọn **Options** > **Edit**.

Chọn **Apply effect**, ví dụ để cắt và xoay hình; điều chỉnh độ sáng, màu sắc, độ tương phản, và độ phân giải; và thêm hiệu ứng, văn bản, hình nghệ thuật, hoặc khung cho hình chụp.

Để cắt ảnh, chọn **Options** > **Apply effect** > **Crop**. Để cắt kích thước hình theo cách thủ công, chọn **Manual**, hoặc chọn một tỷ lệ co từ danh sách.

Nếu bạn chọn **Manual**, dấu thập sẽ xuất hiện ở góc trái phía trên của hình. Di chuyển phím di chuyển đến vùng để cắt, và chọn **Set**. Một dấu thập khác sẽ xuất hiện ở góc dưới bên phải. Chọn lại vùng sẽ được cắt. Để hiệu chỉnh vùng được chọn lúc đầu, chọn **Back**. Các vùng được chọn sẽ tạo thành hình chữ nhật, là dạng hình sẽ được cắt.

Nếu bạn chọn một tỷ lệ co định sẵn, chọn góc trái phía trên của vùng sẽ được cắt. Để chỉnh lại kích thước của vùng đã chọn, sử dụng phím di chuyển. Để cố định vùng đã chọn, bấm **⊙**. Để di chuyển vùng này trong hình, sử dụng phím di chuyển. Để chọn vùng sẽ được cắt, bấm **⊙**.

Để giảm hiện tượng mắt đỏ trong một hình, chọn **Options** > **Apply effect** > **Red eye reduction**. Di chuyển dấu thập vào mắt, và bấm **⊙**. Một vòng tròn sẽ xuất hiện trên màn hình. Để chỉnh lại kích thước của vòng tròn cho vừa khít với mắt, di chuyển phím di chuyển. Để giảm hiện tượng mắt đỏ, bấm **⊙**.

Các phím tắt trong chế độ chỉnh sửa hình ảnh:

- Để xem ảnh ở chế độ vừa màn hình, bấm *****. Để trở lại xem bình thường, nhấn ***** lần nữa.
- Để xoay hình theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ, bấm **3** hoặc **1**.
- Để phóng to hoặc thu nhỏ hình, bấm **5** hoặc **0**.
- Để di chuyển hình đã được phóng to hoặc thu nhỏ, di chuyển lên, xuống, sang trái, hoặc phải.

Quay phim

Nếu camera ở **Image mode**, chọn chế độ video bằng cách chọn **Options > Video mode**.

Để chọn camera phụ, ví dụ để tự chụp, chọn **Options > Use secondary camera**.

Để xóa bộ nhớ cho các video clip mới, hoặc xóa các bản sao của các tập tin đã được chuyển đi, chọn **Options > Go to free memory** (chỉ camera chính).

- 1 Trong camera chính, bấm phím chụp ảnh, hoặc trong camera phụ, bấm  để bắt đầu ghi hình. Ký hiệu quay  sẽ xuất hiện. Đèn LED sẽ sáng, và một âm thanh sẽ phát ra cho biết đối tượng đang được quay. Không có hiệu ứng flash nào trên ảnh sau khi quay.
- 2 Để tạm ngưng quay phim bất kỳ lúc nào, chọn **Pause**. Biểu tượng tạm ngưng () nhấp nháy trên màn hình. Quá trình quay phim tự động ngừng nếu quá trình quay được cài sang trạng thái tạm ngưng và bạn không bấm phím nào trong khoảng một phút.
- 3 Chọn **Continue** để tiếp tục quay phim.
- 4 Chọn **Stop** để ngừng quay phim. Đoạn phim sẽ được tự động lưu vào thư mục **Imgs. & video** của **Gallery**. Xem phần "**Gallery (Bộ sưu tập)**", trên trang 26.

Để hiệu chỉnh ánh sáng hoặc màu sắc trước khi quay video, chọn **Options > Video setup**. Xem phần "**Cài đặt—Hiệu chỉnh màu sắc và ánh sáng**", trên trang 17.

Để chọn một chế độ chụp, chọn **Options > Video setup > Shooting mode**. Xem phần "**Các chế độ chụp ảnh**", trên trang 18.

Các chỉ báo máy quay phim cho biết các thông tin sau:

- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại () và thẻ nhớ () (1) cho biết nơi lưu trữ đoạn phim.
- Chỉ báo chiều dài đoạn phim hiện thời (2) hiển thị thời gian đã dùng và thời gian còn lại.
- Chỉ báo chế độ chụp ảnh (3) sẽ hiển thị chế độ chụp ảnh được kích hoạt.
- Chỉ báo bộ cân bằng hình (4) cho biết bộ cân bằng hình được bật, và giảm tác động của những di chuyển nhỏ đối với độ sắc nét của hình (chỉ camera chính).
- Chỉ báo micro (5) cho biết micro đã được tắt tiếng.



- Chỉ báo định dạng tập tin (6) cho biết định dạng của video clip.
- Chỉ báo chất lượng video (7) cho biết chất lượng video là **High**, **Normal** hoặc **Sharing**.

Các phím tắt bao gồm:

- Di chuyển lên hoặc xuống để phóng to hoặc thu nhỏ. Chỉ báo zoom, hiển thị trên khung bên cạnh, cho biết mức zoom.
- Di chuyển sang trái để nhập cài đặt **Video setup**. Xem phần “**Cài đặt—Hiệu chỉnh màu sắc và ánh sáng**”, trên trang 17.

Sau khi quay xong một đoạn phim:

- Để phát lại ngay đoạn phim mà bạn vừa quay, chọn **Options** > **Play**.
- Nếu bạn không muốn lưu video, bấm , hoặc chọn **Options** > **Delete**.
- Để gửi video **Via multimedia**, **Via e-mail**, **Via Bluetooth**, hoặc **Via infrared**, bấm , hoặc chọn **Options** > **Send**. Để biết thêm thông tin, xem phần “**Nhắn tin**” trên trang 42 và phần “**Kết nối Bluetooth**” trên trang 85. Tùy chọn này sẽ không có trong khi cuộc gọi đang diễn ra. Bạn không thể gửi các video clip được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện.
- Để gửi một video clip cho một thành viên khác trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options** > **Send to caller**.

- Để chỉnh sửa video, chọn **Options** > **Edit**. Xem phần “**Biên tập các đoạn phim**”, trên trang 23.

Cài đặt phim

Có hai kiểu cài đặt dành cho máy quay phim:

Cài đặt **Video setup** và cài đặt chỉnh. Để hiệu chỉnh **Video setup**, xem phần “**Cài đặt—Hiệu chỉnh màu sắc và ánh sáng**”, trên trang 17. Các thông số cài đặt sẽ trở về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt chỉnh sẽ vẫn giữ nguyên cho đến khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để thay đổi cài đặt chỉnh, chọn **Options** > **Settings** và chọn các tùy chọn sau:

Audio recording—Chọn **On** nếu bạn muốn ghi lại cả tiếng và hình.

Video quality—Cài chất lượng video clip là **High**, **Normal**, hoặc **Sharing**. Chất lượng được chỉ báo bằng một trong các biểu tượng sau:  (Cao),  (Bình thường), hoặc  (Chia sẻ). Nếu bạn chọn **High** hoặc **Normal**, thời gian quay sẽ bị giới hạn bởi bộ nhớ còn trống trên thẻ nhớ (nếu được lắp), và tối đa 1 tiếng cho mỗi video clip. Nếu bạn muốn xem video trên TV hoặc một máy PC tương thích, chọn chất lượng video là **High**, với độ phân giải CIF (352x288) và định dạng .mp4. Bạn không thể gửi

các video clip được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện. Nếu bạn muốn xem các đoạn phim trên điện thoại di động, chọn **Normal**, với độ phân giải QCIF (176x144) và định dạng .3gp. Để gửi video clip qua MMS, chọn **Sharing** (với độ phân giải QCIF, định dạng .3gp). Đoạn video clip được giới hạn trong khoảng 300 KB (thời lượng khoảng 20 giây), vì vậy rất thuận tiện khi bạn muốn gửi đến một thiết bị tương thích dưới dạng tin nhắn đa phương tiện. Tuy nhiên, một số mạng chỉ hỗ trợ gửi các tin nhắn đa phương tiện với kích thước tối đa 100 KB. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng để biết thêm thông tin.

Add to album—Chọn lưu hoặc không lưu video clip đã ghi vào một album trong **Gallery**. Chọn **Yes** để mở danh sách các album hiện có.

Show captured video—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị ảnh đầu tiên của video clip được ghi trên màn hình sau khi ngừng ghi. Chọn **Options > Play** để xem video clip.

Default video name—Đặt tên mặc định cho các video clip.

Memory in use—Chọn bộ nhớ mặc định: bộ nhớ trên máy hoặc thẻ nhớ (nếu được lắp).

Biên tập các đoạn phim

Để chỉnh sửa các video clip trong **Gallery** và tạo các video clip tùy chỉnh, di chuyển đến một video clip, và chọn **Options > Edit**. Xem phần **“Gallery (Bộ sưu tập)”**, trên trang 26. Bạn có thể tạo các video clip tùy chỉnh bằng cách kết hợp và cắt cảnh các video clip và thêm hình ảnh, các đoạn âm thanh, các đoạn chuyển cảnh, và các hiệu ứng. Chuyển cảnh là các hiệu ứng hình ảnh mà bạn có thể thêm vào khi bắt đầu và kết thúc đoạn phim hoặc giữa các đoạn phim.

Trong chế độ biên tập phim, bạn có thể thấy hai thanh thời gian: một dành cho đoạn phim và một dành cho đoạn âm thanh. Có thể thêm hình ảnh, văn bản, và các đoạn chuyển cảnh vào một video clip đang được hiển thị trên thanh thời gian của video clip. Để chuyển giữa các thanh thời gian, di chuyển lên hoặc xuống.

Biên tập phim, âm thanh, hình ảnh, văn bản và đoạn chuyển cảnh

Để tạo các video clip tùy chỉnh, đánh dấu và chọn một hoặc nhiều video clip, và chọn **Options > Edit**.

Để chỉnh sửa phim, chọn một trong các tùy chọn sau:

Edit video clip:

Cut—Cắt video clip trong giao diện Cắt video clip.

Add colour effect—Chèn hiệu ứng màu cho video clip.

Use slow motion—Giảm tốc độ chiếu của video clip.

Mute sound/Unmute sound—Tắt hoặc bật tiếng của video clip gốc.

Move—Di chuyển video clip đến vị trí đã chọn.

Remove—Xóa video clip khỏi video.

Duplicate—Để tạo bản sao của đoạn video clip được chọn.

Edit text (chỉ hiển thị khi bạn đã thêm văn bản vào)—Để chuyển, xóa hoặc nhân đôi văn bản; thay đổi màu và kiểu văn bản; xác định thời gian văn bản hiển thị trên màn hình; và thêm một số hiệu ứng cho văn bản.

Edit image (chỉ hiển thị khi bạn đã thêm hình ảnh vào)—Để chuyển, xóa hoặc nhân đôi hình; xác định thời gian hình sẽ hiển thị trên màn hình; và cài nền hoặc hiệu ứng màu cho hình ảnh.

Edit sound clip (chỉ hiển thị nếu bạn đã thêm một đoạn âm thanh)—Để cắt hoặc chuyển một đoạn âm thanh, để hiệu chỉnh độ dài, hoặc để chuyển hoặc nhân đôi đoạn âm thanh.

Edit transition—Có ba kiểu chuyển cảnh: ở đầu phim, ở cuối phim, và ở giữa các đoạn phim. Đoạn chuyển cảnh ở đầu đoạn video có thể được chọn khi phần chuyển cảnh đầu tiên của đoạn video đang được bật.

Insert—**Video clip, Image, Text, Sound clip**, hoặc **New sound clip**.

Movie—Xem trước movie ở chế độ vừa màn hình hoặc dưới dạng hình thu nhỏ, lưu lại hoặc gửi movie, hoặc cắt movie với kích thước hợp lý để gửi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện.

Để chụp hình các cảnh trong một video clip, ở giao diện Cắt video, chọn **Options > Take snapshot**, hoặc trong giao diện Xem trước hình nhỏ, bấm , và chọn **Take snapshot**.

Để lưu video của bạn, chọn **Options > Movie > Save**. Để chọn **Memory in use**, chọn **Options > Settings**. Mặc định là bộ nhớ máy.

Trong giao diện **Settings**, bạn cũng có thể chọn **Default video name**, **Default sc. shot name**, **Resolution**, và **Memory in use**.

Chọn **Send > Via multimedia, Via e-mail, Via Bluetooth**, hoặc **Via infrared**, nếu bạn muốn gửi video. Liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ của bạn để biết dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện có thể gửi đi được. Nếu video của bạn quá lớn không thể gửi đi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, biểu tượng  sẽ xuất hiện.

 **Mẹo!** Nếu muốn gửi video với dung lượng lớn hơn dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện được nhà cung cấp dịch vụ quy định, bạn có thể gửi qua công nghệ không dây Bluetooth. Xem phần “[Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth](#)”, trên trang 87. Bạn cũng có thể truyền video của bạn vào một máy PC tương thích sử dụng kết nối Bluetooth, hoặc bằng cách sử dụng đầu đọc thẻ nhớ SD tương thích (phụ kiện).



Gallery (Bộ sưu tập)

Để lưu và sắp xếp các hình ảnh, video clip, file âm thanh, danh sách nhạc, và các liên kết trực tuyến, hoặc chia sẻ các tập tin của bạn với những thiết bị tương thích bằng tính năng Universal Plug and Play (UPnP) khác qua mạng LAN không dây, bấm , và chọn **Gallery**. Để mở bộ sưu tập trong ứng dụng **Camera**, chọn **Options** > **Go to Gallery**. Ở chế độ **Camera**, chỉ có thư mục **Imgs. & video**.

 **Mẹo!** để chuyển từ **Gallery** sang camera, trong thư mục **Imgs. & video**, chọn **Options** > **Go to Camera**.

Chọn **Imgs. & video** , **Tracks** , **Sound clips** , **Streaming links** , **Presentations** , **All files** , hoặc **Home network** , và bấm  để mở.



Các tùy chọn liên quan đến **Home network** không có trong **Gallery** trước khi đặt cấu hình cài đặt **Home network**.

Bạn có thể trình duyệt và mở các thư mục, đánh dấu chọn, sao chép, và chuyển các mục vào thư mục. Bạn cũng có thể tạo album; và đánh dấu, sao chép và thêm các mục vào album. Xem phần “**Album**”, trên trang 28.

Để mở một tập tin, bấm . Xem phần “**Xem hình ảnh và video clip**”, trên trang 27. Các video clip, tập tin .ram, và các liên kết trực tuyến sẽ được mở và phát trong ứng dụng RealPlayer, các đoạn âm thanh trong ứng dụng Máy nghe nhạc. Xem phần “**RealPlayer**”, trên trang 36, và phần “**Máy nghe nhạc**”, trên trang 33.

Để sao chép hoặc di chuyển các tập tin vào thẻ nhớ (nếu có) hoặc vào bộ nhớ trên máy, chọn một tập tin và chọn **Options** > **Move and copy** > **Copy to memory card/Move to memory card** hoặc **Copy to phone mem./Move to phone mem..**

Các tập tin lưu trữ trong thẻ nhớ (nếu có) được chỉ báo bằng .

Để giảm kích thước các tập tin bạn đã sao chép sang các vị trí khác, chẳng hạn như một máy PC tương thích, chọn **Options** > **Shrink**. Chọn **Shrink** sẽ giảm độ phân giải của hình xuống còn 640x480. Để tăng chỗ trống trong bộ nhớ, chọn một tập tin và chọn **Options** > **Free memory**. Xem phần “[Các tập tin dự phòng](#)”, trên trang 29.

Để tải tập tin về **Gallery** trong một trong các thư mục chính bằng trình duyệt, chọn **Graphic downl.** hoặc **Video downl.**, **Track downl.**, hoặc **Sound downl.**. Trình duyệt sẽ mở ra và bạn có thể chọn một chỉ mục của trang sẽ tải về.

Xem hình ảnh và video clip

Hình chụp và các video clip được quay bằng camera sẽ được lưu trong thư mục **Imgs. & video** trong **Gallery**. Chất lượng và kích cỡ của video clip được chỉ báo bằng một trong các biểu tượng sau:

-  video clip có thể được gửi qua MMS hoặc dùng để chia sẻ.
-  video clip có thể dùng để chia sẻ, và.
-  video clip quá lớn để gửi đi hoặc chia sẻ.

Bạn cũng có thể nhận được hình ảnh và video clip dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail, qua kết nối Bluetooth, hoặc qua cổng hồng ngoại. Để có thể xem một hình hoặc video clip nhận được trong bộ sưu tập hoặc trong media player, bạn phải lưu chúng vào bộ nhớ trên máy hoặc trên một thẻ nhớ tương thích (nếu có).

Mở thư mục **Imgs. & video** trong **Gallery**. Hình ảnh và video clip sẽ ở trong một vòng tròn và được sắp xếp theo ngày tháng. Số tập tin có thể được nhìn thấy trên màn hình. Để trình duyệt tập tin, di chuyển lên hoặc xuống. Để trình duyệt các tập tin trong vòng liên tục, bấm và giữ phím di chuyển lên hoặc xuống.

Để trình duyệt tập tin theo nhóm, di chuyển sang trái hoặc phải. Để mở một tập tin, bấm phím di chuyển.

Để chỉnh sửa hình hoặc video clip, chọn **Options** > **Edit**. Chương trình chỉnh sửa hình ảnh hoặc video sẽ mở ra.

Để thêm một hình ảnh hoặc video clip vào album trong **Gallery**, chọn **Options** > **Albums** > **Add to album**. Xem phần “[Album](#)”, trên trang 28.

Để tạo các video clip tùy chỉnh, chọn một video clip, hoặc một vài đoạn trong **Gallery**, và chọn **Options** > **Edit**. Xem phần “[Biên tập các đoạn phim](#)”, trên trang 23.

Để in hình ảnh trên một máy in tương thích được nối với điện thoại, hoặc để lưu hình vào thẻ nhớ (nếu có) để in, chọn **Options** > **Print**. Xem phần “[Image print \(In hình ảnh\)](#)”, trên trang 35.

Để chỉnh tỉ lệ hình, chọn **Options** > **Zoom in** hoặc **Zoom out**. Tỉ lệ phóng to/thu nhỏ sẽ hiển thị ở phía trên màn hình. Tỉ lệ sẽ không được lưu cố định.

Để sử dụng hình ảnh làm hình nền, chọn hình ảnh bạn muốn sử dụng, và chọn **Options** > **Assign** > **Set as wallpaper**.

Để xóa hình hoặc video clip, bấm .

Trình chiếu

Chọn **Options** > **Slide show** > **Start** để xem các hình ảnh và video clip ở chế độ vừa màn hình. Trình chiếu sẽ bắt đầu từ tập tin cũ nhất. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **Play**—Để mở ứng dụng RealPlayer, và phát một video clip.
- **Pause**—Để tạm ngưng trình chiếu.
- **Continue**—Để tiếp tục trình chiếu.
- **End**—Để đóng trình chiếu.

Để kích hoạt **Pause**, **Continue** và **End**, bấm phím chọn. Để trình duyệt hình ảnh, bấm  (hình trước) hoặc  (hình kế tiếp).

Để điều chỉnh tốc độ trình chiếu, trước khi bắt đầu trình chiếu, chọn **Options** > **Slide show** > **Settings** > **Delay between slides**.

Để thêm âm thanh vào trình chiếu, chọn **Options** > **Slide show** > **Settings** và chọn các tùy chọn sau:

- **Music**—Chọn **On** hoặc **Off**.
- **Track**—Chọn một tập tin nhạc trong danh sách.

Để giảm hoặc tăng âm lượng, bấm  hoặc .

Diễn thuyết

Với các diễn thuyết, bạn có thể xem các tập tin SVG (đồ họa vector có thể thay đổi tỷ lệ), chẳng hạn như truyện tranh và bản đồ. Các hình ảnh SVG giữ nguyên hình dạng khi in và xem với các kích thước và độ phân giải màn hình khác nhau. Để xem các tập tin SVG, chọn thư mục **Presentations**, di chuyển đến một hình ảnh, và chọn **Options** > **Play**.

Để phóng to, bấm **5**. Để thu nhỏ, bấm **0**.

Để chuyển giữa chế độ xem vừa màn hình và chế độ xem bình thường, bấm *****.

Album

Với album, bạn có thể quản lý hình ảnh và các video clip một cách thuận tiện. Để xem danh sách album,

trong thư mục **Imgs. & video**, chọn **Options** > **Albums** > **View albums**.

Để tạo một album mới, chọn **Options** > **New album**. Đặt tên cho album và chọn **OK**.

Để thêm hình hoặc một video clip vào một album trong **Gallery**, di chuyển đến một hình hoặc video clip, và chọn **Options** > **Albums** > **Add to album**. Một danh sách các album sẽ mở ra.

Chọn album bạn muốn thêm hình hoặc video clip vào và bấm .

Để xóa một tập tin trong album, bấm . Tập tin đó sẽ vẫn còn trong thư mục **Imgs. & video** trong **Gallery**.

Các tập tin dự phòng

Để chuyển và sao lưu các tập tin media từ điện thoại của bạn sang một máy PC tương thích qua mạng LAN Không Dây, chọn **Options** > **Transfer** > **Start**. Xem phần **"Mạng LAN không dây"**, trên trang 6.

Điện thoại sẽ bắt đầu dò tìm thiết bị. Chọn một thiết bị, và thư mục bạn muốn chuyển các tập tin media. Bấm **OK**.

Để thay đổi cài đặt **Storage device** hoặc **Storage folder**, chọn **Options** > **Transfer** > **Settings**.



Home network (Mạng gia đình)

Điện thoại của bạn tương thích với cấu trúc Universal Plug and Play (UPnP). Bằng cách sử dụng một thiết bị điểm truy cập LAN không dây hoặc một bộ định tuyến mạng LAN không dây, bạn có thể tạo một mạng gia đình và kết nối các thiết bị tương thích với UPnP có hỗ trợ mạng LAN không dây vào mạng, chẳng hạn như Nokia N80, một máy PC tương thích, một máy in tương thích, và một dàn âm thanh hoặc tivi tương thích được trang bị một bộ nhận đa phương tiện không dây tương thích.

Xin lưu ý rằng việc sử dụng tính năng mạng LAN không dây của Nokia N80 trong một mạng gia đình đòi hỏi phải có cài đặt kết nối mạng LAN không dây gia đình và các thiết bị mục tiêu sử dụng trong nhà khác phải tương thích với UPnP và phải được kết nối vào cùng một mạng gia đình.

Bạn có thể chia sẻ các tập tin media đã lưu trong **Gallery** với các thiết bị tương thích với UPnP khác sử dụng mạng gia đình. Để quản lý cài đặt **Home network**, bấm , và chọn **Connect.** > **Home network**. Bạn cũng có thể sử dụng mạng gia đình để xem, phát, sao chép, hoặc in các tập tin media tương thích trong **Gallery**. Xem phần **"Xem các tập tin media"**, trên trang 31.

Cài đặt mạng gia đình

Để chia sẻ các tập tin media được lưu trong **Gallery** với các thiết bị tương thích với UPnP qua mạng LAN không dây, trước tiên bạn phải tạo và đặt cấu hình điểm truy cập Internet của mạng LAN không dây gia đình, sau đó đặt cấu hình ứng dụng **Home network**. Xem phần “**Mạng LAN không dây**”, trên trang 6, và cài đặt mạng LAN không dây trong phần “**Access points**”, trên trang 103 và phần “**Wireless LAN (Mạng LAN không dây)**”, trên trang 106.

Các tùy chọn liên quan tới **Home network** không có trong **Gallery** trước khi đặt cấu hình cài đặt **Home network**.

Đặt cấu hình Cài Đặt

Để đặt cấu hình ứng dụng **Home network**, chọn **Connect**. > **Home network** > **Settings**, và chọn các tùy chọn sau:

Content sharing—Cho phép hoặc từ chối chia sẻ các tập tin media với các thiết bị tương thích. Không bật **Content sharing** trước khi bạn đặt cấu hình tất cả các cài đặt khác. Nếu bạn bật **Content sharing**, các thiết bị tương thích với UPnP khác trong mạng gia đình có thể xem và sao chép các tập tin của bạn.

Home access point—Chọn điểm truy cập Internet gia đình của bạn. Nếu mạng gia đình không bật cài

đặt bảo mật cho mạng LAN không dây, bạn sẽ nhận được một cảnh báo bảo mật. Bạn có thể tiếp tục, và bật tính năng bảo mật cho mạng LAN không dây sau, hoặc hủy việc xác định điểm truy cập, và bật tính năng bảo mật cho mạng LAN không dây trước. Xem mục mạng LAN Không Dây trong phần “**Access points**”, trên trang 103.

My device name—Nhập tên cho điện thoại của bạn, tên này sẽ được hiển thị cho các thiết bị tương thích khác trong mạng gia đình.

Đặt nội dung sẽ được chia sẻ

Khi bạn bật **Content sharing**, các thiết bị tương thích với UPnP khác trong mạng gia đình có thể xem và sao chép các tập tin mà bạn muốn chia sẻ với chúng.

Để chọn các tập tin media để chia sẻ với các thiết bị khác, hoặc để xem tình trạng chia sẻ của các album **Images & video** hoặc **Music**, chọn **Share content**.

Xem các tập tin media

Để kết nối một máy PC tương thích với mạng gia đình, bạn phải cài đặt phần mềm liên quan trong CD-ROM được cung cấp cùng với điện thoại Nokia N80.

Nếu điện thoại được bật **Content sharing**, các thiết bị tương thích với UPnP khác trong mạng gia đình có thể xem và sao chép các tập tin media bạn đã chọn để chia sẻ trong **Share content**. Nếu không muốn các thiết bị khác truy cập vào các tập tin của bạn, tắt **Content sharing**. Ngay cả khi điện thoại của bạn được tắt **Content sharing**, bạn vẫn có thể xem và sao chép các tập tin media được lưu trong thiết bị khác của mạng gia đình, nếu thiết bị này cho phép.

Hiển thị các tập tin media được lưu trong điện thoại của bạn

Để chọn hình ảnh, video, và đoạn nhạc trong điện thoại của bạn, và hiển thị chúng trong một thiết bị mạng gia đình khác, chẳng hạn như một tivi tương thích, theo các bước sau:

- 1 Trong **Gallery**, chọn một hình ảnh, video, hoặc một đoạn nhạc.
- 2 Chọn **Options** > **Show via home net.** (hình ảnh và video), hoặc chọn **Play via home network** (nhạc).

- 3 Chọn một thiết bị tương thích trong đó có tập tin media sẽ được hiển thị. Các hình ảnh sẽ được hiển thị trên cả thiết bị mạng gia đình khác và điện thoại của bạn, còn các video clip và các đoạn âm thanh sẽ chỉ được phát trên thiết bị khác.

Hiển thị các tập tin media được lưu trong thiết bị khác

Để chọn các tập tin media được lưu trong một thiết bị mạng gia đình khác, và hiển thị chúng trên một thiết bị khác; chẳng hạn như trên một tivi tương thích, thực hiện theo các bước sau:

- 1 Trong **Gallery**, chọn **Home network..** Điện thoại sẽ bắt đầu tìm kiếm các thiết bị tương thích khác. Tên các thiết bị sẽ bắt đầu xuất hiện trên màn hình.
- 1 Chọn một thiết bị trong danh sách.
- 2 Chọn loại media bạn muốn xem từ thiết bị khác. Các loại tập tin khả dụng trên các chức năng của thiết bị khác.
- 3 Chọn hình ảnh, video clip, hoặc đoạn nhạc bạn muốn xem, và chọn **Options** > **Show via home net.** (hình ảnh và video) hoặc chọn **Play via home network** (nhạc).

4 Chọn thiết bị sẽ hiển thị tập tin này.

Để ngừng chia sẻ tập tin media này, chọn **Options > Stop showing**.

Để in những hình ảnh được lưu trong **Gallery** qua **Home network** bằng một máy in tương thích với UPnP, chọn tùy chọn in trong **Gallery**. Xem phần “**Image print (In hình ảnh)**”, trên trang 35. Không cần phải bật **Content sharing**.

Để tìm kiếm các tập tin thỏa mãn các tiêu chí khác nhau, chọn **Options > Find**. Để sắp xếp các tập tin đã tìm thấy, chọn **Options > Sort by**.

Sao chép các tập tin media

Để sao chép các tập tin media từ điện thoại sang một thiết bị tương thích khác, chẳng hạn như một máy PC tương thích với UPnP, chọn một tập tin trong **Gallery**, và **Options > Move and copy > Copy to home network** hoặc **Move to home network**. Không cần phải bật **Content sharing**.

Để sao chép hoặc chuyển các tập tin từ điện thoại kia sang điện thoại của bạn, chọn một tập tin trong điện thoại kia, và chọn **Options > Copy to phone** hoặc **Copy to memory card**. Không cần phải bật **Content sharing**.

Các ứng dụng media



Máy nghe nhạc

Bấm , và chọn **Music player**. Với máy nghe nhạc, bạn có thể nghe các tập tin nhạc, tạo và nghe các danh sách nhạc.



Cảnh báo: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn. Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Thêm nhạc

Khi bạn mở máy nghe nhạc lần đầu tiên, máy nghe nhạc sẽ tìm kiếm các tập tin nhạc trong bộ nhớ trên máy để tạo một thư viện nhạc.

Sau khi thêm hoặc xóa các tập tin nhạc trong điện thoại, hãy cập nhật thư viện nhạc của bạn.

Chọn **Options > Music library > Options > Update Music library**.



Mẹo! Bạn có thể truyền tải các tập tin nhạc từ điện thoại vào thẻ nhớ tương thích (nếu có) bằng ứng dụng Nokia Audio Manager trong bộ Nokia PC Suite.

Bạn có thể chuyển nhạc từ một máy PC tương thích hoặc các thiết bị tương thích khác sử dụng cáp USB hoặc kết nối Bluetooth. Để có chi tiết về cách kết nối điện thoại, xem phần “**Kết nối**”, trên trang 85. Để thay đổi chế độ kết nối USB mặc định, bấm , chọn **Connect**. > **Data cbl**. và chọn một trong những tùy chọn trong **Data cable mode**.

Phát nhạc

Khi mở máy nghe nhạc, bài nhạc hoặc danh sách nhạc được phát trước đó sẽ được hiển thị. Để xem thư viện nhạc, chọn  hoặc **Options > Music library** và chọn danh sách bài hát bạn muốn. Để bắt đầu phát các bài hát trong giao diện, chọn **Options > Play**.



Khi một bài hát đang được phát, để thay đổi giữa phát và tạm dừng, bấm  hoặc .

Để dừng bài hát, bấm . Để tiến nhanh về trước hoặc tua lại, bấm và giữ  hoặc . Để phát bài hát kế tiếp hoặc bài hát trước đó, bấm  hoặc .

Để xem danh sách bài hát đang được phát, chọn  hoặc **Options > Open 'Now playing'**. Để lưu danh sách bài hát làm danh sách nhạc, chọn **Options > Add to track list**, và tạo một danh sách nhạc mới, hoặc chọn một danh sách đã lưu.

Để điều chỉnh âm lượng, bấm  hoặc .

Để thay đổi giữa chế độ phát ngẫu nhiên và phát bình thường, chọn **Options > Random play**.

Để chọn ngừng phát ở cuối danh sách nhạc hoặc bắt đầu lại từ đầu danh sách nhạc, chọn **Options > Loop**.

 **Mẹo!** Để thoát khỏi một ứng dụng đang mở và máy nghe nhạc đang chạy ẩn, bấm  hai lần để trở về chế độ chờ. Để trở về ứng dụng, bấm , và chọn **Music player**.

Để mở các chỉ mục Web để tải nhạc xuống, chọn **Options > Track downloads**.

Để trở về chế độ chờ và vẫn giữ máy nghe nhạc chạy ẩn, chọn **Options > Play in background**.

Thư viện nhạc

Để xem thư viện nhạc, chọn **Options > Music library**. **All tracks** liệt kê tất cả các bài nhạc.

Để xem các bài hát theo thứ tự, chọn **Albums**, **Artists**, **Genres**, hoặc **Composers**. Thông tin về album, nghệ sĩ, thể loại và nhạc sĩ này được thu thập từ các tag ID3 hoặc M4A của các tập tin bài hát, nếu có.

Để thêm bài hát, album, nghệ sĩ, thể loại hoặc nhạc sĩ vào danh sách nhạc, chọn các mục và chọn **Options > Add to track list**. Bạn có thể tạo danh sách bài hát mới hoặc thêm vào một danh sách hiện có.

Để xem các danh sách nhạc, chọn **Track lists**. Để tạo một danh sách nhạc mới, chọn **Options > New track list**. Khi đang xem một danh sách nhạc do bạn tự tạo, để thêm bài hát, chọn **Options > Add tracks**.

Để xóa danh sách nhạc, bấm . Việc xóa danh sách bài hát chỉ có thể xóa danh sách bài hát, không xóa được các tập tin nhạc trong đó.

Image print (In hình ảnh)

Để in hình bằng **Image print**, chọn hình bạn muốn in, và chọn tùy chọn in trong bộ sưu tập, camera, trình chỉnh sửa hình ảnh, hoặc giao diện hình ảnh.

Sử dụng **Image print** để in hình ảnh của bạn sử dụng cáp dữ liệu USB được cung cấp cùng với điện thoại, mạng LAN không dây (nếu có), kết nối Bluetooth, hoặc một thẻ nhớ tương thích (nếu có).

Bạn chỉ có thể in hình ảnh ở dạng .jpeg. Hình ảnh được chụp bằng camera sẽ được tự động lưu ở dạng .jpeg.

Để in bằng một máy in tương thích với PictBridge, kết nối cáp dữ liệu trước khi chọn tùy chọn in.

Chọn máy in

Khi bạn sử dụng chức năng **Image print** lần đầu tiên, danh sách các máy in tương thích hiện có sẽ hiển thị sau khi bạn chọn hình ảnh.

Nếu bạn đã kết nối một máy in tương thích với PictBridge sử dụng cáp CA-53, máy in sẽ tự động hiển thị.

Nếu máy in mặc định không có, danh sách các thiết bị in hiện có sẽ được hiển thị.

Để thay đổi máy in mặc định, chọn **Options > Settings > Default printer**.

Xem trước bản in

Giao diện xem trước khi in chỉ mở ra khi bạn in một hình ảnh trong bộ sưu tập.

Hình ảnh đã chọn sẽ được hiển thị theo bố cục đã định trước. Để thay đổi bố cục này, di chuyển sang trái và phải để duyệt qua các bố cục có sẵn ứng với máy in đã chọn. Nếu hình ảnh không đủ để trình bày trên một trang, di chuyển lên hoặc xuống để xem tiếp các trang khác.

Cài đặt in ấn

Các tùy chọn được hiển thị sẽ khác nhau tùy vào tính năng của thiết bị in mà bạn chọn.

Để cài máy in mặc định, chọn **Options > Default printer**.

Để chọn khổ giấy, chọn **Paper size**, chọn khổ giấy trong danh sách và bấm **OK**. Chọn **Cancel** để quay về màn hình trước đó.



RealPlayer

Bấm , và chọn **Imaging > RealPlyr..** Với trình **RealPlyr..**, bạn có thể xem lại các video clip, hoặc thưởng thức các tập tin media trực tuyến. Bạn có thể kích hoạt liên kết trực tuyến khi trình duyệt các trang Web, hoặc lưu liên kết này vào bộ nhớ điện thoại hoặc một thẻ nhớ tương thích (nếu có).

Mẹo! Bạn cũng có thể xem các video clip hoặc các liên kết trực tuyến bằng các thiết bị khác tương thích với UPnP, chẳng hạn như một tivi hoặc một máy PC, qua mạng LAN không dây. Xem phần “[Xem các tập tin media](#)”, trên trang 31.

RealPlyr. hỗ trợ các tập tin có đuôi dạng .3gp, .mp4 or .rm. Tuy nhiên, **RealPlyr.** không nhất thiết hỗ trợ tất cả các định dạng hay biến thể của các dạng tập tin này. Ví dụ, **RealPlyr.** có thể phát các tập tin .mp4, nhưng một số tập tin .mp4 có thể chứa nội dung không tương thích với các chuẩn 3GPP, và vì vậy sẽ không được điện thoại hỗ trợ.

Phát video clip

- Để phát tập tin media được lưu trong bộ nhớ điện thoại, hoặc thẻ nhớ (nếu có), chọn **Options > Open** và chọn một trong các tùy chọn sau: **Most recent clips**—để phát một trong sáu tập tin mới nhất được phát bằng **RealPlyr..** **Saved clip**—để phát lại tập tin được lưu trong **Gallery**.

Xem phần “[Gallery \(Bộ sưu tập\)](#)”, trên trang 26.

- Di chuyển đến một tập tin và bấm để phát tập tin đó.

Mẹo! Để xem một video clip ở chế độ vừa màn hình, bấm **2** . Để đổi trở lại chế độ màn hình bình thường, bấm phím bất kỳ.

Các phím tắt trong khi chạy chương trình:

- Để tiến nhanh về trước, bấm và giữ .
- Để trở về điểm đầu của tập tin media, bấm và giữ .
- Để tắt âm, bấm và giữ cho đến khi chỉ báo hiển thị. Để bật âm, bấm và giữ cho đến khi bạn nhìn thấy chỉ báo .

Xem nội dung trực tuyến

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu bạn sử dụng điểm truy cập Internet (IAP) làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP.

Bạn có thể cài đặt các điểm truy cập khi bạn khởi động điện thoại lần đầu tiên.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Trong ứng dụng **RealPlyr.**, bạn chỉ có thể truy cập một địa chỉ rtsp:// URL. Tuy nhiên, **RealPlyr.** có khả năng nhận dạng liên kết http với tập tin .ram.

Để xem các nội dung trực tuyến, chọn một liên kết đến nội dung trực tuyến trong **Gallery**, trên trang Web, hoặc nhận liên kết trong tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện. Trước khi nội dung được phát trực tuyến, điện thoại của bạn sẽ kết nối với trang này và bắt đầu nạp nội dung. Nội dung sẽ không được lưu vào điện thoại.

Nhận các thông số cài đặt RealPlayer

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt **RealPlyr.** trong tin nhắn văn bản đặc biệt được gửi từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần [“Dữ liệu và các thông số cài đặt”](#), trên trang 48. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Thay đổi các cài đặt của RealPlayer

Chọn **Options > Settings** và các tùy chọn sau:

Video—để **RealPlyr.** tự động phát lại các video clip đã phát xong.

Connection—để chọn sử dụng một server proxy, thay đổi điểm truy cập mặc định, và cài khoảng trị số cổng được dùng khi kết nối. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Proxy sett.:

Use proxy—Để sử dụng server proxy, chọn **Yes**.

Proxy serv. address—Nhập địa chỉ IP của server proxy.

Proxy port number—Nhập số cổng của server proxy.

 **Chú giải:** Các server proxy là các server trung gian giữa các server cung cấp nội dung media và người sử dụng chúng. Một số nhà cung cấp dịch vụ sử dụng chúng để cung cấp các tính năng bảo mật bổ sung hoặc tăng tốc độ truy cập các trang web chứa các đoạn âm thanh hoặc các video clip.

Netw. sett.:

Default access point—Di chuyển đến điểm truy cập bạn muốn dùng để kết nối vào Internet và bấm .

Online time—Cài thời lượng để **RealPlyr.** ngắt khỏi mạng khi bạn ngưng phát đoạn media qua liên kết mạng. Chọn **User defined**, và bấm . Nhập khoảng thời gian, và chọn **OK**.

Lowest UDP port—Nhập trị số cổng thấp nhất trong khoảng trị số các cổng của server. Giá trị cực tiểu là 1024.

Highest UDP port—Nhập trị số cổng cao nhất trong khoảng trị số các cổng của server. Giá trị cực đại là 65535.

Chọn **Options > Advanced settings** để hiệu chỉnh các giá trị bằng thông cho các mạng khác nhau.



Movie director (Đạo diễn phim)

Để tạo muvee, bấm , và chọn **Imaging > Movie**. Mueve là các video clip ngắn, đã được chỉnh sửa có chứa video, hình ảnh, âm nhạc, và văn bản. **Quick muvee** đã được tự động tạo bằng **Movie** sau khi bạn đã chọn kiểu muvee. **Movie** sử dụng văn bản và âm nhạc mặc định kết hợp với kiểu đã chọn. Trong **Custom muvee** bạn có thể chọn các video clip và các đoạn nhạc riêng, hình ảnh và kiểu thể hiện, đồng thời thêm phần thông điệp mở đầu và kết thúc. Bạn có thể gửi muvee qua MMS.

Mở **Movie**, và bấm  hoặc  để chuyển qua lại giữa hai giao diện  và . Bạn cũng có thể trở về giao diện chính từ giao diện  bằng cách chọn **Done**.

Giao diện  có chứa một danh sách các video clip mà bạn có thể **Play**, **Send**, **Rename** và **Delete**.

Tạo quick muvee

- 1 Trong giao diện chính của **Movie** chọn **Quick muvee**.

- Chọn một kiểu muvee trong danh sách. Mueve đã tạo sẽ được lưu trong danh sách muvee của **Movie**. Mueve sẽ tự động phát sau khi lưu lại.

Tạo muvee tùy chỉnh

- Trong giao diện **Movie**, chọn **Custom muvee**.
- Chọn đoạn bạn muốn thêm vào muvee của bạn trong **Video**, **Image**, **Style**, hoặc **Music**. Sau khi bạn đã chọn các video clip và hình ảnh, để xác định thứ tự mà các tập tin sẽ được phát trong muvee, chọn **Options > Advanced options**. Để chọn tập tin bạn muốn chuyển, bấm . Sau đó, di chuyển đến tập tin mà sau đó bạn muốn thay thế bằng tập tin được đánh dấu, và bấm . Để cắt các video clip, chọn **Options > Select contents**. Xem phần “**Chọn nội dung**”, trên trang 39. Trong **Message** bạn có thể thêm đoạn văn bản mở đầu và kết thúc cho muvee.
- Chọn **Create muvee** và chọn một trong các tùy chọn sau:
Multimedia message—Để tối ưu độ dài của muvee khi gửi MMS.
Auto-select—Để bao gồm tất cả các hình ảnh và các video clip được chọn trong muvee.

Same as music—Để cài thời lượng muvee giống như đoạn nhạc đã chọn.

User defined—Để xác định độ dài muvee.

- Chọn **Options > Save**.

Để xem trước muvee tùy chỉnh trước khi gửi, trong giao diện **Preview**, chọn **Options > Play**.

Để tạo một muvee tùy chỉnh mới bằng cách sử dụng cài đặt cùng loại, chọn **Options > Recreate**.

Chọn nội dung

Để chỉnh sửa các video clip đã chọn, chọn **Options > Advanced options > Options > Select contents**. Bạn có thể chọn những phần của video clip nào sẽ được thêm vào hoặc loại ra trong muvee. Trong thanh trượt, màu xanh lá cây là phần được thêm vào, màu đỏ là phần được loại ra và màu xám là các phần trung lập.

Để thêm một phần của video clip vào muvee, di chuyển đến phần đó, và chọn **Options > Include**.

Để loại bỏ một đoạn, chọn **Options > Exclude**.

Để loại bỏ một cảnh, chọn **Options > Exclude shot**.

Để ứng dụng **Movie** thêm vào hoặc loại trừ ngẫu nhiên một phần của video clip, di chuyển đến phần đó, và chọn **Options > Mark as neutral**.

Để ứng dụng **Movie** thêm vào hoặc loại trừ ngẫu nhiên các phần của video clip, chọn **Options** > **Mark all as neutral**.

Cài đặt

Chọn **Settings** để chỉnh sửa các tùy chọn sau:

Memory in use—Chọn nơi lưu các muvee của bạn.

Resolution—Chọn độ phân giải cho các đoạn muvee của bạn.

Default muvee name—Đặt tên mặc định cho các muvee.



Flash Player

Với Flash Player, bạn có thể xem, phát, và tương tác với các tập tin flash tương thích được tạo cho các thiết bị di động.

Sắp xếp các tập tin flash

Bấm , và chọn **Imaging** > **Flash Player**. Di chuyển sang phải.

Để mở một thư mục hoặc phát một tập tin flash, di chuyển đến tập tin này, và bấm phím di chuyển.

Để gửi tập tin flash tới một thiết bị tương thích, di chuyển đến tập tin này, và bấm phím đàm thoại.

Để sao chép một tập tin flash vào một thư mục khác, chọn **Options** > **Organise** > **Copy to folder**.

Để chuyển một tập tin flash vào một thư mục khác, chọn **Options** > **Organise** > **Move to folder**.

Để tạo một thư mục để sắp xếp các tập tin flash, chọn **Options** > **Organise** > **New folder**.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Để xóa một tập tin flash, di chuyển đến tập tin đó và bấm .

Phát các tập tin flash

Bấm , và chọn **Imaging** > **Flash Player**. Di chuyển đến một tập tin flash và bấm phím di chuyển.

Nếu có, chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Pause**—Để tạm ngưng phát.
 - **Stop**—Để ngừng phát.
 - **Volume**—Để điều chỉnh âm lượng phát. Để tăng hoặc giảm âm lượng, di chuyển sang trái hoặc phải.
 - **Quality**—Để chọn chất lượng phát.
- Nếu chất lượng phát có vẻ không đều hoặc

chậm, thay đổi cài đặt **Quality** sang chế độ **Normal** hoặc **Low**.

- **Full screen**—Để phát tập tin sử dụng cả màn hình. Để trở lại màn hình bình thường, chọn **Normal screen**.

Mặc dù các phím chức năng không hiện trên cả màn hình nhưng vẫn khả dụng khi bạn bấm một trong các phím chọn.

- **Fit to screen**—Để phát tập tin ở dạng kích thước gốc sau khi điều chỉnh tỷ lệ.
- **Pan mode on**—Để có thể di chuyển qua lại trên màn hình bằng phím điều khiển khi bạn đã phóng to.



Nhắn tin

Bấm , và chọn **Messag.** (dịch vụ mạng). Trong **Messag.** bạn có thể tạo, gửi, nhận, xem, soạn thảo, và sắp xếp các tin nhắn văn bản, các tin nhắn đa phương tiện, e-mail, và các tin nhắn văn bản đặc biệt chứa dữ liệu. Bạn cũng có thể nhận các tin nhắn dịch vụ Web, các tin nhắn quảng bá, và gửi các lệnh dịch vụ. Các tin nhắn và dữ liệu nhận được qua kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại được lưu trong thư mục **Inbox** trong **Messag.**

Để tạo một tin nhắn mới, chọn **New message.**

Chỉ những thiết bị có các tính năng tương thích mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn đa phương tiện. Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Messag. chứa các thư mục sau:

 **Inbox**—Chứa các tin nhắn đã nhận, ngoại trừ e-mail và các tin nhắn quảng bá. Các tin e-mail được lưu trong **Mailbox**.

 **My folders**—Để sắp xếp tin nhắn của bạn vào trong các thư mục.

 **Mẹo!** Bạn có thể sử dụng các văn bản trong thư mục mẫu để tránh phải viết lại những tin nhắn thường gửi.

 **Mailbox**—Kết nối vào hộp thư từ xa của bạn để tải về các tin e-mail mới hoặc xem các tin e-mail đã được tải về từ trước ở chế độ không trực tuyến. Xem phần **“E-mail”**, trên trang 53.

 **Drafts**—Các tin nhắn nháp chưa gửi sẽ được lưu ở đây.

 **Sent**—Chứa 20 tin nhắn mới nhất đã gửi, ngoại trừ các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Để thay đổi số lượng tin nhắn sẽ được lưu, xem phần **“Other settings (Cài đặt khác)”** trên trang 55.

 **Outbox**—Tạm thời lưu các tin nhắn đang chờ để gửi.

 **Ví dụ:** Các tin nhắn sẽ được lưu trong hộp thư đi, ví dụ như trong trường hợp điện thoại bạn đang ở ngoài vùng phủ sóng. Bạn cũng có thể

chỉ định thời điểm tin nhắn e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối kế tiếp với hộp thư từ xa.

 **Reports**—Bạn có thể yêu cầu mạng gửi báo cáo về những tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện mà bạn đã gửi (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

 **Mẹo!** Khi bạn đã mở bất kỳ thư mục mặc định nào, để chuyển đổi giữa các thư mục, bấm  hoặc .

Để nhập và gửi các yêu cầu dịch vụ (còn gọi là các lệnh USSD) đến nhà cung cấp dịch vụ, ví dụ như những lệnh kích hoạt các dịch vụ mạng, chọn

Options > Service command trong màn hình chính của phần **Message**.

Cell broadcast (dịch vụ mạng) cho phép bạn nhận tin nhắn về nhiều chủ đề khác nhau, ví dụ như thông tin thời tiết hoặc tình trạng giao thông, do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Để biết về các chủ đề có sẵn và các chủ đề thích hợp, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. Trong cửa sổ chính của **Messaging**, chọn **Options > Cell broadcast**. Trong cửa sổ chính, bạn có thể thấy thông tin trạng thái của chủ đề, mã số của chủ đề, tên chủ đề và chủ đề có được đánh dấu () cho biết có nhận những tin nhắn tiếp theo hay không.

Bạn không thể nhận các tin nhắn quảng bá qua mạng UMTS. Kết nối dữ liệu gói có thể ngăn không cho nhận tin nhắn quảng bá.

Viết văn bản

ABC, **abc**, và **Abc** cho biết kiểu nhập ký tự đã chọn. **123** cho biết kiểu nhập số.

Kiểu nhập văn bản truyền thống

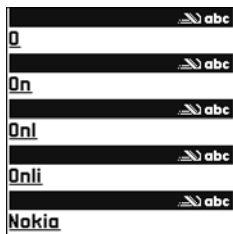
Biểu tượng  sẽ hiển thị khi bạn viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống.

- Bấm một phím số (**1** — **9**) nhiều lần cho đến khi ký tự bạn cần dùng xuất hiện. Điện thoại sẽ cung cấp nhiều ký tự ứng với một phím số hơn số ký tự được in trên mặt của phím số đó.
- Nếu chữ kế tiếp nằm cùng phím với chữ hiện tại, hãy đợi đến khi con trỏ hiển thị (hoặc bấm ) để kết thúc khoảng thời gian nghỉ rồi nhập chữ đó vào.
- Để chèn khoảng trắng, bấm **0** . Để di chuyển con trỏ đến dòng kế tiếp, bấm **0** ba lần.

Kiểu nhập tiên đoán

Bạn chỉ cần nhấn mỗi phím một lần để nhập bất kỳ ký tự nào. Kiểu nhập văn bản tiên đoán dựa trên từ điển được cài sẵn mà bạn có thể nhập những từ mới.  được hiển thị trên màn hình khi bạn viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản tiên đoán.

- Để kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm , và chọn **Predictive text on**. Thao tác này sẽ kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên điện thoại.
- Để viết từ bạn muốn, bấm các phím **2** — **9**. Chỉ bấm mỗi phím một lần để nhập một chữ cái. Ví dụ như để viết từ "Nokia" bằng từ điển tiếng Anh đã chọn, bấm **6** để nhập N, **6** để nhập o, **5** để nhập k, **4** để nhập i, và **2** để nhập a. Từ định viết sẽ thay đổi sau mỗi lần bấm phím.
- Khi bạn viết đúng một từ, bấm  để xác nhận lại, hoặc bấm  để chèn khoảng trắng. Nếu viết từ sai, bấm ***** nhiều lần để tìm lần lượt các từ phù hợp có thể có trong từ điển, hoặc bấm , và chọn **Predictive text > Matches**.



Nếu dấu ? hiển thị sau từ đó, từ bạn định viết không có trong từ điển. Để thêm từ vào từ điển, chọn **Spell**, nhập từ mới vào bằng kiểu nhập văn bản truyền thống, và chọn **OK**. Từ này sẽ được thêm vào từ điển. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

- Bắt đầu viết từ kế tiếp.

Viết từ ghép

Soạn phần đầu của từ ghép, bấm  để xác nhận phần này. Soạn phần sau của từ ghép. Để hoàn tất việc soạn từ ghép, bấm  để chèn khoảng trắng.

Tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán

Để tắt kiểu nhập tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên máy, bấm , và chọn **Predictive text > Off**.

 **Mẹo!** Để bật hoặc tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm nhanh **#** hai lần.

Mẹo khi nhập văn bản

Để chèn số khi ở chế độ nhập kiểu chữ, bấm và giữ phím số bạn cần.

Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ **#**.

Để chuyển giữa các kiểu chữ khác nhau, bấm **#**.

Để xóa một ký tự, bấm **C** . Để xóa nhiều ký tự, bấm và giữ **C** .

Các dấu chấm câu phổ biến nhất hiện đang có trong **1** .

Để mở danh sách các ký tự đặc biệt, bấm và giữ ***** .

 **Meo!** Để chèn một vài ký tự đặc biệt cùng lúc, bấm **5** khi bạn chọn mỗi ký tự.

Soạn và gửi tin nhắn

Trước khi bạn có thể soạn tin nhắn đa phương tiện hoặc viết e-mail, bạn phải có thông số cài đặt kết nối phù hợp. Xem phần “[Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail](#)” trên trang 47 và phần “[E-mail](#)” trên trang 53.

Mạng vô tuyến có thể giới hạn kích thước của tin nhắn MMS. Nếu hình được chèn vào vượt quá giới hạn này, điện thoại có thể giảm hình này xuống nhỏ hơn để có thể gửi qua tin nhắn MMS.

- 1 Chọn **New message** và chọn một trong các tùy chọn sau:
Text msg.—Để gửi tin nhắn văn bản.
Multimedia message—Để gửi tin nhắn đa phương tiện (MMS).
E-mail—Để gửi e-mail.

Nếu bạn chưa thiết lập tài khoản e-mail, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start**.

- 2 Trong trường **To**, bấm  để chọn người hoặc nhóm người nhận trong danh bạ, hoặc nhập số điện thoại hoặc địa chỉ e-mail của người nhận vào. Để thêm dấu chấm phẩy (;) phân cách những người nhận, bấm ***** . Bạn cũng có thể sao chép và dán số điện thoại hoặc địa chỉ trong clipboard.
- 3 Trong trường **Subject**, nhập chủ đề cho một tin nhắn đa phương tiện hoặc e-mail. Để thay đổi các trường bạn nhìn thấy, chọn **Options > Address fields**.
- 4 Trong trường tin nhắn, viết tin nhắn. Để chèn một tin nhắn mẫu, chọn **Options > Insert** hoặc **Insert object > Template**.
- 5 Để thêm một đối tượng media vào tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Insert object > Image, Sound clip**, hoặc **Video clip**. Khi âm



thanh được thêm vào, biểu tượng  sẽ hiển thị.

Bạn không thể gửi các đoạn phim được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện.

Để thay đổi định dạng của các phim đã lưu, xem phần “[Cài đặt phim](#)” trên trang [22](#).

- 6 Để chụp một hình hoặc ghi một đoạn âm thanh hoặc video mới cho một tin nhắn đa phương tiện, chọn **Insert new > Image, Sound clip, hoặc Video clip**. Để chèn một trang mới vào tin nhắn, chọn **Slide**.

Để xem trước tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Preview**.

- 7 Để chèn tập tin đính kèm vào e-mail, chọn **Options > Insert > Image, Sound clip, Video clip, hoặc Note**. Các phần đính kèm với e-mail được chỉ báo bởi biểu tượng .

 **Mẹo!** Để đính kèm các loại tập tin khác, mở ứng dụng tương ứng nếu có, và chọn **Send > Via e-mail**.

- 8 Để gửi tin nhắn, chọn **Options > Send**, hoặc bấm .

 **Lưu ý:** Điện thoại có thể cho biết tin nhắn của bạn đã được gửi đến số trung tâm nhắn tin được lập trình trong điện thoại. Điện thoại có thể không cho biết tin nhắn có nhận được tại đích định gửi đến hay không. Để biết thêm chi

tiết về dịch vụ nhắn tin, xin kiểm tra với nhà cung cấp dịch vụ.

Điện thoại hỗ trợ gửi tin nhắn văn bản không quá giới hạn ký tự của một tin nhắn đơn. Các tin nhắn dài hơn được gửi dưới dạng một chuỗi gồm hai hoặc nhiều tin nhắn. Nhà cung cấp dịch vụ có thể tính phí thêm. Các ký tự sử dụng dấu trọng âm hoặc các ký hiệu khác và các ký tự trong một số tùy chọn ngôn ngữ như Tiếng Hoa, sẽ vượt quá số ký tự tối đa có thể được gửi trong một tin nhắn đơn. Trên thanh di chuyển, bạn có thể nhìn thấy chỉ báo độ dài tin nhắn đếm lùi. Ví dụ, 10(2) nghĩa là bạn vẫn có thể thêm 10 ký tự cho văn bản để gửi đi thành hai tin nhắn.

Các tin nhắn e-mail sẽ được tự động lưu tạm trong **Outbox** trước khi gửi. Nếu không gửi được tin e-mail, tin này sẽ được giữ lại trong thư mục **Outbox** với trạng thái **Failed**.

 **Mẹo!** Bạn có thể kết hợp các hình ảnh, video, âm thanh, và văn bản vào một diễn thuyết và gửi diễn thuyết này trong một tin nhắn đa phương tiện. Bắt đầu tạo một tin nhắn đa phương tiện, và chọn **Options > Create presentation**. Tùy chọn này chỉ được hiển thị nếu **MMS creation mode** được cài là **Guided** hoặc **Free**. Xem phần “[Tin nhắn đa phương tiện](#)”, trên trang [52](#).

Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail

Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang 48.

Nhập các thông số cài đặt MMS bằng tay

- 1 Chọn , và chọn **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**, và xác định các thông số cài đặt dùng cho điểm truy cập tin nhắn đa phương tiện. Xem phần “[Connection \(Kết nối\)](#)”, trên trang 103.
- 2 Bấm , và chọn **Messaging** > **Options** > **Settings** > **Multim. msg.** > **Access point in use** và điểm truy cập bạn đã tạo làm kết nối ưu tiên. Xem thêm phần “[Tin nhắn đa phương tiện](#)”, trên trang 52.

Để có thể gửi, nhận, tải về, trả lời, và gửi chuyển tiếp e-mail, bạn cần phải thực hiện các thao tác sau:

- Cấu hình đúng Điểm Truy cập Internet (IAP). Xem phần “[Connection \(Kết nối\)](#)”, trên trang 103.
- Xác định đúng thông số cài đặt e-mail. Nếu bạn chọn **Mailbox** trong màn hình chính của **Messag.** và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Để bắt đầu

tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start**. Xem thêm phần “[E-mail](#)”, trên trang 53. Bạn cần phải có tài khoản e-mail riêng. Thực hiện theo các hướng dẫn nhận được từ hộp thư từ xa và từ nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP).



Hộp thư đến—nhận tin nhắn

Trong thư mục **Inbox**, biểu tượng  cho biết tin nhắn văn bản chưa đọc, biểu tượng  cho biết tin nhắn đa phương tiện chưa đọc, biểu tượng  cho biết đã nhận dữ liệu qua cổng hồng ngoại, và biểu tượng  cho biết đã nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth.

Khi nhận tin nhắn, biểu tượng  và thông báo **1 new message** sẽ được hiển thị khi ở chế độ chờ. Để mở tin nhắn, chọn **Show**. Để mở tin nhắn trong **Inbox**, di chuyển đến tin nhắn này, và bấm .

Để trả lời một tin nhắn đã nhận, chọn **Options** > **Reply**.

Để in một tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện trên một máy in có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options** > **Print**.

Tin nhắn đa phương tiện



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các chủ đề tin nhắn đa phương tiện có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC.

Bạn có thể nhận được một thông báo rằng tin nhắn đa phương tiện đang chờ ở trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Để kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về điện thoại, chọn **Options > Retrieve**.

Khi mở một tin nhắn đa phương tiện () , bạn có thể nhìn thấy một hình ảnh và một thông báo.

Biểu tượng  sẽ được hiển thị nếu có âm thanh, hoặc  nếu có video. Để phát âm thanh hoặc xem video, chọn biểu tượng hiển thị.

Để xem các đối tượng media có trong tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Objects**.

Nếu tin nhắn có một diễn thuyết đa phương tiện, biểu tượng  sẽ được hiển thị. Để phát diễn thuyết này, chọn biểu tượng được hiển thị.

Dữ liệu và các thông số cài đặt

Điện thoại có thể nhận nhiều loại tin nhắn có chứa dữ liệu ():

Configuration message—Bạn có thể nhận cài đặt từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc phòng quản lý thông tin của công ty dưới dạng một tin nhắn cấu hình. Để lưu các thông số cài đặt này, chọn **Options > Save all**.

Business card—Để lưu thông tin này vào **Contacts**, chọn **Options > Save business card**. Các chứng chỉ hoặc tập tin âm thanh được đính kèm với danh thiếp sẽ không được lưu.

Ringtone—Để lưu chuông, chọn **Options > Save**.

Operat. logo—Để hiển thị logo mạng ở chế độ chờ thay cho tên nhận dạng nhà điều hành, chọn **Options > Save**.

Calen. entry—Để lưu lời mời, chọn **Options > Save to Calendar**.

Web message—Để lưu chỉ mục vào danh sách chỉ mục trong trang Web, chọn **Options > Add to bookmarks**. Nếu tin nhắn có chứa cả thông số cài đặt điểm truy cập lẫn các chỉ mục, để lưu lại các dữ liệu này, chọn **Options > Save all**.

E-mail notif.—Thông báo cho bạn biết số e-mail mới trong hộp thư từ xa của bạn. Phần thông báo mở rộng có thể liệt kê nhiều thông tin chi tiết hơn.

Tin nhắn dịch vụ Web

Những tin nhắn dịch vụ Web (📧) là những thông báo văn bản (ví dụ như tiêu đề tin tức) và có thể chứa tin nhắn văn bản hoặc liên kết. Để biết tính khả dụng và thuê bao, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.



Hộp thư

Nếu bạn chọn **Mailbox** và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start**. Xem thêm phần “E-mail”, trên trang 53.

Khi bạn tạo một hộp thư mới, tên bạn đặt cho hộp thư sẽ thay thế cho tên **Mailbox** trong cửa sổ chính của phần **Messaging**. Bạn có thể tạo tối đa sáu hộp thư.

Mở hộp thư

Khi bạn mở hộp thư, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn kết nối với hộp thư không (**Connect to mailbox?**).

Để kết nối với hộp thư của bạn và tải về các phần tiêu đề e-mail hoặc tin nhắn mới, chọn **Yes**. Khi bạn xem tin nhắn trực tuyến, bạn phải kết nối thường trực

tới một hộp thư từ xa bằng cách sử dụng một kết nối truyền dữ liệu. Xem thêm phần “**Connection (Kết nối)**”, trên trang 103.

Để xem các tin nhắn e-mail đã tải về trước đó ở trạng thái không trực tuyến, chọn **No**. Khi bạn xem tin nhắn e-mail ở trạng thái không trực tuyến, điện thoại sẽ không kết nối với hộp thư từ xa.

Tải tin nhắn e-mail

Nếu bạn đang ở trạng thái không trực tuyến, chọn **Options > Connect** để bắt đầu kết nối với hộp thư từ xa.



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn.

Các tin nhắn e-mail có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC của bạn.

- 1 Khi bạn đang kết nối vào hộp thư từ xa, chọn **Options > Retrieve e-mail** và chọn một trong các tùy chọn sau:
New—Để tải tất cả các tin e-mail mới.
Selected—Để chỉ tải về những e-mail được đánh dấu.
All—Để tải về tất cả các tin nhắn từ hộp thư.
 Để ngừng việc tải tin nhắn về, chọn **Cancel**.
- 2 Sau khi bạn tải các tin e-mail về, bạn vẫn có thể xem chúng trực tuyến, hoặc chọn **Options >**

Disconnect để ngắt kết nối và xem các tin e-mail không trực tuyến.

Các chỉ báo tình trạng e-mail:

 E-mail mới (trạng thái không trực tuyến hoặc trực tuyến) chưa được tải về điện thoại.

 E-mail đã được tải về điện thoại.

 E-mail đã đọc, và chưa được tải về điện thoại.

 Tin nhắn e-mail đã đọc.

 E-mail có tiêu đề đã đọc và nội dung tin nhắn đã bị xóa khỏi điện thoại.

- 3 Để mở một tin e-mail, bấm . Nếu tin nhắn e-mail chưa được tải về và bạn chưa kết nối vào mạng, bạn sẽ được hỏi xem bạn có muốn tải tin nhắn này về từ hộp thư không.

Để xem những tập tin đính kèm với e-mail, mở tin nhắn được đánh dấu có phần đính kèm , và chọn **Options > Attachments**. Nếu chỉ báo đính kèm bị mờ, có nghĩa là nội dung đó chưa được tải về điện thoại; chọn **Options > Retrieve**.

Để in một tin e-mail trên một máy in có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options > Print**.

Tự động tải tin nhắn e-mail

Để tự động tải các tin nhắn, chọn **Options > E-mail settings > Automatic retrieval > Header**

retrieval > Always enabled hoặc **Only in home net.**, và chọn thời điểm và chu kỳ tải tin nhắn.

Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

Xóa các tin nhắn e-mail

Để xóa nội dung của e-mail khỏi điện thoại nhưng vẫn giữ lại nội dung đó trên hộp thư từ xa, chọn **Options > Delete**. Trong menu **Delete msg. from:**, chọn **Phone only**.

Điện thoại sẽ sao lại tiêu đề e-mail trong hộp thư từ xa. Mặc dù bạn đã xóa nội dung tin nhắn, tiêu đề e-mail vẫn còn lưu trong điện thoại. Nếu bạn muốn xóa cả tiêu đề, bạn phải xóa tin nhắn e-mail từ hộp thư từ xa, sau đó kết nối điện thoại với hộp thư từ xa lại để cập nhật tình trạng.

Để xóa e-mail cả trên điện thoại lẫn trên hộp thư từ xa, chọn **Options > Delete**. Trong **Delete msg. from:**, chọn **Phone and server**.

Nếu bạn chưa kết nối vào mạng, e-mail trong điện thoại sẽ bị xóa trước. Trong lần kết nối kế tiếp vào hộp thư từ xa, e-mail sẽ được xóa tự động khỏi hộp thư từ xa. Nếu bạn đang sử dụng giao thức POP3, tin nhắn được đánh dấu xóa sẽ bị xóa chỉ sau khi bạn đã ngắt kết nối với hộp thư từ xa.

Để hủy thao tác xóa e-mail khỏi điện thoại lần trên server, di chuyển đến e-mail đã bị đánh dấu xóa khi đang ở phiên kết nối kế tiếp (☎), và chọn

Options > **Restore**.

Ngắt kết nối khỏi hộp thư

Khi bạn đang ở trạng thái trực tuyến, để ngắt kết nối dữ liệu với hộp thư từ xa, chọn **Options** >

Disconnect.

Xem tin nhắn trên thẻ SIM

Trước khi bạn có thể xem các tin nhắn trong thẻ SIM, bạn cần phải sao chép các tin nhắn này vào một thư mục trong điện thoại.

- 1 Trong cửa sổ chính của phần **Messag.**, chọn **Options** > **SIM messages**.
- 2 Chọn **Options** > **Mark/Unmark** > **Mark** hoặc **Mark all** để đánh dấu tin nhắn.

- 3 Chọn **Options** > **Copy**. Một danh sách các thư mục sẽ được mở ra.
- 4 Để bắt đầu sao chép, chọn một thư mục và chọn **OK**. Để xem các tin, mở thư mục này.

Cài đặt nhắn tin

Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng đoạn **Must be defined**, hoặc có dấu hoa thị màu đỏ.

Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Bạn cũng có thể nhận cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng một tin nhắn cấu hình.

Một số hoặc tất cả các trung tâm nhắn tin hoặc các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

Tin nhắn văn bản

Bấm , và chọn **Messag.** > **Options** > **Settings** > **Text msg.** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Message centres—Xem danh sách tất cả các trung tâm nhắn tin văn bản mà bạn xác định.

Character encoding—Để sử dụng chuyển đổi ký tự sang một hệ thống mã hóa khác, nếu có, chọn **Reduced support**.

Msg. centre in use—Chọn trung tâm nhắn tin sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản.

Receive report—Để yêu cầu mạng gửi báo cáo gửi cho tin nhắn của bạn (dịch vụ mạng).

Message validity—Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành công (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.

Message sent as—Chỉ nên thay đổi tùy chọn này trong trường hợp bạn chắc chắn rằng trung tâm nhắn tin của bạn có thể chuyển đổi tin nhắn văn bản sang các dạng tin khác. Liên hệ với nhà điều hành mạng.

Preferred conn.—Chọn kết nối sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản: Mạng GSM hoặc dữ liệu gói, nếu mạng hỗ trợ. Xem phần “[Connection \(Kết nối\)](#)”, trên trang 103.

Reply via same ctr.—Chọn trả lời tin nhắn sử dụng cùng hoặc không cùng số trung tâm nhắn tin văn bản (dịch vụ mạng).

Tin nhắn đa phương tiện

Bấm , và chọn **Message** > **Options** > **Settings** > **Multimedia message** và các tùy chọn sau:

Image size—Xác định kích thước hình ảnh trong tin nhắn đa phương tiện: **Original** (chỉ hiển thị khi **MMS creation mode** được cài là **Guided** hoặc **Free**), **Small**, hoặc **Large**.

MMS creation mode—Nếu bạn chọn **Guided**, điện thoại sẽ nhắc bạn nếu có tin nhắn được gửi đi nhưng có thể không được thiết bị nhận hỗ trợ. Chọn **Restricted**; điện thoại sẽ ngăn bạn gửi các tin nhắn không được hỗ trợ.

Access point in use—Chọn điểm truy cập sẽ được sử dụng làm kết nối ưu tiên cho trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Multimedia retrieval—Chọn cách bạn muốn nhận tin nhắn đa phương tiện. Để tự động nhận tin nhắn đa phương tiện về khi ở trong mạng chủ, chọn **Aut. in home network**. Khi ở bên ngoài mạng chủ, bạn sẽ nhận được thông báo có tin nhắn đa phương tiện mới có thể tải về từ trung tâm tin nhắn đa phương tiện.

Khi bạn đang ở ngoài mạng chủ, cước phí cho việc gửi và nhận các tin nhắn đa phương tiện có thể cao hơn.

Nếu bạn chọn **Multimedia retrieval > Always automatic**, điện thoại sẽ tự động tạo kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về cả khi ở trong và ngoài mạng chủ.

Allow anon. msgs.—Chọn từ chối hoặc chấp nhận các tin nhắn từ một người gửi匿 danh.

Receive adverts—Xác định việc bạn muốn nhận hoặc không nhận các tin nhắn quảng cáo đa phương tiện.

Receive report—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị tình trạng các tin đã gửi trong nhật ký (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

Deny report sending—Chọn từ chối hoặc cho phép điện thoại gửi báo cáo đã nhận tin nhắn đa phương tiện.

Message validity—Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.

E-mail

Bấm , và chọn **Messag. > Options > Settings > E-mail** và các tùy chọn sau:

Mailboxes—Chọn một hộp thư để thay đổi các thông số cài đặt sau: **Connection settings**, **User settings**, **Retrieval settings**, và **Automatic retrieval**.

Mailbox in use—Chọn hộp thư bạn muốn sử dụng để gửi e-mail.

Để tạo một hộp thư mới, chọn **Options > New mailbox** trong cửa sổ chính của hộp thư.

Connection settings

Để chỉnh sửa cài đặt cho e-mail bạn nhận được, chọn **Incoming e-mail** và chọn các tùy chọn sau:

User name—Nhập tên thuê bao của bạn do nhà cung cấp dịch vụ của bạn cấp.

Password—Nhập mật mã của bạn. Nếu bạn để trống trường này, bạn sẽ được nhắc nhập mật mã khi bạn tìm cách kết nối với hộp thư từ xa.

Incoming mail serv.—Nhập địa chỉ IP hoặc tên server nhận e-mail của bạn.

Access point in use—Chọn một điểm truy cập Internet (IAP). Xem phần **“Connection (Kết nối)”**, trên trang 103.

Mailbox name—Đặt tên cho hộp thư.

Mailbox type—Xác định giao thức e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ hộp thư từ xa khuyến nghị bạn sử

dụng. Các tùy chọn là **POP3** và **IMAP4**. Cài đặt này chỉ có thể được chọn một lần và không thể thay đổi nếu bạn đã lưu hoặc đã thoát khỏi cài đặt hộp thư. Nếu sử dụng giao thức POP3, e-mail sẽ không được cập nhật tự động khi bạn đang trực tuyến. Để xem các tin nhắn e-mail mới nhất, bạn phải ngắt kết nối và kết nối lại vào hộp thư của bạn.

Security (ports)—Chọn tùy chọn bảo mật được sử dụng để giữ an toàn cho kết nối đến hộp thư từ xa.

Port—Xác định cổng cho kết nối.

APOP secure login (chỉ cho POP3)—Sử dụng giao thức POP3 để mã hóa việc gửi mật mã tới server e-mail từ xa trong khi kết nối với hộp thư.

Để chỉnh sửa cài đặt cho e-mail bạn gửi, chọn **Outgoing e-mail** và chọn các tùy chọn sau:

My e-mail address—Nhập địa chỉ e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ cấp cho bạn. Tin trả lời sẽ được gửi đến địa chỉ này.

Outgoing mail serv.—Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của server gửi e-mail. Bạn chỉ có thể sử dụng server gửi thư của nhà điều hành mạng của bạn. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Access point in use—Chọn một điểm truy cập Internet (IAP). Xem phần **“Connection (Kết nối)”**, trên trang 103.

Cài đặt cho **User name**, **Password**, **Security (ports)**, và **Port** tương tự như các cài đặt trong **Incoming e-mail**.

User settings

My name—Nhập tên của bạn. Tên của bạn sẽ được hiển thị trên điện thoại của người nhận thay thế cho địa chỉ e-mail của bạn trong trường hợp điện thoại người nhận hỗ trợ chức năng này.

Send message—Xác định cách gửi e-mail từ điện thoại. Chọn **Immediately** để máy kết nối vào hộp thư khi bạn chọn **Send message**. Nếu bạn chọn **During next conn.**, e-mail sẽ được gửi khi đang kết nối với hộp thư từ xa.

Send copy to self—Chọn lưu hoặc không bản sao e-mail vào hộp thư từ xa của bạn và vào địa chỉ được xác định trong phần **My e-mail address**.

Include signature—Chọn đính kèm hoặc không đính kèm chữ ký vào các tin e-mail.

New e-mail alerts—Chọn nhận hoặc không nhận các chỉ báo e-mail, như âm báo hoặc ghi chú, khi tải e-mail mới về hộp thư.

Retrieval settings

E-mail to retrieve—Xác định những phần e-mail sẽ nhận: **Headers only**, **Partially (kB)**, **Messages** (chỉ IMAP4), hoặc **Msgs. & attachs..**

Retrieval amount—Xác định số tin e-mail mới sẽ được nhận về hộp thư.

IMAP4 folder path (chỉ IMAP4)—Xác định đường dẫn thư mục sẽ được đăng ký.

Folder subscriptions (chỉ IMAP4)—Đăng ký các thư mục khác trong hộp thư từ xa và nhận nội dung từ các thư mục này.

Automatic retrieval

Header retrieval—Chọn để điện thoại tự động nhận hoặc không nhận e-mail mới. Bạn có thể xác định thời điểm và chu kỳ tự động tải tin nhắn về từ hộp thư.

Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

Tin nhắn dịch vụ Web

Bấm , và chọn **Messaging > Options > Settings > Service message**. Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn dịch vụ. Nếu bạn muốn điện thoại tự động kích hoạt trình duyệt và bắt đầu kết nối

mạng để tải nội dung khi nhận tin nhắn dịch vụ, chọn **Download messages > Automatically**.

Tin nhắn quảng bá

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết các chủ đề hiện có và mã số chủ đề liên quan. Bấm , và chọn **Messaging > Options > Settings > Cell broadcast** và chọn các tùy chọn sau:

Reception—Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn quảng bá.

Language—Chọn ngôn ngữ để nhận các tin nhắn: **All**, **Selected**, hoặc **Other**.

Topic detection—Chọn để điện thoại tự động hoặc không tự động tìm kiếm các mã số chủ đề mới, và lưu những mã số mới không có tên vào danh sách chủ đề.

Other settings (Cài đặt khác)

Bấm , và chọn **Messaging > Options > Settings > Other** và chọn các tùy chọn sau:

Save sent messages—Chọn lưu hoặc không lưu bản sao của các tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, hoặc e-mail mà bạn đã gửi vào thư mục **Sent**.

No. of saved msgs.—Xác định số lượng tin nhắn đã gửi sẽ được lưu vào thư mục **Sent** tại từng thời điểm. Giới hạn mặc định là 20 tin nhắn. Khi đã đạt giới hạn đó, tin nhắn cũ nhất sẽ bị xóa.

Memory in use—Nếu đã lắp một thẻ nhớ tương thích vào điện thoại, chọn bộ nhớ để lưu các tin nhắn: **Phone memory** hoặc **Memory card**.



Sổ liên lạc (Danh bạ điện thoại)

Bấm và chọn **Contacts**. Trong **Contacts** bạn có thể thêm một kiểu chuông cá nhân hoặc một hình ảnh thu nhỏ vào một thẻ liên lạc. Bạn cũng có thể tạo các nhóm liên lạc, các nhóm này cho phép bạn gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail tới nhiều người nhận cùng lúc. Bạn có thể thêm các thông tin liên lạc đã nhận được (danh thiếp) vào danh bạ. Xem phần “**Dữ liệu và các thông số cài đặt**”, trên trang 48. Bạn chỉ có thể gửi hoặc nhận thông tin về sổ liên lạc từ các thiết bị tương thích.

Lưu tên và số điện thoại

- 1 Chọn **Options > New contact**.
- 2 Điền vào các trường theo ý bạn và chọn **Done**.

Để chỉnh sửa thẻ liên lạc trong **Contacts**, di chuyển đến thẻ liên lạc bạn muốn chỉnh sửa, và chọn **Options > Edit**. Bạn cũng có thể tìm số liên lạc bạn muốn bằng cách nhập các chữ cái đầu tiên của tên vào trường tìm kiếm. Một danh sách các số liên lạc bắt đầu với các chữ cái đầu sẽ hiển thị trên màn hình.

Mẹo! Để in các thẻ liên lạc trên một máy in tương thích có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options > Print**.

Để xóa một thẻ liên lạc trong **Contacts** chọn một thẻ, và bấm . Để xóa nhiều thẻ liên lạc cùng lúc, bấm và để chọn các số liên lạc và bấm để xóa.

Mẹo! Để tạo thêm và hiệu chỉnh các thẻ liên lạc, sử dụng ứng dụng Nokia Contacts Editor trong Nokia PC Suite.

Để đính kèm hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào thẻ liên lạc, mở thẻ liên lạc và chọn **Options > Edit > Options > Add thumbnail**. Hình ảnh dạng thu nhỏ sẽ được hiển thị khi người đó cho bạn.

Mẹo! Quay số nhanh là một cách nhanh chóng để gọi đến các số điện thoại thường được sử dụng. Bạn có thể gán các phím quay số nhanh cho tám số điện thoại. Xem phần “**Quay nhanh một số điện thoại**”, trên trang 62.

 **Mẹo!** Để gửi thông tin về số liên lạc, chọn thẻ mà bạn muốn gửi. Chọn **Options > Send > Via text message, Via multimedia, Via Bluetooth**, hoặc **Via infrared**. Xem phần “**Nhắn tin**” trên trang 42 và phần “**Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth**” trên trang 87.

Để thêm một số liên lạc vào một nhóm, chọn **Options > Add to group**: (chỉ hiển thị nếu bạn đã tạo một nhóm). Xem phần “**Tạo các nhóm liên lạc**”, trên trang 59.

Để xem lượng bộ nhớ đã sử dụng cho các số liên lạc, nhóm, và bộ nhớ còn trống trong **Contacts**, chọn **Options > Contacts info**.

Các số điện thoại và địa chỉ mặc định

Bạn có thể gán các số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định cho một thẻ liên lạc. Nếu một số liên lạc có nhiều số điện thoại hoặc nhiều địa chỉ, làm như vậy sẽ giúp bạn có thể dễ dàng gọi hoặc gửi tin nhắn tới số liên lạc này theo một số hoặc một địa chỉ nhất định. Số mặc định cũng được sử dụng trong chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

- 1 Trong danh bạ, chọn một số liên lạc, và bấm .
- 2 Chọn **Options > Defaults**.

- 3 Chọn một mục mặc định mà bạn sẽ thêm số điện thoại hoặc địa chỉ vào, và chọn **Assign**.
- 4 Chọn một số điện thoại hoặc địa chỉ để cài làm giá trị mặc định.

Số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định được trình bày dưới dạng các dấu gạch chân trong thẻ liên lạc.

Sao chép số liên lạc

Để sao chép tên và số điện thoại từ thẻ SIM vào điện thoại, bấm , và chọn **Contacts > Options > SIM contacts > SIM directory**. Chọn những tên bạn muốn sao chép và chọn **Options > Copy to Contacts**.

Để sao chép các số liên lạc vào thẻ SIM, bấm , và chọn **Contacts**. Chọn các tên bạn muốn sao chép và chọn **Options > Copy to SIM direct.**, hoặc **Options > Copy > To SIM directory**. Chỉ những trường thẻ liên lạc được thẻ SIM hỗ trợ mới được sao chép.

 **Mẹo!** Bạn có thể đồng bộ các số liên lạc với máy PC tương thích bằng Nokia PC Suite.

SIM directory và các dịch vụ SIM khác

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Bấm , và chọn **Contacts > Options > SIM contacts > SIM directory** để xem các tên và số điện thoại được lưu trên thẻ SIM. Trong thư mục thẻ SIM bạn có thể thêm, chỉnh sửa, hoặc sao chép các số điện thoại vào các số liên lạc, và thực hiện các cuộc gọi.

Để xem danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options > SIM contacts > Fixed dialling contacts**. Cài đặt này chỉ hiển thị nếu được thẻ SIM hỗ trợ.

Để hạn chế các cuộc gọi từ điện thoại đến các số điện thoại đã chọn, chọn **Options > Activ. fixed dialling**. Để thêm các số mới vào danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options > New SIM contact**. Bạn phải nhập mã PIN2 cho các chức năng này.

Khi bạn sử dụng chức năng **Fixed dialling**, bạn có thể sẽ không thực hiện được các kết nối dữ liệu gói, ngoại trừ việc gửi tin nhắn văn bản qua kết nối dữ liệu gói. Trong trường hợp này, số trung tâm nhắn tin

và số điện thoại của người nhận phải có trong danh sách số gọi ẩn định.

Khi chức năng gọi số ẩn định được kích hoạt, bạn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Gán nhạc chuông cho các số liên lạc

Khi số liên lạc hoặc thành viên của nhóm đó gọi cho bạn, điện thoại sẽ phát kiểu chuông được chọn (nếu số điện thoại của người gọi được gửi cùng với cuộc gọi và điện thoại của bạn nhận ra số này).

- 1 Bấm  để mở thẻ liên lạc hoặc vào danh sách nhóm và chọn một nhóm liên lạc.
- 2 Chọn **Options > Ringing tone**. Danh sách các kiểu chuông sẽ mở ra.
- 3 Chọn kiểu chuông bạn muốn sử dụng cho số liên lạc riêng hoặc nhóm được chọn.

Để xóa kiểu chuông, chọn **Default tone** trong danh sách các kiểu chuông.

Tạo các nhóm liên lạc

- 1 Trong **Contacts**, bấm  để mở danh sách nhóm.

- 2 Chọn **Options** > **New group**.
- 3 Nhập tên cho nhóm hoặc sử dụng tên mặc định **Group**, và chọn **OK**.
- 4 Mở nhóm, và chọn **Options** > **Add members**.
- 5 Di chuyển đến một số liên lạc và bấm  để chọn số liên lạc đó. Để thêm cùng lúc nhiều thành viên, lặp lại thao tác này với tất cả các số liên lạc bạn muốn.
- 6 Chọn **OK** để thêm các số liên lạc vào nhóm.

Để đổi tên nhóm, chọn **Options** > **Rename**, nhập tên mới, và chọn **OK**.

Xóa thành viên khỏi nhóm

- 1 Trong danh sách nhóm, mở nhóm bạn muốn sửa đổi.
 - 2 Di chuyển đến số liên lạc, và chọn **Options** > **Remove from group**.
 - 3 Chọn **Yes** để xóa số liên lạc ra khỏi nhóm.
-  **Mẹo!** Để kiểm tra xem một số liên lạc đang thuộc nhóm nào, di chuyển đến số liên lạc này, và chọn **Options** > **Belongs to groups**.

Gọi điện

Cuộc gọi thoại

 **Mẹo!** Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi gọi, bấm  hoặc . Nếu bạn đã cài âm lượng là **Mute**, trước tiên chọn **Unmute**, rồi sau đó bấm  hoặc .

- 1 Khi ở chế độ chờ, nhập số điện thoại, bao gồm cả mã vùng. Để xóa một số, bấm . Để gọi điện quốc tế, bấm * hai lần cho ký tự + (thay cho mã truy cập quốc tế), và nhập mã quốc gia, mã vùng (bỏ số 0 đứng trước nếu cần), và nhập số điện thoại cần gọi vào.
- 2 Bấm  để gọi số điện thoại đó.
- 3 Bấm  để ngừng cuộc gọi (hoặc hủy cuộc gọi).

Bấm  sẽ luôn kết thúc cuộc gọi, cho dù có một ứng dụng khác đang được kích hoạt.

 **Mẹo!** Nếu bạn muốn đóng bàn phím trượt trong khi gọi nhưng không kết thúc cuộc gọi này, bấm  sau đó đóng bàn phím trượt trong khoảng vài giây. Bạn có thể đóng bàn phím trượt mà không kết thúc cuộc gọi trước khi trả lời cuộc gọi đó.

Để thực hiện một cuộc gọi từ **Contacts**, bấm , và chọn **Contacts**. Di chuyển đến tên bạn muốn, hoặc nhập các ký tự đầu tiên của tên đó vào trường tìm. Các số liên lạc tương ứng sẽ được liệt kê. Để gọi, bấm . Chọn kiểu cuộc gọi **Voice call**.

Bạn phải sao chép nội dung từ thẻ SIM vào **Contacts** trước khi bạn có thể thực hiện cuộc gọi theo cách này. Xem phần “Sao chép số liên lạc”, trên trang 58.

Để gọi vào hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ **1** khi ở chế độ chờ. Xem thêm phần “Call divert (Chuyển hướng cuộc gọi)”, trên trang 110.

 **Mẹo!** Để thay đổi số hộp thư thoại, bấm , và chọn **Tools** > **Voic. mail** > **Options** > **Change number**. Nhập số vào (nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp cho bạn số này) và chọn **OK**.

Để gọi tới một số mới gọi gần đây ở chế độ chờ, bấm . Di chuyển đến số này, và bấm .

Gọi điện hội nghị

- 1 Gọi điện cho thành viên thứ nhất.
- 2 Để gọi điện cho một thành viên khác, chọn **Options** > **New call**. Cuộc gọi đầu sẽ tự động ở trạng thái giữ.
- 3 Khi cuộc gọi mới được trả lời, để nối thành viên đầu tiên vào cuộc gọi hội nghị, chọn **Options** > **Conference**.
Để thêm người mới vào cuộc gọi, lặp lại bước 2, và chọn **Options** > **Conference** > **Add to conference**. Điện thoại hỗ trợ các cuộc gọi hội nghị với tối đa sáu thành viên tham gia, kể cả bạn. Để trò chuyện riêng với một trong các thành viên, chọn **Options** > **Conference** > **Private**. Chọn một thành viên và chọn **Private**. Cuộc gọi hội nghị sẽ được chuyển sang trạng thái giữ. Những thành viên khác vẫn có thể tiếp tục cuộc gọi hội nghị. Sau khi kết thúc cuộc trò chuyện riêng, chọn **Options** > **Add to conference** để trở về cuộc gọi hội nghị.
Để loại một thành viên, chọn **Options** > **Conference** > **Drop participant**, di chuyển đến thành viên đó, và chọn **Drop**.
- 4 Để kết thúc cuộc gọi hội nghị, bấm .

Quay nhanh một số điện thoại

Để kích hoạt chức năng quay số nhanh, bấm , và chọn **Tools** > **Settings** > **Call** > **Speed dialling** > **On**.

Để gán một số điện thoại cho một trong các phím quay số nhanh (**2 — 9**), bấm , và chọn **Tools** > **Spd. dial**. Di chuyển đến phím bạn muốn gán số điện thoại, và chọn **Options** > **Assign**.
1 được dành cho hộp thư thoại.

Để gọi điện ở chế độ chờ, bấm phím quay số nhanh và .

Lệnh thoại

Điện thoại của bạn hỗ trợ các lệnh thoại được cải tiến. Lệnh thoại cải tiến không tùy thuộc vào giọng người nói, vì vậy người sử dụng không cần phải ghi âm khẩu lệnh trước. Thay vào đó, điện thoại sẽ tạo một khẩu lệnh dành cho các mục trong danh bạ và so sánh khẩu lệnh được nói với khẩu lệnh này. Bộ phận nhận dạng giọng nói trong điện thoại sẽ phân tích tiếng nói của người dùng chính để nhận dạng lệnh thoại tốt hơn.

Khẩu lệnh cho một số liên lạc là tên hoặc biệt danh được lưu trên thẻ liên lạc. Để nghe khẩu lệnh tổng hợp, mở một thẻ liên lạc, và chọn **Options > Play voice tag**.

Gọi điện bằng khẩu lệnh



Lưu ý: Sử dụng khẩu lệnh có thể gặp khó khăn trong môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

Khi bạn sử dụng chức năng quay số bằng khẩu lệnh, loa sẽ được sử dụng. Giữ điện thoại ở khoảng cách gần khi phát âm khẩu lệnh.

- 1 Để bắt đầu quay số bằng giọng nói, ở chế độ chờ, bấm và giữ phím chọn phải. Nếu bạn đang sử dụng tai nghe tương thích có phím tai nghe, bấm và giữ phím tai nghe để bắt đầu quay số bằng khẩu lệnh.
- 2 Một âm ngắn sẽ phát ra, và thông báo **Speak now** sẽ hiển thị. Đọc rõ tên hoặc biệt hiệu đã được lưu cho thẻ liên lạc.
- 3 Điện thoại sẽ phát khẩu lệnh tổng hợp ứng với số liên lạc được nhận dạng bằng ngôn ngữ được chọn trong điện thoại, đồng thời hiển thị tên và số điện thoại của số liên lạc đó. Sau khoảng 2,5 giây chờ, điện thoại sẽ quay số điện thoại đó.

Nếu số liên lạc được nhận dạng không đúng, chọn **Next** để xem danh sách các số liên lạc tương ứng hoặc **Quit** để hủy chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

Nếu một tên có nhiều số điện thoại, máy sẽ chọn số mặc định nếu số này đã được cài. Nếu không, điện thoại sẽ chọn số điện thoại đầu tiên theo thứ tự sau: **Mobile, Mobile (home), Mobile (business), Telephone, Tel. (home), và Tel. (business)**.

Cuộc gọi video

Khi thực hiện cuộc gọi video (dịch vụ mạng), bạn có thể nhìn thấy hình ảnh hai chiều trong thời gian đàm thoại giữa bạn và người nhận cuộc gọi. Hình ảnh video trực tuyến, hoặc hình ảnh video được quay bằng điện thoại sẽ hiển thị trên điện thoại của người nhận.

Để thực hiện cuộc gọi video, bạn phải có thẻ USIM và trong vùng phủ sóng của mạng UMTS. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ cuộc gọi video, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Cuộc gọi video chỉ có thể được thực hiện được giữa hai thành viên. Cuộc gọi video có thể được áp dụng để gọi đến điện thoại di động tương thích hoặc một

thuê bao ISDN. Cuộc gọi video không thể thực hiện được trong khi đang có cuộc gọi thoại, cuộc gọi video hoặc quá trình trao đổi dữ liệu đang diễn ra.

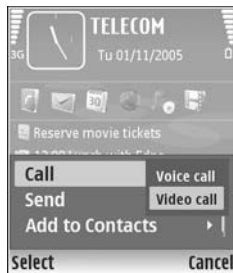
Biểu tượng:

 Bạn không nhận được video (người nhận không gửi hoặc mạng không chuyển video).

 Bạn đã từ chối gửi tín hiệu hình ảnh từ điện thoại của bạn. Để gửi hình tĩnh thay vào đó, xem phần “[Call settings \(Cài đặt cuộc gọi\)](#)” trên trang 102.

Ngay cả khi bạn từ chối gửi tín hiệu video khi sử dụng chức năng cuộc gọi video, cuộc gọi này vẫn bị tính cước như là cuộc gọi video. Kiểm tra cách tính phí với nhà cung cấp dịch vụ.

- Để khởi động cuộc gọi video, nhập số điện thoại khi ở chế độ chờ, hoặc chọn **Contacts** và chọn một số liên lạc.
- Chọn **Options > Call > Video call**.



Thời gian để khởi động một cuộc gọi video có thể kéo dài Thông báo **Waiting for video image** sẽ hiển thị. Nếu cuộc gọi không thực hiện được (ví dụ như mạng không hỗ trợ cuộc gọi video, hoặc thiết bị nhận không tương thích), điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn thực hiện cuộc gọi thông thường hoặc gọi tin nhắn văn bản thay vì dùng cuộc gọi video.

Cuộc gọi video hoạt động khi bạn nhìn thấy hai hình ảnh video và nghe âm thanh qua loa. Người nhận cuộc gọi có thể từ chối gửi hình ảnh () , và trong trường hợp này, bạn sẽ chỉ nghe thấy âm báo và nhìn thấy một hình tĩnh hoặc một hình nền màu xám.

Để thay đổi giữa chế độ hiển thị video hoặc chỉ nghe âm thanh, chọn **Enable/Disable > Sending video, Sending audio** hoặc **Sending audio & video**.

Để phóng to/thu nhỏ hình ảnh của bạn, chọn **Zoom in** hoặc **Zoom out**. Chỉ báo phóng to/thu nhỏ sẽ được hiển thị ở phía trên màn hình.

Để chuyển đổi vị trí của các hình ảnh video đã gửi trên màn hình, chọn **Change image order**.

Để kết thúc cuộc gọi video, bấm  .

Chia sẻ video

Sử dụng chức năng **Video sharing** (dịch vụ mạng) để gửi video trực tuyến hoặc một video clip từ điện thoại di động của bạn đến một thiết bị di động tương thích trong cuộc gọi thoại. Đơn giản, bạn chỉ cần mời người nhận cuộc gọi xem phim thực hoặc một video clip mà bạn muốn chia sẻ. Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời.

Loa sẽ được kích hoạt khi bạn khởi động **Video sharing**. Bạn cũng có thể sử dụng tai nghe tương thích để tiếp tục cuộc gọi thoại trong khi truyền video. Khi cuộc gọi thoại được kích hoạt, chọn **Options > Share video > Live** hoặc **Clip**.

Để ngưng chia sẻ video, chọn **Stop**. Chức năng chia sẻ video cũng sẽ kết thúc khi bạn kết thúc cuộc gọi thoại.

Yêu cầu chia sẻ hình ảnh

Vì **Video sharing** yêu cầu kết nối UMTS, khả năng sử dụng **Video sharing** tùy thuộc vào tính khả dụng của mạng UMTS. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để có thêm thông tin về tính khả dụng của dịch vụ và mạng, và cước phí sử dụng dịch vụ này.

Để sử dụng **Video sharing** bạn phải:

- Bảo đảm điện thoại đã được thiết lập các kết nối một chiều. Xem phần "**Cài đặt**", trên trang 66.
- Bảo đảm bạn có một kết nối UMTS đang hoạt động và đang trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS. Xem phần "**Cài đặt**", trên trang 66.
Nếu bạn khởi động phiên dịch vụ chia sẻ trong khi đang ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS và đang trong quá trình kết nối mạng GSM, phiên dịch vụ chia sẻ sẽ bị ngừng lại, cuộc gọi thoại của bạn vẫn tiếp tục. Bạn sẽ không thể khởi động chức năng **Video sharing** khi không ở trong vùng phủ sóng của mạng UMTS (ví dụ trong mạng GSM).
- Bảo đảm cả người gửi và người nhận đã đăng ký mạng UMTS. Nếu bạn mời một người tham gia phiên dịch vụ chia sẻ nhưng người này tắt điện thoại, không nằm trong vùng phủ sóng của mạng UMTS, hoặc chưa cài đặt chức năng **Video sharing** hoặc chưa thiết lập kết nối một chiều, người đó sẽ không biết bạn gửi lời mời đến họ. Tuy nhiên, bạn sẽ nhận được một thông báo lỗi cho biết người nhận không thể nhận lời mời.

Cài đặt

Cài đặt kết nối một chiều

Kết nối một chiều còn được gọi là kết nối Session Initiation Protocol (SIP). Thông số cài đặt cấu hình SIP phải được cấu hình trong điện thoại trước khi bạn có thể sử dụng chức năng **Video sharing**. Việc thiết lập cấu hình SIP cho phép bạn thiết lập kết nối một chiều đến một điện thoại tương thích khác. Cấu hình SIP cũng phải được thiết lập để nhận phiên chia sẻ dữ liệu.

Liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ để có được thông số cài đặt cấu hình SIP và lưu các thông số này vào điện thoại của bạn. Nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể gửi các thông số cài đặt qua mạng hoặc gửi cho bạn một danh sách các thông số cần thiết.

Nếu bạn biết địa chỉ SIP của người nhận, bạn có thể nhập địa chỉ này vào thẻ liên lạc của người đó. Mở **Contacts** từ menu chính của điện thoại, và mở thẻ liên lạc (hoặc tạo một thẻ liên lạc mới cho người đó). Chọn **Options** > **Add detail** > **SIP** hoặc **Share view** (tùy chọn đúng tùy thuộc vào nhà điều hành mạng). Nhập địa chỉ SIP theo định dạng username@domainname (bạn có thể sử dụng địa chỉ IP thay cho tên miền).

Nếu bạn không biết địa chỉ SIP của số liên lạc, bạn cũng có thể sử dụng số điện thoại đã lưu của người nhận, bao gồm cả mã nước, ví dụ +358, để chia sẻ video. Nếu số điện thoại được lưu trong **Contacts** không bao gồm mã nước, bạn có thể nhập số điện thoại bao gồm cả mã nước khi gửi lời mời.

Cài đặt kết nối UMTS

Để thiết lập kết nối UMTS, theo các bước sau:

- Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để thỏa thuận sử dụng dịch vụ mạng UMTS.
- Bảo đảm thông số cài đặt kết nối điểm truy cập UMTS được cấu hình đúng. Để được trợ giúp, xem phần **"Connection (Kết nối)"**, trên trang 103.

Chia sẻ video trực tuyến và video clip

Để nhận một phiên chia sẻ, người nhận phải cài đặt chức năng **Video sharing** và cấu hình các thông số cài đặt theo yêu cầu trên điện thoại di động tương thích của họ. Cả bạn và người nhận phải đăng ký dịch vụ trước khi có thể chia sẻ.

- 1 Trong khi có cuộc gọi thoại, chọn **Options** > **Share video** > **Live** hoặc **Clip**.

Nếu bạn chọn **Clip**, danh sách các video clip sẽ mở ra. Chọn một video clip mà bạn muốn chia sẻ và chọn **Options** > **Send invitation**.

- 2 Nếu người nhận có nhiều địa chỉ SIP trong thẻ liên lạc, chọn địa chỉ SIP mà bạn muốn gửi lời mời.
Nếu không có địa chỉ SIP của người nhận, hãy nhập địa chỉ SIP vào.
Nếu bạn không biết địa chỉ SIP của số liên lạc, nhập số điện thoại của người nhận, bao gồm cả mã nước, nếu số này chưa được lưu trong **Contacts**.
- 3 Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời.
- 4 Chọn **Pause** để tạm ngưng phiên chia sẻ. Chọn **Continue** để tiếp tục việc chia sẻ. Nếu bạn chia sẻ một video clip, để tua lại và tua đi video clip này, di chuyển sang trái hoặc phải.
- 5 Để ngưng chia sẻ video, chọn **Stop**. Chức năng chia sẻ video cũng sẽ kết thúc khi bạn kết thúc cuộc gọi thoại.

Nhận một lời mời

Khi có một người gửi cho bạn lời mời chia sẻ dữ liệu, một thông báo mời sẽ hiển thị cho biết tên hoặc địa chỉ SIP của người gửi. Nếu điện thoại không được cài **Silent**, điện thoại sẽ đổ chuông khi bạn nhận được lời mời.

Nếu một người nào đó gửi cho bạn lời mời chia sẻ và điện thoại của bạn tắt hoặc bạn không ở trong vùng phủ sóng của mạng UMTS, bạn sẽ không biết mình nhận được lời mời.

Khi nhận được lời mời, chọn một trong các tùy chọn sau:

Accept—Để kích hoạt phiên chia sẻ.

Reject—Để từ chối lời mời. Người nhận sẽ nhận được thông báo cho biết bạn từ chối lời mời. Bạn cũng có thể bấm phím kết thúc để từ chối phiên chia sẻ và ngắt kết nối với cuộc gọi thoại.

Để ngưng chia sẻ video, chọn **Stop**. Chức năng chia sẻ video cũng sẽ kết thúc khi bạn kết thúc cuộc gọi thoại.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi

Để trả lời một cuộc gọi, bấm  hoặc mở bàn phím trượt

Để tắt âm báo khi có cuộc gọi đến, chọn **Silence**.

Nếu bạn muốn trả lời cuộc gọi, bấm . Nếu bạn đã kích hoạt chức năng **Call divert > If busy** để chuyển hướng cuộc gọi, việc từ chối cuộc gọi đến cũng sẽ chuyển hướng cuộc gọi. Xem phần "**Call divert (Chuyển hướng cuộc gọi)**", trên trang 110.

Khi từ chối một cuộc gọi đến, bạn có thể gửi tin nhắn văn bản cho người gọi để báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Chọn **Options > Send text message**. Bạn có thể chỉnh sửa văn bản trước khi gửi. Để cài đặt tùy chọn này và viết một tin nhắn văn bản chuẩn, xem phần “**Call settings (Cài đặt cuộc gọi)**”, trên trang 102.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi video

Khi có cuộc gọi video, biểu tượng  sẽ hiển thị.

 **Mẹo!** Bạn có thể gán kiểu chuông cho cuộc gọi video. Bấm  và chọn **Profiles**.

Bấm  để trả lời cuộc gọi video. Thông báo **Allow video image to be sent to caller?** sẽ xuất hiện trên màn hình. Để bắt đầu gửi hình ảnh video trực tiếp, chọn **Yes**.

Nếu bạn không kích hoạt cuộc gọi video, gửi video sẽ không được kích hoạt, và bạn sẽ chỉ nghe thấy tiếng của người gọi. Một màn hình màu xám sẽ hiển thị thay thế cho hình ảnh video. Để thay màn hình xám bằng một hình tĩnh, xem phần “**Call settings (Cài đặt cuộc gọi)**”, **Image in video call**, trên trang 102.

Để kết thúc cuộc gọi video, bấm .

Call waiting (dịch vụ mạng)

Bạn có thể trả lời một cuộc gọi trong khi có một cuộc gọi khác đang diễn ra nếu bạn đã kích hoạt **Call waiting** trong **Tools > Settings > Call > Call waiting**.

 **Mẹo!** Để thay đổi nhạc chuông của điện thoại sử dụng trong các môi trường và sự kiện khác nhau, ví dụ, khi bạn muốn tắt tiếng của điện thoại, xem phần “**Profiles (Cấu hình)—cài âm báo**”, trên trang 97.

Để trả lời cuộc gọi chờ, bấm . Cuộc gọi đầu sẽ ở trạng thái giữ.

Để chuyển giữa hai cuộc gọi, chọn **Swap**. Để kết nối cuộc gọi đến hoặc cuộc gọi đang chờ vào cuộc gọi hiện tại và thoát ra khỏi các cuộc gọi này, chọn **Options > Transfer**. Để kết thúc cuộc gọi hiện thời, bấm  hoặc đóng bàn phím trượt; cuộc gọi đầu vẫn được bật. Để kết thúc cả hai cuộc gọi, chọn **Options > End all calls**.

Các tùy chọn trong khi gọi

Nhiều tùy chọn mà bạn có thể sử dụng trong khi gọi là các dịch vụ mạng. Chọn **Options** trong khi gọi cho một số tùy chọn sau đây: **Mute** hoặc **Unmute**, **Answer**, **Reject**, **Swap**, **Hold** hoặc **Unhold**,

Activate handset, Activate loudsp., hoặc **Activate handsfree** (nếu có gắn một bộ tai nghe Bluetooth tương thích), **End active call** hoặc **End all calls**, **New call**, **Conference**, **Transfer**, và **Open active standby**. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Replace—Để kết thúc cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đang chờ.

Send MMS (chỉ trong mạng UMTS)—Để gửi một hình ảnh hoặc video trong tin nhắn đa phương tiện cho người đang tham gia cuộc gọi. Bạn có thể chỉnh sửa tin nhắn và thay đổi người nhận trước khi gửi. Bấm  để gửi tập tin đến một thiết bị tương thích (dịch vụ mạng).

Send DTMF—Để gửi các chuỗi âm DTMF, ví dụ, mật mã. Nhập chuỗi DTMF hoặc tìm trong **Contacts**. Để nhập ký tự chờ (**w**) hoặc ký tự tạm ngưng (**p**), bấm ***** liên tục. Chọn **OK** để gửi âm.

 **Meo!** Bạn có thể thêm âm DTMF vào các trường **Phone number** hoặc **DTMF** trong thẻ liên lạc.

Các tùy chọn trong khi gọi video

Chọn **Options** khi đang gọi video cho một số tùy chọn sau đây: **Enable** hoặc **Disable** (video, âm thanh, hoặc cả hai), **Activate handset** (nếu có gắn

tai nghe tương thích có kết nối Bluetooth) hoặc **Activate handsfree** (khi có gắn một tai nghe tương thích có kết nối Bluetooth), **Activate loudsp.**, **End active call**, **Open active standby**, **Use main camera/Use secondary camera**, **Change image order**, **Zoom in/Zoom out**, và **Help**.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.



Log (Nhật ký)

Để kiểm soát số điện thoại của các cuộc gọi bị nhỡ, cuộc gọi đã nhận và đã gọi, bấm , và chọn **My own > Log > Recent calls**. Điện thoại chỉ ghi lại các cuộc gọi bị nhỡ và các cuộc gọi vừa nhận khi mạng hỗ trợ các chức năng này, khi điện thoại được bật và đang trong vùng phủ sóng.

Để xóa tất cả các danh sách cuộc gọi gần đây, chọn **Options > Clear recent calls** trong giao diện chính của các cuộc gọi gần đây. Để xóa một trong các nhật ký cuộc gọi, mở nhật ký bạn muốn xóa, và chọn **Options > Clear list**. Để xóa một sự kiện, mở một nhật ký, di chuyển đến sự kiện đó và bấm .

Call duration (Thời lượng cuộc gọi)

Để kiểm soát thời lượng tương đối của các cuộc gọi đến hoặc các cuộc gọi đi, bấm , và chọn **My own > Log > Call duration**.

Để cài hiển thị các bộ tính giờ trong khi gọi, chọn **My own > Log > Options > Settings > Show call duration > Yes** hoặc **No**.

 **Lưu ý:** Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để xóa bộ đếm thời lượng cuộc gọi, chọn **Options > Clear timers**. Để thực hiện được, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần “**Phone and SIM (Điện thoại và thẻ SIM)**”, trên trang 107.

Packet data (Dữ liệu gói)

Để kiểm tra lượng dữ liệu đã gửi và nhận trong các phiên kết nối dữ liệu gói, bấm , và chọn **My own > Log > Packet data**. Ví dụ, bạn có thể phải trả phí cho những kết nối dữ liệu gói trên cơ sở lượng dữ liệu đã gửi và nhận.

Kiểm soát tất cả các sự kiện liên lạc

Các biểu tượng trong **Log**:

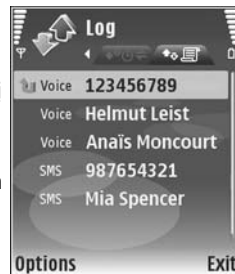
-  Sự kiện đến
-  Sự kiện đi
-  Các sự kiện liên lạc bị nhỡ

Để kiểm soát tất cả các cuộc gọi thoại, tin nhắn văn bản, hoặc các kết nối dữ liệu và mạng LAN không dây được điện thoại ghi lại, bấm , chọn **My own >**

Log, và di chuyển sang phải để mở nhật ký chung. Đối với từng sự kiện liên lạc, bạn có thể xem tên của người gửi hoặc nhận, số điện thoại, tên nhà cung cấp dịch vụ, hoặc điểm truy cập. Bạn có thể lọc nhật ký chung để chỉ xem một loại sự kiện, và tạo các thẻ liên lạc mới dựa trên thông tin được lưu lại.

 **Mẹo!** Để xem danh sách các tin nhắn đã gửi, bấm , và chọn **Messaging > Sent**.

Các sự kiện phụ, ví dụ như tin nhắn văn bản đã được gửi thành nhiều phần và nhiều phiên kết nối dữ liệu, sẽ được ghi lại dưới dạng sự kiện liên lạc. Các kết nối vào hộp thư thoại, trung tâm nhắn tin đa phương tiện



hoặc trang Web sẽ được hiển thị dưới dạng các phiên kết nối dữ liệu gói.

Để lưu một số điện thoại chưa biết trong **Log** vào danh bạ, chọn **Options > Add to Contacts**.

Để lọc nhật ký, chọn **Options > Filter** và chọn một bộ lọc.

Để xóa nội dung nhật ký, nhật ký các cuộc gọi gần đây, và các báo cáo gửi tin nhắn, chọn **Options > Clear log**. Chọn **Yes** để xác nhận. Để xóa một sự kiện đơn lẻ khỏi nhật ký, bấm .

Để cài **Log duration**, chọn **Options > Settings > Log duration**. Các sự kiện sẽ được lưu giữ trong bộ nhớ điện thoại trong một số ngày nhất định, sau đó chúng sẽ tự động xóa để làm trống bộ nhớ. Nếu bạn chọn **No log**, tất cả nội dung, nhật ký cuộc gọi gần đây và báo cáo gửi tin nhắn sẽ bị xóa vĩnh viễn.

Để xem các chi tiết của một sự kiện liên lạc, trong giao diện nhật ký chung, di chuyển đến một sự kiện, và bấm .



Mẹo! Trong giao diện chi tiết bạn có thể sao chép một số điện thoại vào clipboard, và dán vào tin nhắn văn bản chẳng hạn. Chọn **Options > Copy number**.

Bộ đếm dữ liệu gói và thời gian kết nối: Để xem dung lượng dữ liệu, được tính bằng kilobytes, đã được truyền và thời lượng của phiên kết nối dữ liệu gói, di chuyển đến một sự kiện đến hoặc đi được chỉ báo bằng **Pack.**, và chọn **Options > View details**.



Services

Bấm , và chọn **Services** (dịch vụ mạng).

Nhiều nhà cung cấp thường có các trang web được thiết kế riêng cho các thiết bị di động mà bạn có thể xem bằng trình duyệt **Services**. Những trang Web này sử dụng ngôn ngữ đánh dấu không dây (WML), ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng (XHTML), hoặc ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML).

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả, và các loại phí của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

 **Phím tắt:** Để bắt đầu kết nối, bấm và giữ  khi ở chế độ chờ.

Điểm truy cập

Để truy cập các trang, bạn cần có đặt dịch vụ cho trang bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn dạng văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp trang này. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang 48. Để biết

thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.



Mẹo! Các cài đặt có thể được đăng tải sẵn trên trang Web của nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhập cài đặt theo cách thủ công

- 1 Bấm , chọn **Tools > Settings > Connection > Access points**, và xác định cài đặt cho điểm truy cập. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Xem phần “[Connection \(Kết nối\)](#)”, trên trang 103.
- 2 Bấm , và chọn **Services > Options > Bookmark manager > Add bookmark**. Đặt một tên cho chỉ mục và địa chỉ của trang trình duyệt xác định điểm truy cập hiện tại.
- 3 Để cài điểm truy cập đã tạo làm điểm truy cập mặc định, chọn **Options > Settings > Access point**.

Giao diện chỉ mục

Màn hình chỉ mục mở khi bạn mở **Services**.

Điện thoại của bạn có một sổ chỉ mục dẫn đến một sổ trang không liên kết với Nokia. Nokia sẽ không chứng nhận hoặc chấp thuận các trang này. Nếu muốn truy cập các trang này, bạn nên đề phòng về sự an toàn hoặc nội dung của chúng như ở bất kỳ trang Internet nào.

Biểu tượng  cho biết trang bắt đầu được xác định cho điểm truy cập mặc định.

Kết nối an toàn

Nếu chỉ báo bảo vệ  hiển thị trong quá trình kết nối, việc truyền dữ liệu giữa thiết bị và cổng Internet hoặc máy chủ được mã hóa.

Biểu tượng an toàn không chỉ báo việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn (hoặc nơi lưu nội dung nguồn yêu cầu) được bảo vệ. Nhà cung cấp dịch vụ bảo vệ việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn.

Chọn **Options > Details > Security** để xem các thông tin chi tiết về tình trạng kết nối, trạng thái mã hóa, thông tin về máy chủ và việc xác nhận dành cho người sử dụng.

Các chứng chỉ bảo mật có thể được yêu cầu cho một số dịch vụ, ví dụ như các dịch vụ ngân hàng. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn. Xem thêm phần "**Certif. management (Quản lý chứng chỉ)**", trên trang 108.

Trình duyệt

 **Chú ý:** Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng an toàn và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Để tải xuống một trang, chọn một chỉ mục hoặc điền địa chỉ vào trường ().

Trên một trang trình duyệt, các liên kết mới sẽ xuất hiện với đường gạch chân màu xanh và các trang đã liên kết có màu tím. Những hình chứa trang liên kết có đường viền màu xanh xung quanh.

Để mở các liên kết và đánh dấu các hộp chọn, bấm .

 **Phím tắt:** Sử dụng **#** để chuyển nhanh xuống cuối trang và ***** để chuyển nhanh về đầu trang.

Để trở về trang trước trong khi trình duyệt, chọn **Back**. Nếu tùy chọn **Back** không có, chọn **Options > Navigation options > History** để xem danh sách các trang mà bạn đã vào trong phiên trình duyệt theo thứ tự thời gian.

Để tải về nội dung mới nhất từ server, chọn **Options > Navigation options > Reload**.

Để lưu một chỉ mục, chọn **Options > Save as bookmark**.

 **Mẹo!** Để truy cập vào giao diện chỉ mục trong khi đang trình duyệt, bấm và giữ . Để trở về cửa sổ trình duyệt, chọn **Options > Back to page**.

Để lưu lại một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options > Advanced options > Save page**. Bạn có thể lưu các trang vào bộ nhớ của máy hoặc thẻ nhớ (nếu có), và duyệt lại chúng khi không kết nối mạng. Để truy cập các trang này sau, bấm  trong giao diện chỉ mục để mở giao diện **Saved pages**.

Để nhập vào một địa chỉ URL mới, chọn **Options > Navigation options > Go to web address**.

Để mở danh sách phụ chứa các lệnh hoặc tác vụ trên trang trình duyệt đang mở, chọn **Options > Service options**.

Bạn có thể tải về các tập tin không được hiển thị trên trang trình duyệt, ví dụ như kiểu chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề và đoạn phim. Để tải về mục nào đó, di chuyển đến đường dẫn đó, và bấm .

Khi bạn bắt đầu tải xuống, danh sách các chương trình tải xuống từ mạng đang tiếp tục, tạm dừng, và đã hoàn tất từ phiên trình duyệt hiện thời sẽ được hiển thị. Bạn cũng có thể xem danh sách này bằng cách chọn **Options > Downloads**. Trong danh sách, di chuyển tới một mục, và chọn **Options** để tạm dừng, tiếp tục lại, hoặc hủy các chương trình tải xuống từ mạng đang thực hiện, hoặc mở, lưu, hoặc xóa những chương trình tải xuống đã hoàn tất.

Các chương trình tải xuống từ mạng và mua các mục

Bạn có thể tải xuống các mục như nhạc chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề, và các đoạn phim. Các mục này có thể được cung cấp miễn phí hoặc bạn có thể mua chúng. Các mục tải về sẽ được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng trong điện thoại của bạn, ví dụ hình ảnh tải về sẽ được lưu vào **Gallery**.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

- 1 Để tải xuống, di chuyển đến đường dẫn tương ứng và bấm .
- 2 Chọn tùy chọn thích hợp để mua mục đó, ví dụ "Mua".
- 3 Đọc cẩn thận tất cả thông tin được cung cấp. Để tiếp tục việc tải xuống, chọn **Accept**. Để hủy việc tải xuống, chọn **Cancel**.

Ngưng kết nối

Để ngắt kết nối và xem trang trình duyệt không trực tuyến, chọn **Options** > **Advanced options** > **Disconnect**, hoặc ngắt kết nối và đóng trình duyệt lại, chọn **Options** > **Exit**.

Dọn cache

Thông tin hoặc dịch vụ bạn vừa truy cập được lưu trong bộ nhớ cache của điện thoại.

Cache là một vị trí bộ nhớ được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu bạn thử truy cập hoặc đã truy cập các thông tin báo mật cần đến mật mã, hãy làm trống bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng. Thông tin hoặc dịch vụ mà bạn đã truy cập sẽ được lưu trong bộ nhớ cache. Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Options** > **Advanced options** > **Clear cache**.

Cài đặt

Chọn **Options** > **Settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Access point—Thay đổi điểm truy cập mặc định. Xem phần "**Connection (Kết nối)**", trên trang 103. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và có thể bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

Homepage—Để xác định trang chủ.

Load imgs. & sounds—Chọn hoặc không chọn tải hình trong khi trình duyệt. Nếu bạn chọn **No**, để truy nhập vào các hình ảnh đó sau, chọn **Options** > **Show images**.

Font size—Để chọn cỡ chữ.

Default encoding – Nếu các ký tự văn bản không hiển thị đúng, bạn có thể chọn cách mã hóa khác tùy theo ngôn ngữ.

Auto. bookmarks—Bật hoặc tắt tính năng thu thập chỉ mục tự động. Nếu bạn muốn tiếp tục thu thập các chỉ mục tự động nhưng ẩn giấu thư mục khỏi giao diện chỉ mục, chọn **Hide folder**.

Screen size—Để chọn nội dung hiển thị khi bạn đang trình duyệt. **Select. keys only** hoặc **Full screen**.

Search page—Để xác nhận một trang Web sẽ được tải về khi bạn chọn **Navigation options > Open search page** trong giao diện chỉ mục hoặc khi đang trình duyệt.

Volume—Nếu bạn muốn trình duyệt để phát các âm thanh được nhúng trong các trang web, hãy chọn một mức âm lượng.

Rendering—Nếu bạn muốn hiển thị trang thật chính xác khi ở chế độ **Small screen**, chọn **By quality**. Nếu bạn không muốn tải về các bảng chứa thuộc tính trình bày xếp tầng mở rộng, chọn **By speed**.

Cookies—Để cho phép hoặc không cho phép nhận và gửi các cookie.

Java/ECMA script—Cho phép hoặc không cho phép sử dụng các đoạn mã script.

Security warnings—Để ẩn hoặc hiện các chỉ báo bảo mật.

Conf. DTMF sending—Chọn xem bạn có muốn xác nhận trước khi điện thoại gửi âm DTMF trong khi cuộc gọi thoại đang diễn ra hay không. Xem thêm phần “**Các tùy chọn trong khi gọi**”, trên trang 68.



Lịch

Sử dụng **Calendar** để nhắc bạn về những cuộc họp và ngày kỷ niệm, và theo dõi công việc và các ghi chú khác.

Tạo các mục nhập lịch

- Phím tắt:** Trong giao diện ngày, tuần, hoặc tháng, bấm phím bất kỳ (**1** — **0**). Mục cuộc hẹn sẽ được mở và các ký tự mà bạn đã nhập vào sẽ được thêm vào trường **Subject**.

Trong giao diện công việc, một mục nhập ghi chú công việc sẽ mở.

- Bấm , và chọn **Calendar > Options > New entry** và một trong các tùy chọn sau:
 - Meeting**—Để nhắc bạn ngày và giờ cụ thể của cuộc hẹn.
 - Memo**—Để viết một mục chung trong ngày.



Anniversary—Để nhắc bạn về ngày sinh nhật và các ngày đặc biệt (các mục nhập được lặp lại hàng năm).

To-do—Để nhắc bạn về một công việc cần làm trước một ngày cụ thể.

- Điền thông tin vào các trường cho sẵn. Để cài giờ báo thức, chọn **Alarm > On**, và nhập **Alarm time** và **Alarm date**.
Để thêm mô tả cho một cuộc hẹn, chọn **Options > Add description**.
- Để lưu các mục lịch, chọn **Done**.

Khi lịch phát âm báo cho một ghi chú, chọn **Silence** để tắt âm báo lịch. Văn bản nhắc nhở vẫn còn ở trên màn hình. Để tắt âm báo lịch, chọn **Stop**. Để cài phát lại âm báo, chọn **Snooze**.

- Mẹo!** Bạn có thể đồng bộ hóa lịch với một máy PC tương thích sử dụng bộ Nokia PC Suite. Khi tạo một mục nhập lịch, cài tùy chọn **Synchronisation** bạn muốn.

Xem lịch

 **Mẹo!** Chọn **Options** > **Settings** để thay đổi ngày đầu tuần hoặc giao diện để hiển thị khi bạn mở lịch.

Trong chế độ xem tháng, những ngày có ghi chú lịch sẽ được đánh dấu bằng một hình tam giác nhỏ ở góc phải bên dưới. Trong giao diện tuần, các ghi nhớ, và ngày kỷ niệm được đặt trước 8 giờ sáng. Để chuyển giữa giao diện tháng, giao diện tuần, giao diện ngày, và giao diện công việc, bấm * .

Để đến một ngày cụ thể, chọn **Options** > **Go to date**. Để trở về ngày hôm nay, bấm # .

Để gửi ghi chú lịch tới một thiết bị tương thích, chọn **Options** > **Send**.

Để in các mục nhập lịch trên một máy in được trang bị Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options** > **Print**.

Quản lý các mục nhập lịch của bạn

Việc xóa các mục cũ trong **Calendar** sẽ tiết kiệm bộ nhớ của điện thoại.

Để xóa nhiều sự kiện cùng lúc, vào giao diện tháng, và chọn **Options** > **Delete entry** > **Before date** hoặc **All entries**.

Để đánh dấu một công việc đã hoàn tất, di chuyển đến công việc đó trong giao diện công việc, và chọn **Options** > **Mark as done**.

Cài đặt lịch

Để chỉnh sửa **Calendar alarm tone**, **Default view**, **Week starts on** và **Week view title**, chọn **Options** > **Settings**.

My own



Visual Radio

Bấm , và chọn **My own > Radio**. Bạn có thể sử dụng ứng dụng như một đài FM bình thường với chức năng chỉnh đài tự động và các kênh đã lưu, hoặc với thông tin trực quan song hành liên quan đến chương trình radio trên màn hình, nếu bạn chỉnh đến các đài cung cấp dịch vụ Visual Radio. Các dịch vụ Visual Radio sử dụng dữ liệu gói (dịch vụ mạng). Bạn có thể nghe đài FM trong khi sử dụng các ứng dụng khác trên điện thoại.

Nếu bạn không thể truy cập được vào dịch vụ Visual Radio, các nhà điều hành và trạm phát radio tại khu vực của bạn có thể không hỗ trợ dịch vụ này. Dịch vụ Visual Radio có thể không có tại tất cả các khu vực và quốc gia.

Bạn có thể gọi hoặc trả lời cuộc gọi đến bình thường khi đang nghe radio. Radio sẽ tắt tiếng khi có cuộc gọi.

Radio chọn băng tần dựa trên thông tin nhận được từ mạng. Nếu thông tin này không có, bạn sẽ được yêu cầu chọn vùng mà bạn đang ở hoặc bạn có thể chọn vùng trong cài đặt Visual Radio. Xem phần “**Cài đặt**”, trên trang 80.

Nghe radio

Lưu ý chất lượng phát sóng radio phụ thuộc mức độ phủ sóng của đài phát thanh ở từng khu vực cụ thể.

Chất lượng nghe Radio FM không phụ thuộc vào ăng-ten vô tuyến của điện thoại mà tùy thuộc vào ăng-ten radio. Bạn phải gần tai nghe hoặc phụ kiện tương thích với điện thoại để đài FM hoạt động đúng.

Bấm , và chọn **My own > Radio**. Để dò tìm kênh, chọn  hoặc . Để thay đổi tần số theo cách thủ công, chọn **Options > Manual tuning**.

Nếu bạn đã lưu kênh radio trước đó, chọn  hoặc  để chuyển sang kênh radio kế tiếp hoặc trước đó, hoặc bấm phím số tương ứng để chọn vị trí kênh.

Để điều chỉnh âm lượng, bấm  hoặc . Để nghe radio qua loa, chọn **Options > Activate loudspeaker**.



Cảnh báo: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn. Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Để xem các kênh hiện có dựa trên vị trí, chọn **Options > Station directory** (dịch vụ mạng).

Để lưu kênh đã dò vào danh sách, chọn **Options > Save station**. Để mở danh sách các kênh đã lưu, chọn **Options > Stations**.

Để trở về chế độ chờ và để chức năng đài FM vẫn hoạt động ẩn, chọn **Options > Play in background**.

Xem nội dung trực quan

Để kiểm tra tính khả dụng và mức cước phí cũng như cách thức đăng ký thuê bao dịch vụ, xin liên hệ nhà điều hành mạng và nhà cung cấp dịch vụ.

Để xem nội dung trực quan hiện có của kênh đã dò, chọn  hoặc **Options > Start visual service**. Nếu ID dịch vụ trực quan đã được lưu, nhập số này vào hoặc chọn **Retrieve** để tìm trong danh mục kênh (dịch vụ mạng).

Khi kết nối với dịch vụ trực quan được thiết lập, màn hình sẽ hiển thị nội dung trực quan.

Để hiệu chỉnh cài đặt hiển thị cho giao diện nội dung trực quan, chọn **Options > Display settings**.

Các kênh đã lưu

Bạn có thể lưu tối đa 20 kênh radio. Để mở danh sách kênh, chọn **Options > Stations**.

Để nghe kênh đã lưu, chọn **Options > Station > Listen**. Để xem nội dung trực quan hiện có của kênh với dịch vụ Visual Radio, chọn **Options > Station > Start visual service**.

Để thay đổi chi tiết kênh, chọn **Options > Station > Edit**.

Cài đặt

Chọn **Options > Settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Start-up tone—Chọn phát hoặc không phát âm báo khi khởi động ứng dụng.

Auto-start service—Chọn **Yes** để dịch vụ Visual Radio tự khởi động khi bạn chọn kênh đã lưu có cung cấp dịch vụ Visual Radio.

Access point—Chọn điểm truy cập dùng để kết nối dữ liệu. Bạn không cần phải có điểm truy cập để sử dụng ứng dụng như một đài FM thông thường.

Current region—Chọn vùng mà bạn đang ở. Cài đặt này chỉ hiển thị khi khởi động ứng dụng, điện thoại không nằm trong phạm vi phủ sóng.



Go to—gán phím tắt

Bấm , và chọn **My own** > **Go to**.

Các phím tắt mặc định bao gồm:  mở **Calendar**,  mở **Inbox**, và  mở **Notes**.



IM—nhắn tin trò chuyện

Bấm , và chọn **My own** > **IM**.

Chức năng Tin nhắn trò chuyện (dịch vụ mạng) cho phép bạn trò chuyện với người sử dụng tin nhắn trò chuyện và tham gia và diễn đàn (các nhóm IM) với các chủ đề khác nhau. Các nhà cung cấp dịch vụ khác nhau vận hành các máy chủ IM mà bạn có thể đăng nhập vào sau khi đăng ký dịch vụ IM. Các chức năng được hỗ trợ bởi mỗi nhà cung cấp dịch vụ có thể khác nhau.

Chọn **Conversations** để khởi động hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện với người sử dụng IM; **IM contacts**

để tạo mới, chỉnh sửa hoặc xem trạng thái không trực tuyến của các số liên lạc IM; **IM groups** để khởi động hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện nhóm với những người sử dụng IM; hoặc **Record chats** để xem phiên trò chuyện bạn đã lưu lại trước đó.

Nhận thông số cài đặt IM

Bạn phải lưu các thông số cài đặt để truy cập dịch vụ mà bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ IM. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang 48. Bạn cũng có thể nhập các thông số cài đặt theo cách thủ công. Xem phần “[Cài đặt server nhắn tin trò chuyện](#)”, trên trang 84.

Kết nối với server IM

- Để kết nối với server IM hiện đang sử dụng, mở menu **IM**, và chọn **Options** > **Login**. Để thay đổi server IM đang sử dụng và lưu server IM mới, xem phần “[Cài đặt server nhắn tin trò chuyện](#)”, trên trang 84.
- Nhập tên thuê bao và mật mã của bạn và bấm  để đăng nhập. Tên thuê bao và mật mã truy cập máy chủ IM của bạn do nhà cung cấp dịch vụ cấp.
- Để thoát ra ngoài, chọn **Options** > **Logout**.

Chỉnh sửa cài đặt IM

Chọn **Options > Settings > IM settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Use screen name (chỉ hiển thị nếu server hỗ trợ các nhóm IM)—Để nhập một biệt hiệu, chọn **Yes**.

Show my availability—Để cho phép những người khác thấy bạn khi đang trực tuyến, chọn **To everyone**.

Allow messages from—Để cho phép các tin nhắn từ tất cả, chọn **All**.

Allow invitations from—Để chỉ cho phép nhận lời mời từ các số liên lạc trong danh bạ IM, chọn **IM contacts only**. Các lời mời IM sẽ được gửi bởi các số liên lạc IM, những người muốn bạn tham gia vào các nhóm của họ, đến bạn.

Msg. scrolling speed—Chọn tốc độ hiển thị các tin nhắn mới.

Sort IM contacts—Chọn cách sắp xếp các số liên lạc IM: **Alphabetically** hoặc **By online status**.

Availabil. reloading—Để chọn cách cập nhật thông tin về các số liên lạc IM của bạn khi trực tuyến hoặc không trực tuyến, chọn **Automatic** hoặc **Manual**.

Offline contacts—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị các số liên lạc IM có trạng thái không trực tuyến trong danh sách các số liên lạc IM.

Own message colour—Chọn màu cho tin nhắn trò chuyện bạn sẽ gửi.

Received msg colour—Chọn màu cho tin nhắn trò chuyện bạn sẽ nhận.

IM alert tone—Thay đổi âm được phát khi nhận được một tin nhắn trò chuyện mới.

Tìm kiếm nhóm và người dùng IM

Để tìm các nhóm, trong giao diện **IM groups**, chọn **Options > Search**. Bạn có thể tìm theo **Group name**, **Topic**, và **Members** (tên thuê bao).

Để tìm người sử dụng, trong giao diện **IM contacts**, chọn **Options > New IM contact > Search from server**. Bạn có thể tìm theo **User's name**, **User ID**, **Phone number**, và **E-mail address**.

Tham gia vào các nhóm IM

Giao diện **IM groups** sẽ hiển thị danh sách các nhóm IM mà bạn đã lưu hay đang tham gia vào.

Để tham gia vào một nhóm IM đã lưu, bấm .

Để rời khỏi nhóm IM, chọn **Options > Leave IM group**.

Nhắn tin trò chuyện

Sau khi tham gia vào một nhóm IM, bạn có thể xem các tin nhắn được trao đổi trong nhóm và gửi các tin nhắn của riêng bạn.

Để gửi một tin nhắn, soạn tin nhắn đó trong trường soạn thảo tin nhắn và bấm .

Để gửi một tin nhắn riêng tới một thành viên, chọn **Options > Send private msg..**

Để trả lời tin nhắn riêng được gửi đến cho bạn, chọn tin nhắn và chọn **Options > Reply**.

Để mời các số liên lạc IM đang trực tuyến tham gia vào nhóm IM, chọn **Options > Send invitation**.

Để ngăn không nhận các tin nhắn từ một số thành viên nào đó, chọn **Options > Blocking options**.

Ghi cuộc trò chuyện

Để ghi lại những tin nhắn được trao đổi trong một cuộc trò chuyện hoặc trong khi bạn tham gia vào một nhóm IM, chọn **Options > Record chat**.

Để ngừng ghi, chọn **Options > Stop recording**.

Để xem những cuộc trò chuyện đã ghi lại, chọn **Record. chats**.

Xem và bắt đầu cuộc trò chuyện

Giao diện **Conversations** sẽ hiển thị danh sách những cá nhân tham gia mà bạn đang trò chuyện với họ. Cuộc trò chuyện hiện thời sẽ tự đóng lại khi bạn thoát khỏi **IM**.

Để bắt đầu cuộc trò chuyện, di chuyển đến một nhóm, và bấm .

Để tiếp tục cuộc trò chuyện, viết tin nhắn của bạn và bấm .

Để trở về danh sách cuộc trò chuyện mà không đóng cuộc trò chuyện hiện tại, chọn **Back**. Để đóng cuộc trò chuyện, chọn **Options > End conversation**.

Để bắt đầu một cuộc trò chuyện mới, chọn **Options > New conversation**.

Để lưu một thành viên vào danh bạ IM, chọn **Options > Add to IM contacts**.

Để tự động gửi tin trả lời cho tin nhắn gửi đến, chọn **Options > Set auto reply on**. Bạn vẫn có thể nhận các tin nhắn.

Số liên lạc IM

Trong giao diện **IM contacts**, bạn có thể nhận các danh sách liên lạc trò chuyện từ server, hoặc thêm

một số liên lạc trò chuyện mới vào danh sách liên lạc. Khi bạn đăng nhập vào máy chủ, danh sách trò chuyện đã sử dụng trước đó đã được tự động tải về từ máy chủ.

Cài đặt server nhắn tin trò chuyện

Chọn **Options > Settings > Server settings**.

Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ trò chuyện.

Bạn sẽ nhận Mã thuê bao và mật mã từ nhà cung cấp dịch vụ khi bạn đăng ký dịch vụ này. Nếu bạn không biết Mã thuê bao hoặc mật mã, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Servers—Xem danh sách tất cả các server IM đã được xác định.

Default server—Đổi server IM sang server bạn muốn kết nối.

IM login type—Để tự động đăng nhập khi khởi động IM, chọn **On app. start-up**.

Để thêm một server mới vào danh sách server IM, chọn **Servers > Options > New server**. Nhập các cài đặt sau:

Server name—Tên của server trò chuyện.

Access point in use—Điểm truy cập bạn muốn sử dụng cho server.

Web address—Địa chỉ URL của server IM.

User ID—Mã thuê bao của bạn.

Password—Mật mã đăng nhập của bạn.

Trò chơi

Bấm , và chọn **My own** và chọn trò chơi. Để biết hướng dẫn về cách chơi trò chơi, chọn **Options > Help**.

Kết nối



Kết nối Bluetooth

Bạn có thể kết nối vô tuyến đến các thiết bị tương thích khác qua công nghệ không dây Bluetooth. Các thiết bị tương thích có thể là điện thoại di động, máy vi tính và phụ kiện nâng cấp như tai nghe và bộ phụ kiện trên xe. Bạn có thể sử dụng kết nối Bluetooth để gửi hình ảnh, video clip, nhạc và đoạn âm thanh, và ghi chú; để kết nối không dây với máy PC tương thích (ví dụ để truyền dữ liệu); hoặc để kết nối với một máy in tương thích để in hình ảnh bằng chức năng **Image print**. Xem phần "**Image print (In hình ảnh)**", trên trang 35.

Vì các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth liên lạc qua sóng radio, điện thoại và thiết bị khác không cần phải đặt cùng phương. Hai thiết bị chỉ cần cách nhau không quá 10 mét (33 bộ), tuy nhiên kết nối này có thể bị nhiễu sóng do các vật cản như tường hoặc các thiết bị điện tử khác.

Thiết bị này tuân theo Thông số Bluetooth 1.2 hỗ trợ các cấu hình sau: Cấu hình In Cơ bản, Cấu hình Truy cập Chung, Cấu hình Cổng Song song, Cấu hình Mạng Dial-up, Cấu hình Tai nghe,

Cấu hình loa nói trực tiếp, Cấu hình Trao đổi Đối tượng chung, Cấu hình Đẩy Đối tượng, Cấu hình Truyền Tập tin, Cấu hình Hình ảnh Cơ bản, Cấu hình Truy Cập SIM, và Cấu hình Thiết bị Giao diện Cá nhân. Để đảm bảo khả năng tương tác giữa các thiết bị khác nhau hỗ trợ công nghệ Bluetooth, hãy sử dụng các phụ kiện được Nokia phê chuẩn cho kiểu điện thoại này. Hãy kiểm tra với các nhà sản xuất của các thiết bị khác để xác định khả năng tương thích với thiết bị này.



Chú giải: Một cấu hình sẽ tương ứng với một dịch vụ hoặc một chức năng, và xác định cách thức các thiết bị khác có thể kết nối. Ví dụ, Cấu hình Loa nói trực tiếp được sử dụng để kết nối thiết bị loa nói trực tiếp và thiết bị di động. Để các thiết bị tương thích với nhau, chúng phải hỗ trợ cấu hình giống nhau.

Có thể có các hạn chế khi sử dụng công nghệ Bluetooth ở một số nơi. Hãy kiểm tra với nhà chức trách địa phương hay nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Các tính năng sử dụng công nghệ Bluetooth hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt động ẩn trong

khi đang sử dụng các tính năng khác sẽ làm hao pin và giảm tuổi thọ của pin.

Khi điện thoại được khóa, bạn không thể sử dụng kết nối Bluetooth. Xem phần “[Security \(Cài đặt bảo mật\)](#)”, trên trang 107 để biết thêm thông tin về cách khóa thiết bị.

Cài đặt

Bấm  và chọn **Connect.** > **Bluetooth**. Khi bạn mở ứng dụng lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu xác định tên thiết bị. Sau khi đã kết nối Bluetooth và thay đổi **My phone's visibility** thành **Shown to all**, những người sử dụng có thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth khác có thể nhìn thấy điện thoại và tên này của bạn.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Bluetooth—Chọn **On** hoặc **Off**. Để kết nối không dây với một thiết bị tương thích khác, trước tiên cài Bluetooth **On**, sau đó thiết lập kết nối.

My phone's visibility—Để cho phép các thiết bị khác có công nghệ không dây Bluetooth nhận thấy điện thoại của bạn, chọn **Shown to all**. Để giấu không cho các thiết bị khác nhìn thấy, chọn **Hidden**.

My phone's name—Chỉnh sửa tên của điện thoại.

Remote SIM mode—Để cho phép một thiết bị khác, chẳng hạn như bộ phụ kiện tương thích sử dụng trên xe, sử dụng thẻ SIM trong điện thoại để kết nối vào mạng, chọn **On**.

Chế độ sử dụng SIM từ xa

Để sử dụng chế độ sử dụng SIM từ xa với một bộ phụ kiện tương thích sử dụng trên xe, bật kết nối Bluetooth, và cho phép sử dụng chế độ sử dụng SIM từ xa cùng với điện thoại của bạn. Trước khi có thể kích hoạt chế độ này, hai thiết bị phải được ghép với nhau và việc ghép được khởi tạo từ phụ kiện khác. Khi ghép, sử dụng mật mã gồm 16 chữ số, và cài phụ kiện là được phép. Xem phần “[Ghép nối thiết bị](#)”, trên trang 88. Kích hoạt chế độ sử dụng SIM từ xa từ phụ kiện.

Khi bật chế độ sử dụng SIM từ xa trong Nokia N80, **Remote SIM** sẽ được hiển thị ở chế độ chờ. Kết nối với mạng không dây sẽ bị ngắt, như được chỉ báo bởi biểu tượng  trong vùng chỉ báo cường độ tín hiệu, và bạn không thể sử dụng các dịch vụ thẻ SIM hay các chức năng đòi hỏi điện thoại nằm trong vùng phủ sóng. Tuy nhiên, kết nối mạng LAN không dây vẫn hoạt động ở chế độ sử dụng SIM từ xa.

Khi điện thoại ở chế độ sử dụng SIM từ xa, bạn chỉ có thể sử dụng một phụ kiện tương thích được kết nối, chẳng hạn như bộ phụ kiện sử dụng trên xe, để thực hiện hoặc nhận cuộc gọi. Điện thoại của bạn sẽ không thể gọi đi, trừ khi gọi cho những số khẩn cấp được lập trình trên máy, khi ở chế độ này. Để gọi đi từ điện thoại, trước tiên bạn phải tắt chế độ sử dụng SIM từ xa. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã để mở khóa trước.

Để tắt chế độ sử dụng SIM từ xa, bấm phím nguồn, và chọn **Exit rem. SIM mode**.

Các mẹo bảo mật

Khi bạn không sử dụng kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off** hoặc **My phone's visibility > Hidden**.

Không ghép nối với thiết bị lạ.

Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth

Có thể sử dụng nhiều kết nối Bluetooth cùng lúc. Ví dụ, nếu bạn kết nối với một tai nghe tương thích, bạn cũng có thể truyền dữ liệu đến thiết bị tương thích khác cùng lúc.

Chỉ báo kết nối Bluetooth

- Khi  hiển thị ở chế độ chờ, có nghĩa là kết nối Bluetooth được bật.
- Khi biểu tượng  nhấp nháy, điện thoại của bạn đang tìm cách kết nối với thiết bị khác.
- Khi biểu tượng  được hiển thị liên tục, dữ liệu đang được truyền qua kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Để gửi văn bản sử dụng kết nối Bluetooth, mở **Notes**, viết văn bản, và chọn **Options > Send > Via Bluetooth**.

- 1 Mở ứng dụng có lưu mục bạn muốn gửi. Ví dụ, để gửi một hình ảnh đến một thiết bị tương thích khác, mở **Gallery**.
- 2 Chọn mục và chọn **Options > Send > Via Bluetooth**. Các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth trong phạm vi kết nối bắt đầu xuất hiện trên màn hình. Các biểu tượng thiết bị:  máy tính,  điện thoại,  thiết bị âm thanh hoặc video, và  thiết bị khác. Để hủy bỏ việc dò tìm, chọn **Stop**.
- 3 Chọn thiết bị bạn muốn kết nối đến.
- 4 Nếu thiết bị khác yêu cầu ghép nối trước khi có thể truyền dữ liệu, một âm báo sẽ phát ra, và bạn được yêu cầu nhập mã khóa. Xem phần **"Ghép nối thiết bị"**, trên trang **88**.

5 Khi kết nối đã được thiết lập, thông báo **Sending data** sẽ hiển thị.

Thư mục **Sent** trong **Messaging** sẽ không lưu các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth.

💡 **Mẹo!** Khi đang dò tìm thiết bị, một vài thiết bị chỉ có thể hiển thị địa chỉ duy nhất (địa chỉ thiết bị). Để tìm địa chỉ duy nhất của điện thoại, nhập mã ***#2820#** vào khi ở chế độ chờ.

Ghép nối thiết bị

Để mở giao diện các thiết bị đã ghép nối (📶), trong giao diện chính của ứng dụng **Bluetooth**, bấm 📶.

Trước khi ghép nối, tạo mã khóa cho riêng bạn (1-16 số) và thỏa thuận với người dùng thiết bị khác để sử dụng cùng mã khóa. Những thiết bị không có giao diện người dùng có một mã khóa được cài trước. Mật mã chỉ có thể sử dụng một lần.

Để ghép nối với một thiết bị, chọn **Options > New paired device**. Các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth trong phạm vi kết nối bắt đầu xuất hiện trên màn hình. Chọn thiết bị và nhập mã khóa vào. Bạn cũng cần nhập mã khóa này vào thiết bị kia. Sau khi ghép nối, thiết bị sẽ được lưu vào giao diện các thiết bị ghép nối.

Các thiết bị đã ghép được hiển thị bởi 📶 trong mục tìm kiếm thiết bị.

Để gán hoặc không gán quyền cho thiết bị, di chuyển đến một thiết bị, và chọn một trong các tùy chọn sau:

Set as authorised— Các kết nối giữa điện thoại của bạn và thiết bị này có thể được thực hiện mà bạn không biết. Bạn không cần chấp nhận hoặc gán quyền. Sử dụng trạng thái này cho các thiết bị của bạn, ví dụ như tai nghe hoặc máy PC tương thích, hoặc các thiết bị của người mà bạn tin cậy. ⓘ cho biết các thiết bị được gán quyền trong giao diện thiết bị ghép nối.

Set as unauthorised—Yêu cầu kết nối từ thiết bị này phải được chấp nhận tuần tự.

Để hủy một ghép nối, di chuyển đến thiết bị và chọn **Options > Delete**. Nếu bạn muốn hủy tất cả các ghép nối, chọn **Options > Delete all**.

💡 **Mẹo!** Nếu bạn đang kết nối với một thiết bị và xóa ghép nối với thiết bị đó, ghép nối sẽ được xóa ngay và kết nối sẽ bị ngừng.

Nhận dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth

Khi bạn nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth, một âm báo sẽ phát ra và máy sẽ hỏi bạn có muốn nhận tin nhắn không. Nếu bạn chấp nhận, biểu tượng  sẽ hiển thị và mục này sẽ được đặt vào thư mục **Inbox** trong **Messag..** Các tin nhắn nhận được qua Bluetooth được chỉ báo bằng . Xem phần “**Hộp thư đến—nhận tin nhắn**”, trên trang 47.

Tắt kết nối Bluetooth

Để tắt kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off**.

Kết nối hồng ngoại

Qua hồng ngoại, bạn có thể truyền dữ liệu như danh thiếp, ghi chú lịch, và các tập tin media với một thiết bị tương thích.

Không nên hướng tia IR (hồng ngoại) vào mắt hoặc làm nhiễu sóng các thiết bị IR khác. Thiết bị này là sản phẩm laser Cấp 1.

Gửi và nhận dữ liệu qua hồng ngoại

- 1 Bảo đảm rằng cổng hồng ngoại của các thiết bị gửi và nhận đang hướng vào nhau, và không có vật cản nào giữa các thiết bị. Khoảng cách tối ưu giữa hai thiết bị tối đa là 1 mét (3 bộ).
- 2 Người nhận sẽ kích hoạt cổng hồng ngoại. Để khởi động cổng hồng ngoại của điện thoại để nhận dữ liệu qua hồng ngoại, bấm , và chọn **Connect. > Infrared**.
- 3 Người gửi sẽ chọn chức năng hồng ngoại theo ý muốn để bắt đầu truyền dữ liệu. Để gửi dữ liệu qua hồng ngoại, tìm tập tin muốn gửi trong một ứng dụng hoặc trình quản lý tập tin, và chọn **Options > Send > Via infrared**.

Nếu việc truyền dữ liệu không bắt đầu trong vòng 1 phút sau khi khởi động cổng hồng ngoại, việc kết nối sẽ bị hủy và phải được bắt đầu lại.

Tất cả các mục nhận được qua hồng ngoại sẽ được chuyển vào thư mục **Inbox** trong **Messaging**. Tin nhắn hồng ngoại mới được chỉ báo bằng .

Khi  nhấp nháy, điện thoại sẽ tìm cách kết nối với thiết bị khác hoặc kết nối đã bị mất.

Khi biểu tượng  hiển thị liên tục, kết nối hồng ngoại đã được kích hoạt và điện thoại sẵn sàng gửi và nhận dữ liệu qua cổng hồng ngoại.



Data cable (Cáp dữ liệu)

Bấm và chọn **Connect.** > **Data cable.** Trong **Data cable mode**, chọn mục đích sử dụng kết nối cáp dữ liệu USB: **Media player**, **PC Suite**, **Data transfer** hoặc **Image print**. Để cài điện thoại hỏi mục đích kết nối mỗi lần cáp được nối, chọn **Ask on connection**.

Kết nối PC

Bạn có thể sử dụng điện thoại với các chương trình ứng dụng đa dạng của các truyền thông dữ liệu và kết nối với máy PC tương thích. Với bộ Nokia PC Suite bạn có thể, ví dụ, truyền hình ảnh giữa điện thoại của bạn và một máy PC tương thích.

Luôn tạo kết nối từ máy PC để đồng bộ dữ liệu với điện thoại.



Modem

Bạn có thể sử dụng điện thoại làm modem để kết nối vào Internet qua một máy PC tương thích.

Bấm và chọn **Connect.** > **Modem**.

Trước khi có thể sử dụng điện thoại làm modem, bạn phải:

- Cài đặt phần mềm giao tiếp dữ liệu thích hợp trong máy PC.
- Đăng ký với các dịch vụ mạng thích hợp từ nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ Internet.
- Cài đặt các trình điều khiển thích hợp (driver) trên máy PC. Bạn phải cài đặt các trình điều khiển (driver) cho kết nối cáp dữ liệu USB, và bạn cần cài đặt hoặc cập nhật các trình điều khiển cho Bluetooth hoặc hồng ngoại.

Để kết nối điện thoại với một máy PC tương thích sử dụng cổng hồng ngoại, bấm phím di chuyển. Bảo đảm rằng cổng hồng ngoại của điện thoại và của máy PC đang hướng vào nhau, và không có vật cản nào giữa các thiết bị. Xem phần **“Kết nối hồng ngoại”**, trên trang 89.

Để kết nối điện thoại với một máy PC sử dụng kết nối Bluetooth, kích hoạt kết nối từ máy PC. Để kích hoạt kết nối Bluetooth trong điện thoại, bấm , và chọn **Connect.** > **Bluetooth** và **Bluetooth** > **On**. Xem phần **“Kết nối Bluetooth”**, trên trang 85.

Để kết nối điện thoại với một máy PC tương thích sử dụng cáp dữ liệu USB, kích hoạt kết nối từ máy PC.

Xin lưu ý rằng có thể bạn không sử dụng được một số chức năng giao tiếp khi sử dụng điện thoại làm modem. Bạn không thể thực hiện cuộc gọi khẩn cấp khi điện thoại được sử dụng làm modem. Để thực hiện một cuộc gọi khẩn cấp, trước tiên bạn phải ngắt kết nối.

Bạn có thể tìm thấy các hướng dẫn cài đặt chi tiết trong hướng dẫn sử dụng dành cho Nokia PC Suite.



Mẹo! Để kết nối điện thoại và máy PC tương thích và để sử dụng Nokia PC Suite trong lần kết nối đầu tiên, hãy sử dụng chức năng Get Connected wizard hiện có trong Nokia PC Suite.



Quản lý kết nối

Bấm và chọn **Connect. > Conn. mgr..** Để xem tình trạng của các kết nối dữ liệu hoặc ngừng kết nối trong mạng GSM và UMTS và mạng LAN không dây, chọn **Act. data conn..** Để tìm kiếm mạng LAN không dây trong phạm vi, chọn **Availab. WLAN.**

Kết nối dữ liệu

Trong giao diện các kết nối hoạt động, bạn có thể xem các kết nối dữ liệu mở: các cuộc gọi dữ liệu (),

các kết nối dữ liệu gói (hoặc) và các kết nối mạng LAN không dây ().



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để ngừng một kết nối, chọn **Options > Disconnect.** Để đóng tất cả các kết nối đang mở, chọn **Options > Disconnect all.**

Để xem chi tiết của một phiên kết nối, chọn **Options > Details.** Các chi tiết được hiển thị tùy thuộc vào loại kết nối.

Mạng LAN không dây

Giao diện mạng LAN không dây hiện có hiển thị một danh sách các mạng LAN hiện có trong phạm vi, chế độ mạng của chúng (**Infrastructure** hoặc **Ad-hoc**), và chỉ báo mức tín hiệu. Biểu tượng () sẽ được hiển thị với những mạng có mã hóa, và () nếu điện thoại của bạn có một kết nối hoạt động trong mạng này.

Để xem chi tiết của một mạng, chọn **Options > Details.**

Để tạo một điểm truy cập Internet trong một mạng, chọn **Options > Define access point.**



Đồng bộ hóa

Bấm  và chọn **Connect**. > **Sync**. Ứng dụng **Sync** cho phép bạn đồng bộ ghi chú, lịch, hoặc danh bạ với các ứng dụng lịch và danh bạ tương thích khác nhau trên máy tính tương thích hoặc trên Internet. Bạn cũng có thể tạo hoặc chỉnh sửa các cài đặt đồng bộ hóa.

Ứng dụng đồng bộ sử dụng công nghệ SyncML để đồng bộ. Để có thêm thông tin về tính tương thích SyncML, xin liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng mà bạn muốn đồng bộ dữ liệu của điện thoại.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt đồng bộ dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt. Xem phần [“Dữ liệu và các thông số cài đặt”](#), trên trang 48.

Đồng bộ dữ liệu

Trong giao diện chính của **Sync**, bạn có thể thấy các cấu hình đồng bộ khác nhau.

- 1 Chọn một cấu hình đồng bộ và **Options** > **Synchronise**. Tình trạng đồng bộ sẽ hiển thị trên màn hình.
Để hủy quá trình đồng bộ trước khi kết thúc, chọn **Cancel**.

- 2 Bạn sẽ được thông báo khi quá trình đồng bộ hoàn tất. Chọn **Yes** để xem tập tin báo cáo cho biết tình trạng đồng bộ và số mục nhập đã được thêm vào, cập nhật, xóa, hoặc hủy (không đồng bộ) trong điện thoại của bạn hoặc trên server.



Trình quản lý thiết bị

Để kết nối với server và nhận thông số cài đặt cấu hình cho điện thoại, để tạo cấu hình server mới, hoặc để xem và quản lý các cấu hình server đã có, bấm , và chọn **Connect**. > **Dev. mgr.** và di chuyển sang trái. Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Bạn có thể nhận các cấu hình server và các thông số cài đặt cấu hình khác nhau từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ và bộ phận quản lý thông tin của công ty. Các cài đặt cấu hình này có thể bao gồm kết nối và các cài đặt dùng bởi các ứng dụng khác trong điện thoại.

Di chuyển đến một cấu hình server, chọn **Options** và chọn từ các tùy chọn sau:

Start configuration—Để kết nối đến một server và nhận định cấu hình cài đặt cho điện thoại.

New server profile—Để tạo một cấu hình server.

Edit profile—Để thay đổi các thông số cài đặt cấu hình.

View log—Để xem nhật ký định cấu hình của cấu hình.

Để xoá một cấu hình server, di chuyển đến cấu hình này, và bấm **C**.

Cài đặt cấu hình server

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Server name—Nhập tên server cấu hình.

Server ID—Nhập mã ID để xác nhận server cấu hình.

Server password—Nhập mật mã để nhận dạng điện thoại với server.

Access point—Chọn một điểm truy cập sẽ được sử dụng khi kết nối với server.

Host address—Nhập địa chỉ URL của server.

Port—Nhập số cổng của server.

User name và **Password**—Nhập mật mã và tên thuê bao của bạn vào.

Allow configuration—Để cho phép nhận thông số cài đặt cấu hình từ server, chọn **Yes**.

Auto-accept all reqs.—Để điện thoại hỏi sự chấp thuận của bạn trước khi chấp nhận một cấu hình từ server, chọn **No**.

Network authentic.—Chọn sử dụng hoặc không sử dụng xác thực mạng.

Network user name và **Network password**—Nhập tên thuê bao và mật mã của bạn để xác nhận điện thoại của bạn với server. Các tùy chọn này sẽ chỉ hiển thị khi sử dụng xác thực mạng.

Cập nhật phần mềm



Lưu ý: Tính năng này có thể không khả dụng với điện thoại của bạn. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Để xem hoặc cập nhật phiên bản phần mềm hiện thời của điện thoại, hoặc để kiểm tra ngày cập nhật trước đó, nếu có, bấm **ⓘ** và chọn **Connect. > Dev. mgr.**

Để kiểm tra xem có cập nhật phần mềm không, chọn **Options > Check for updates**.

Bảo đảm rằng pin điện thoại có đủ điện hoặc được kết nối với bộ sạc trước khi bắt đầu cập nhật. Để bắt đầu cập nhật, chọn điểm truy cập. Điện thoại sẽ bắt đầu tải xuống dữ liệu điện thoại.

Khi dữ liệu được tải xuống, phần mô tả cập nhật sẽ hiển thị. Chọn **Accept** để chấp nhận gói cập nhật tải xuống hoặc **Cancel** để hủy phần tải xuống. Việc tải xuống có thể mất vài phút. Bạn có thể sử dụng điện thoại trong khi tải dữ liệu xuống.



Lưu ý: Nếu cài đặt cập nhật phần mềm, bạn sẽ không thể sử dụng điện thoại, kể cả gọi tới các số khẩn cấp, cho tới khi cài đặt xong và điện thoại được khởi động lại. Bảo đảm sao lưu dữ liệu trước khi chấp nhận cài đặt cập nhật.

Chọn **Yes** để cài đặt cập nhật, hoặc **No** để cài đặt cập nhật sau bằng cách sử dụng **Options > Install update**. Việc cập nhật có thể mất vài phút. Chọn **Accept** để chấp nhận cập nhật. Điện thoại sẽ cập nhật phần mềm và khởi động lại. Để hoàn tất quá trình cập nhật, chọn **OK**. Để gửi tình trạng cập nhật phần mềm tới server, chọn điểm truy cập.

Có một số vấn đề với quá trình cài đặt, hãy liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Để xem cài đặt cấu hình server được sử dụng để cập nhật phần mềm, chọn **Options > Settings**.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Các ứng dụng văn phòng



Máy tính

Để cộng, trừ, nhân, chia, tính căn bậc hai và tỷ lệ phần trăm, bấm , và chọn **Office > Calculator**.



Lưu ý: Máy tính có độ chính xác giới hạn và được thiết kế để thực hiện các phép tính đơn giản.



Bộ chuyển đổi

Để chuyển đổi các số đo từ một đơn vị về một đơn vị khác, bấm , và chọn **Office > Converter**.

Converter có độ chính xác giới hạn, và có thể có các lỗi làm tròn.

- 1 Trong trường **Type**, chọn số đo bạn muốn sử dụng.
- 2 Trong trường **Unit** đầu tiên, chọn đơn vị bạn muốn chuyển đổi. Trong trường **Unit** kế tiếp, chọn đơn vị bạn muốn đổi ra.

- 3 Trong trường **Amount** đầu tiên, nhập giá trị bạn muốn chuyển đổi. Các trường **Amount** khác sẽ tự động thay đổi để hiển thị giá trị chuyển đổi.

Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi

Chọn **Type > Currency > Options > Currency rates**. Trước khi thực hiện chuyển đổi tiền tệ, bạn cần chọn một loại tiền tệ cơ sở và thêm các tỉ giá chuyển đổi. Tỷ giá của tiền tệ gốc luôn luôn là 1.



Lưu ý: Khi thay đổi tiền tệ gốc, bạn phải nhập tỉ giá mới vào vì tất cả các tỉ giá được cài trước đó sẽ bị xóa.



Ghi chú

Để viết ghi chú, bấm , và chọn **Office > Notes**. Bạn có thể gửi ghi chú đến các thiết bị tương thích, và lưu các tập văn bản đơn giản (dạng .txt) nhận được vào **Notes**.

Để in một ghi chú trên một máy in có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options** > **Print**.



Máy ghi âm

Để ghi một memo thoại, bấm , và chọn **Office** > **Recorder**. Để ghi một cuộc trò chuyện điện thoại, mở **Recorder** trong khi nói chuyện điện thoại. Cả người gọi và người nhận sẽ nghe một âm báo mỗi 5 giây khi ghi âm.

Cài đặt riêng điện thoại

- Để sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh đến các ứng dụng được sử dụng thường xuyên, xem phần “[Chế độ Active standby](#)”, trên trang [99](#).
- Để thay đổi hình nền ở chế độ chờ hoặc nội dung hiển thị trong màn hình riêng, xem phần “[Thay đổi giao diện điện thoại](#)”, trên trang [99](#).
- Để cài đặt kiểu chuông riêng, xem phần “[Profiles \(Cấu hình\)—cài âm báo](#)”, trên trang [97](#) và “[Gán nhạc chuông cho các số liên lạc](#)”, trên trang [59](#).
- Để thay đổi các phím tắt được gán cho các hướng di chuyển khác nhau của phím di chuyển và các phím chọn trái và phải khi ở chế độ chờ, xem phần “[Standby mode](#)”, trên trang [101](#).
- Để thay đổi đồng hồ hiển thị ở chế độ chờ, bấm , và chọn **Clock > Options > Settings > Clock type > Analogue** hoặc **Digital**.



- Để thay lời chào bằng một hình tĩnh hoặc một hình động, bấm , và chọn **Tools > Settings > Phone > General > Welcome note / logo**.
- Để thay đổi kiểu xem menu chính, trong menu chính, chọn **Options > Change view > Grid** hoặc **List**.
- Để sắp xếp lại menu chính, trong menu chính, chọn **Options > Move, Move to folder**, hoặc **New folder**. Bạn có thể di chuyển các ứng dụng ít sử dụng vào trong các thư mục và sắp xếp các ứng dụng thường dùng vào menu chính.



Profiles (Cấu hình)—cài âm báo

Để cài đặt riêng kiểu chuông, âm báo tin nhắn, và các âm báo khác cho các sự kiện, môi trường, hoặc nhóm người gọi đến khác nhau, bấm , và chọn **Tools > Profiles**.

Để thay đổi cấu hình, bấm  khi ở chế độ chờ. Di chuyển đến cấu hình bạn muốn kích hoạt và chọn **OK**.

Để chỉnh sửa một cấu hình, bấm , và chọn **Tools > Profiles**. Di chuyển đến cấu hình, và chọn **Options > Personalise**. Di chuyển đến cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm  để mở các tùy chọn. Các nhạc chuông lưu trữ trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng . Bạn có thể xem qua danh sách nhạc chuông và nghe từng giai điệu trước khi quyết định chọn. Bấm phím bất kỳ để ngừng âm báo.

Khi bạn chọn một kiểu chuông, **Tone downloads** (dịch vụ mạng) sẽ mở một danh sách các chỉ mục. Bạn có thể chọn một chỉ mục và bắt đầu kết nối với trang Web để tải các kiểu chuông đó về.

Nếu bạn muốn điện thoại đọc tên người gọi khi đổ chuông, chọn **Options > Personalise**, và cài **Say caller's name** là **On**. Tên người gọi phải được lưu trong **Contacts**.

Để tạo một cấu hình mới, chọn **Options > Create new**.

Cấu hình không trực tuyến

Cấu hình **Offline** cho phép bạn sử dụng điện thoại mà không cần kết nối với mạng không dây. Khi bạn kích hoạt cấu hình **Offline** kết nối với mạng vô tuyến sẽ tắt và được chỉ báo bằng thanh chỉ báo cường độ tín hiệu . Tất cả tín hiệu RF vô tuyến đi và đến

điện thoại đều bị cấm. Nếu bạn cố gửi tin nhắn, chúng sẽ được đưa vào hộp thư đi để gửi sau.



Cảnh báo: Trong cấu hình không trực tuyến, bạn không thể gọi (hoặc nhận) bất kỳ cuộc gọi nào, ngoại trừ gọi đến các số khẩn cấp nhất định, hoặc sử dụng các tính năng khác yêu cầu có mạng phủ sóng. Để gọi điện, bạn phải kích hoạt chức năng của điện thoại trước bằng cách thay đổi các cấu hình. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã khóa vào.

Khi kích hoạt cấu hình **Offline**, bạn vẫn có thể sử dụng mạng LAN không dây (nếu có), ví dụ, để đọc e-mail hoặc trình duyệt trên Internet. Hãy nhớ tuân theo các yêu cầu an toàn có thể áp dụng khi thiết lập và sử dụng kết nối mạng LAN không dây. Xem phần **"Mạng LAN không dây"**, trên trang 6.

Để thoát khỏi cấu hình **Offline**, bấm phím nguồn, và chọn một cấu hình khác. Điện thoại sẽ kích hoạt lại các phiên truyền vô tuyến (với điều kiện cường độ tín hiệu đủ mạnh). Nếu một kết nối Bluetooth được kích hoạt trước khi vào cấu hình **Offline**, kết nối này sẽ bị ngắt. Kết nối Bluetooth sẽ tự động được kích hoạt trở lại sau khi thoát khỏi cấu hình **Offline**. Xem phần **"Cài đặt"**, trên trang 86.



Thay đổi giao diện điện thoại

Để thay đổi giao diện màn hình, ví dụ như hình nền và các biểu tượng, bấm **⚙**, và chọn **Tools > Themes**. Chủ đề hiện hành được chỉ báo bằng **✓**.

Trong **Themes**, bạn có thể nhóm các phần tử từ các chủ đề khác hoặc chọn các hình ảnh trong **Gallery** để cá nhân hóa chủ đề hơn nữa. Các chủ đề trên thẻ nhớ (nếu có) được chỉ báo bằng biểu tượng **📁**.

Các chủ đề trên thẻ nhớ sẽ không khả dụng khi thẻ nhớ không được lắp vào điện thoại. Nếu bạn muốn sử dụng các chủ đề được lưu trong thẻ nhớ mà không cần đến thẻ nhớ, lưu các chủ đề này vào bộ nhớ điện thoại trước.

Để mở một kết nối trình duyệt và tải về thêm nhiều chủ đề, chọn **Theme downloads** (dịch vụ mạng).

Để kích hoạt một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó, và chọn **Options > Apply**. Để xem một chủ đề trước khi kích hoạt, chọn **Options > Preview**.

Để chỉnh sửa các chủ đề, di chuyển đến một chủ đề, và chọn **Options > Edit** để thay đổi **Wallpaper** và cài đặt **Power saver**.

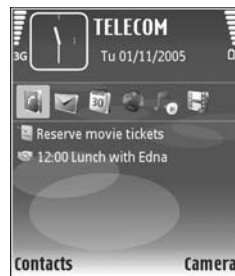
Để khôi phục chủ đề được chọn trở về cài đặt gốc, chọn **Options > Restore orig. theme** khi bạn chỉnh sửa một chủ đề.

Chế độ Active standby

Sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh vào các ứng dụng bạn thường sử dụng. Theo mặc định, chế độ chờ sẽ được bật.

Bấm **⚙**, chọn **Tools > Settings > Phone > Standby mode > Active standby**, và bấm **⦿** để bật hoặc tắt chế độ chờ.

Màn hình active standby sẽ được hiển thị với các ứng dụng mặc định ở phía trên màn hình, và lịch, công việc, và các sự kiện của trình phát được liệt kê bên dưới.



Di chuyển đến một ứng dụng hoặc sự kiện và bấm **⦿**.

Bạn không thể sử dụng các phím tắt của phím di chuyển chuẩn ở chế độ chờ khi chế độ active standby đang được kích hoạt.

Để thay đổi phím tắt của các ứng dụng mặc định, **⚙**, chọn **Tools > Settings > Phone > Standby mode > Active standby apps.**, và bấm **⦿**.

Một số phím tắt đã được cài cố định và bạn không thể thay đổi các phím tắt này.

Tools (Công cụ)

Phím đa phương tiện

Để mở phím tắt được gán cho phím đa phương tiện, bấm và giữ . Để mở danh sách các ứng dụng đa phương tiện, bấm . Để mở ứng dụng bạn muốn, sử dụng phím di chuyển. Để thoát khỏi danh sách mà không chọn một ứng dụng nào, bấm .

Để đổi các phím tắt, bấm , và di chuyển xuống. Để đổi phím tắt mặc định, chọn **Multimedia key**. Để thay đổi các ứng dụng được hiển thị khi bấm , chọn **Top**, **Left**, **Middle**, và **Right** và chọn ứng dụng.

Một số phím tắt đã được cài cố định và bạn không thể thay đổi các phím tắt này.



Settings (Cài đặt)

Để thay đổi cài đặt, bấm  và chọn **Tools** > **Settings**. Để mở một nhóm cài đặt, bấm . Di chuyển đến một cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm .

Nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể cài sẵn một số cài đặt cho điện thoại, và có khả năng bạn không thể thay đổi các cài đặt này.



Phone (Trên máy)

General

Phone language—Việc thay đổi ngôn ngữ của văn bản hiển thị trên điện thoại cũng sẽ ảnh hưởng đến dạng hiển thị ngày giờ và các dấu phân cách được sử dụng, ví dụ như trong các phép tính. **Automatic** (tự động) chọn ngôn ngữ theo thông tin trên thẻ SIM của bạn. Sau khi bạn thay đổi ngôn ngữ hiển thị, điện thoại sẽ khởi động lại.

Việc thay đổi các cài đặt của **Phone language** hoặc **Writing language** sẽ ảnh hưởng lên mọi ứng dụng trong máy và những thay đổi vẫn có hiệu lực cho đến khi bạn lại thay đổi các cài đặt này lần nữa.

Writing language—Việc thay đổi ngôn ngữ cũng tác động đến các ký tự và ký tự đặc biệt được sử dụng khi soạn thảo văn bản cũng như khi sử dụng từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán.

Predictive text—Cài kiểu nhập văn bản tiên đoán là **On** hoặc **Off** cho tắt cả các chương trình chỉnh sửa trên điện thoại. Từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ không có sẵn cho tắt cả ngôn ngữ.

Welcome note / logo—Lời chào hoặc biểu tượng sẽ được hiển thị nhanh mỗi khi bạn bật điện thoại. Chọn **Default** để sử dụng hình ảnh mặc định, **Text** để nhập lời chào, hoặc **Image** để chọn một hình ảnh trong **Gallery**.

Orig. phone settings—Bạn có thể cài lại một số cài đặt trở về giá trị ban đầu. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần “**Security (Cài đặt bảo mật)**”, “**Phone and SIM (Điện thoại và thẻ SIM)**”, trên trang 107. Sau khi cài đặt lại, điện thoại có thể khởi động lâu hơn. Các tài liệu và tập tin sẽ không bị ảnh hưởng.

Standby mode

Active standby—Sử dụng các phím tắt tới các ứng dụng ở chế độ chờ. Xem phần “**Chế độ Active standby**”, trên trang 99.

Left selection key—Gán một phím tắt cho phím chọn trái () ở chế độ chờ.

Right selection key—Gán một phím tắt cho phím chọn phải () ở chế độ chờ.

Active standby apps.—Chọn các phím tắt của ứng dụng bạn muốn hiển thị ở chế độ active standby. Cài đặt này chỉ có khi chế độ **Active standby** được bật.

Bạn cũng có thể gán các phím tắt trên bàn phím cho những thao tác khác nhau trên phím di chuyển. Phím tắt trên phím di chuyển sẽ không có hiệu lực khi điện thoại bật chế độ chờ.

Operator logo—Cài đặt này chỉ khả dụng nếu bạn đã nhận và lưu một logo mạng. Chọn **Off** nếu bạn không muốn hiển thị logo này.

Display

Light sensor—Điều chỉnh độ sáng màn hình sang mức sáng hơn hoặc tối hơn. Tuy nhiên, trong điều kiện vô cùng sáng, độ sáng của màn hình sẽ được điều chỉnh tự động.

Power saver time-out—Chọn thời gian chờ mà sau đó trình tiết kiệm điện sẽ được kích hoạt.

Sleep mode—Chọn tắt hoặc không tắt màn hình để tiết kiệm nguồn pin 20 phút sau khi trình tiết kiệm điện được kích hoạt. Khi màn hình tắt, đèn LED nhấp nháy để cho biết điện thoại vẫn đang bật.

Light time-out—Chọn thời gian chờ mà sau đó đèn nền trên màn hình sẽ tắt.



Call settings (Cài đặt cuộc gọi)

Send my caller ID—Bạn có thể cài hiển thị (**Yes**) hoặc ẩn (**No**) số điện thoại của bạn trên máy của người mà bạn đang gọi, hoặc giá trị này có thể được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cài đặt trước khi bạn đăng ký thuê bao (**Set by network**) (dịch vụ mạng).

Call waiting—Nếu bạn đã kích hoạt chức năng cuộc gọi chờ (dịch vụ mạng), mạng sẽ thông báo cho bạn biết có cuộc gọi mới trong khi đang gọi. Bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) chức năng cuộc gọi chờ, hoặc kiểm tra xem chức năng này có được kích hoạt hay không (**Check status**).

Reject call with SMS—Chọn **Yes** để gửi tin nhắn văn bản đến người gọi nhằm thông báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Xem phần “[Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi](#)”, trên trang 67.

Message text—Viết đoạn văn bản sẽ được gửi dưới dạng tin nhắn văn bản khi bạn từ chối một cuộc gọi.

Image in video call—Nếu video không được gửi trong một cuộc gọi video, bạn có thể chọn một hình tĩnh để hiển thị thay cho video.

Automatic redial—Chọn **On**, và điện thoại sẽ cố gọi lại tối đa 10 lần sau lần gọi không thành công. Để ngừng chức năng gọi lại tự động, bấm **Off**.

Summary after call—Kích hoạt cài đặt này để điện thoại hiển thị vẫn tắt thời lượng xấp xỉ của cuộc gọi sau cùng.

Speed dialling—Chọn **On**, bấm và giữ phím này để quay các số điện thoại đã được gán cho các phím quay nhanh (**2 – 9**). Xem thêm phần “[Quay nhanh một số điện thoại](#)”, trên trang 62.

Anykey answer—Chọn **On**, và bạn có thể trả lời cuộc gọi đến bằng cách bấm nhanh phím bất kỳ, ngoại trừ phím **End Call**, **Call Forward**, **Call Transfer**, và **Call Hold**.

Line in use—Cài đặt này (dịch vụ mạng) chỉ được hiển thị khi thẻ SIM hỗ trợ hai số thuê bao, nghĩa là có hai số điện thoại thuê bao. Chọn số điện thoại bạn muốn sử dụng để thực hiện cuộc gọi và gửi tin nhắn văn bản. Bạn có thể trả lời cuộc gọi trên cả hai số máy bất kể đã chọn số máy nào. Nếu bạn chọn **Line 2** nhưng chưa thuê bao dịch vụ mạng này, bạn sẽ không thực hiện được cuộc gọi. Khi số máy 2 được chọn, biểu tượng **2** sẽ hiển thị khi ở chế độ chờ.

 **Mẹo!** Để chuyển đổi giữa các số máy, bấm và giữ **#** khi ở chế độ chờ.

Line change—Để ngăn không cho chọn số máy (dịch vụ mạng), chọn **Disable** nếu được thẻ SIM hỗ trợ. Để thay đổi cài đặt này, bạn sẽ cần mã PIN2.



Connection (Kết nối)

Kết nối dữ liệu và điểm truy cập

Điện thoại của bạn hỗ trợ các kết nối truyền dữ liệu gói (dịch vụ mạng), chẳng hạn như GPRS trong mạng GSM. Khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS, các kết nối đa dữ liệu có thể được kích hoạt cùng lúc và các điểm truy cập có thể dùng chung một kết nối dữ liệu. Trong mạng UMTS, kết nối dữ liệu vẫn được duy trì trong khi diễn ra các cuộc gọi thoại.

Bạn cũng có thể sử dụng một kết nối dữ liệu mạng LAN không dây. Xem phần “[Mạng LAN không dây](#)”, trên trang 6. Chỉ có thể có một kết nối hoạt động trong một mạng LAN không dây cùng một lúc.

Để thiết lập một kết nối dữ liệu, bạn cần phải có một điểm truy cập. Bạn có thể xác định nhiều điểm truy cập khác nhau, ví dụ như:

- Điểm truy cập MMS dùng để gửi và nhận tin nhắn đa phương tiện.

- Điểm truy cập dành cho ứng dụng Web để xem các trang WML hoặc XHTML.
- Điểm truy cập (IAP) dùng để gửi và nhận e-mail và kết nối vào Internet.

Đối với các dịch vụ bạn muốn truy cập, bạn cần phải tham khảo ý kiến nhà cung cấp dịch vụ về loại điểm truy cập. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ kết nối dữ liệu gói, hãy liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Access points

Bạn có thể nhận cài đặt điểm truy cập dưới dạng tin nhắn từ nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang 48. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng. Biểu tượng cho biết điểm truy cập được bảo vệ.

Biểu tượng cho biết điểm truy cập dữ liệu gói, và cho biết điểm truy cập mạng LAN không dây.

Mẹo! Để tạo điểm truy cập Internet trong một mạng LAN không dây, bấm , và chọn **Connect.** > **Conn. mgr.** > **Availab. WLAN** > **Options** > **Define access point.**

Để tạo một điểm truy cập mới, chọn **Options > New access point**. Để chỉnh sửa cài đặt cho một điểm truy cập, chọn **Options > Edit**. Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

Connection name—Đặt tên mô tả cho kết nối.

Data bearer—Chọn kiểu kết nối dữ liệu.

Tùy thuộc vào kiểu kết nối dữ liệu bạn chọn, chỉ có một số trường cài đặt có thể sử dụng. Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng đoạn **Must be defined**, hoặc có dấu hoa thị màu đỏ. Các trường khác có thể để trống, trừ phi bạn được nhà cung cấp dịch vụ hướng dẫn làm cách khác.

Để có thể sử dụng kết nối dữ liệu, nhà cung cấp dịch vụ mạng phải hỗ trợ chức năng này, và nếu cần, kích hoạt chức năng này bằng thẻ SIM của bạn.

Dữ liệu gói

Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

Access point name—Bạn có thể nhận tên điểm truy cập do nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

User name—Máy sẽ yêu cầu tên thuê bao để thiết lập kết nối dữ liệu, và tên thuê bao này thường do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Prompt password—Nếu bạn muốn nhập mật mã mỗi khi đăng nhập vào server, hoặc nếu bạn muốn lưu mật mã vào máy, chọn **Yes**.

Password—Máy sẽ yêu cầu mật mã để thiết lập kết nối dữ liệu, và mật mã này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Authentication—Chọn **Normal** hoặc **Secure**.

Homepage—Tùy thuộc vào điểm truy cập bạn đang thiết lập, nhập địa chỉ trang Web hoặc địa chỉ của trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Chọn **Options > Advanced settings** để thay đổi các thông số cài đặt cấu hình sau:

Network type—Chọn loại giao thức Internet để sử dụng: **IPv4 settings** hoặc **IPv6 settings**. Các thông số cài đặt khác tùy thuộc vào loại mạng được chọn.

Phone IP address (chỉ IPv4)—Nhập địa chỉ IP của điện thoại.

DNS address—Trong **Primary name serv.:**, nhập địa chỉ IP của server DNS chính. Trong **Second. name server:**, nhập địa chỉ IP của server DNS phụ. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để có các địa chỉ này.

Proxy serv. address—Xác định địa chỉ của server proxy.

Proxy port number—Nhập số cổng proxy.

Mạng LAN không dây

Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

WLAN netw. name—Chọn **Enter manually** hoặc **Search for netw..** Nếu bạn chọn một mạng hiện có, **WLAN netw. mode** và **WLAN security mode** được xác định bởi các thông số cài đặt của thiết bị điểm truy cập của mạng.

Network status—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị tên mạng.

WLAN netw. mode—Chọn **Ad-hoc** để tạo một mạng ad hoc và cho phép các thiết bị trực tiếp gửi và nhận dữ liệu; không cần thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây.

WLAN security mode—Chọn chế độ mã hóa được sử dụng: **WEP**, **802.1x** (không áp dụng với các mạng ad hoc), hoặc **WPA/WPA2** (không áp dụng với mạng ad hoc). Nếu bạn chọn **Open network**, sẽ không có mã hóa được sử dụng. Các chức năng WEP, 802.1x, và WPA chỉ có thể được sử dụng nếu được mạng hỗ trợ.

WLAN security sett.—Nhập thông số cài đặt cho chế độ bảo mật đã chọn.

Cài đặt bảo mật cho **WEP**:

WEP key in use—Chọn mã khóa WEP. Bạn có thể tạo tối đa bốn khóa WEB. Thông số cài đặt cho thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây phải giống với các thông số này.

Authentication type—Chọn **Open** hoặc **Shared** cho kiểu xác nhận giữa điện thoại của bạn và thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây.

WEP key settings—Nhập **WEP encryption** (độ dài của khóa), **WEP key format** (**ASCII** hoặc **Hexadecimal**), và **WEP key** (dữ liệu khóa WEP theo định dạng đã chọn).

Cài đặt bảo mật cho **802.1x** và **WPA/WPA2**:

WPA mode—Chọn phương tiện xác nhận. **EAP** để sử dụng một plug-in giao thức xác nhận có thể mở rộng (EAP), hoặc **Pre-shared key** để sử dụng mật mã. Hoàn tất cài đặt thích hợp:

EAP plug-in settings (chỉ với **EAP**)—Nhập thông số cài đặt như hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

Pre-shared key (chỉ với **Pre-shared key**)—Nhập một mật mã. Mật mã nhập trên thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây cũng phải giống mật mã này.

TKIP encryption (chỉ với **WPA/WPA2**)—Chọn sử dụng hoặc không sử dụng Giao Thức Toàn Vẹn Khóa Thời Gian (TKIP).

Homepage—Xác định một trang chủ.

Chọn **Options > Advanced settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

IPv4 settings: Phone IP address (địa chỉ IP của điện thoại), **Subnet mask** (địa chỉ IP của mạng cấp dưới), **Default gateway** (cổng), và **DNS address**—nhập địa chỉ IP của server DNS chính và phụ. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để có các địa chỉ này.

IPv6 settings > DNS address—Chọn **Automatic**, **Well-known**, hoặc **User defined**.

Ad-hoc channel (chỉ với **Ad-hoc**)—Để nhập mã số kênh (1-11) bằng tay, chọn **User defined**.

Proxy serv. address—Xác định địa chỉ của server proxy.

Proxy port number—Nhập số cổng proxy.

Packet data (Dữ liệu gói)

Các cài đặt dữ liệu gói ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng kết nối truyền dữ liệu.

Packet data conn.—Nếu bạn chọn **When available** và bạn đang ở trong mạng có hỗ trợ dữ liệu gói, điện thoại sẽ đăng ký vào mạng để truyền dữ liệu. Việc bắt đầu một kết nối dữ liệu gói hiện hành (ví dụ để gửi và nhận e-mail) sẽ được thực hiện nhanh hơn. Nếu không nằm trong vùng phủ sóng của dịch vụ dữ liệu, điện thoại sẽ tìm cách khởi tạo

một kết nối dữ liệu gói theo định kỳ. Nếu bạn chọn **When needed**, điện thoại sẽ chỉ sử dụng kết nối truyền dữ liệu khi nào bạn kích hoạt một ứng dụng hay tác vụ cần đến kết nối này.

Access point—Cần có tên điểm truy cập để sử dụng điện thoại như một modem truyền dữ liệu cho máy tính.

Wireless LAN (Mạng LAN không dây)

Show availability—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị biểu tượng  khi có một mạng LAN không dây.

Scan for networks—Nếu bạn cài **Show availability** là **Yes**, chọn chu kỳ mà điện thoại sẽ dò tìm mạng LAN không dây và cập nhật chỉ báo này.

Để xem các cài đặt nâng cao, chọn **Options > Advanced settings**. Bạn không nên thay đổi cài đặt nâng cao của mạng LAN không dây.

Configs.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt server tin cậy từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng một tin nhắn cấu hình, hoặc các thông số này có thể đã được lưu trong thẻ SIM hoặc thẻ USIM. Bạn có thể lưu các thông số cài đặt này vào điện thoại, xem, hoặc xóa các thông số này trong **Configs..**

SIP settings (Cài đặt SIP)

Cài đặt SIP (Giao Thức Khởi Tạo Phiên Họp) cần cho một số dịch vụ mạng nhất định sử dụng SIP, chẳng hạn như chia sẻ video. Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Bạn có thể xem, xóa, hoặc tạo các cấu hình cài đặt này trong **SIP settings**.



Date and time (Cài đặt ngày giờ)

Xem phần “**Clock settings (Cài đặt đồng hồ)**”, trên trang 4, và mục cài đặt ngôn ngữ trong phần “**General**”, trên trang 100.



Security (Cài đặt bảo mật)

Phone and SIM (Điện thoại và thẻ SIM)

PIN code request—Khi kích hoạt tính năng này, bạn sẽ phải nhập mã PIN mỗi lần bật điện thoại. Một số thẻ SIM có thể không cho phép tắt tính năng yêu cầu mã số nhận dạng cá nhân (PIN). Xem phần “**Thuật ngữ mã PIN và mã khóa**”, trên trang 108.

PIN code, **PIN2 code**, và **Lock code**—Bạn có thể thay đổi mã khóa, mã PIN và mã PIN2. Các mã này có thể chỉ gồm các số từ 0 đến 9. Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn hoặc Trung Tâm Chăm Sóc Khách Hàng của Nokia. Xem phần “**Thuật ngữ mã PIN và mã khóa**”, trên trang 108.

Tránh sử dụng mã truy cập tương tự với các số khẩn cấp để tránh việc tình cờ quay số khẩn cấp.

Autolock period—Bạn có thể cài khoảng thời gian tự động khóa, thời gian chờ mà sau đó điện thoại sẽ tự động khóa lại. Để tắt thời gian tự động khóa, chọn **None**.

Để mở khóa điện thoại, nhập mã khóa vào.

Khi điện thoại bị khóa, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.



Mẹo! Để khóa điện thoại theo cách thủ công, bấm **(*)**. Danh sách các lệnh sẽ mở ra. Chọn **Lock phone**.

Lock if SIM changed—Bạn có thể cài điện thoại yêu cầu nhập mã khóa khi có thẻ SIM không rõ nguồn gốc được lắp vào điện thoại. Điện thoại quản lý một danh sách các thẻ SIM được xem là thẻ của chủ điện thoại.

Closed user group—Bạn có thể xác định nhóm người mà bạn có thể gọi điện cho họ hoặc ngược lại (dịch vụ mạng).

Mặc dù các cuộc gọi bị giới hạn trong các nhóm gọi nội bộ, bạn vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến các số khẩn cấp được lập trình trong máy.

Confirm SIM services—Bạn có thể cài điện thoại hiển thị các thông báo xác nhận khi bạn đang sử dụng dịch vụ trên thẻ SIM (dịch vụ mạng).

Thuật ngữ mã PIN và mã khóa

Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn hoặc Trung Tâm Chăm Sóc Khách Hàng của Nokia.

Mã số nhận diện cá nhân (PIN)—Mã này dùng để bảo vệ thẻ SIM không bị sử dụng trái phép. Mã PIN (4 đến 8 chữ số) thường được cấp cùng với thẻ SIM. Sau khi nhập sai mã PIN ba lần liên tiếp, mã PIN sẽ bị khóa lại, và bạn cần có mã PUK để mở khóa.

Mã UPIN—Mã này được cung cấp cùng với thẻ USIM. Thẻ USIM là một phiên bản nâng cao của thẻ SIM và được hỗ trợ bởi các điện thoại di động sử dụng mạng UMTS.

Mã PIN2—Mã này (4 đến 8 chữ số) được cung cấp cùng với thẻ SIM, và cần để truy cập vào một số chức năng trong điện thoại.

Mã khóa (còn được gọi là mã bảo vệ)—Mã này (5 chữ số) có thể được sử dụng để khóa điện thoại, ngăn không cho sử dụng điện thoại trái phép. Giá trị cài đặt gốc của mã khóa là **12345**. Để tránh việc điện thoại của bạn bị sử dụng trái phép, hãy thay đổi mã khóa này. Giữ kỹ mã mới ở nơi an toàn tách biệt với điện thoại. Nếu bạn quên mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn hoặc Trung Tâm Chăm Sóc Khách Hàng của Nokia.

Mã số Mở khóa Cá nhân (PUK) và mã PUK2—Các mã này (8 chữ số) sẽ cần để thay đổi mã PIN hoặc mã PIN2 bị khóa tương ứng. Nếu các mã này không được cấp cùng với thẻ SIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ SIM bạn đang dùng.

Mã UPUK—Mã này (8 chữ số) cần để thay đổi mã UPIN bị khóa. Nếu mã này không được cấp cùng với thẻ USIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ USIM bạn đang dùng.

Certif. management (Quản lý chứng chỉ)

Các chứng chỉ kỹ thuật số không phải là sự bảo đảm an toàn, chứng chỉ được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của phần mềm.

Trong giao diện quản lý chứng chỉ, bạn sẽ thấy một danh sách các chứng chỉ hợp lệ được lưu trong điện thoại của bạn. Bấm  để xem danh sách các chứng chỉ cá nhân nếu có.

Bạn nên sử dụng các chứng chỉ kỹ thuật số nếu bạn muốn kết nối với một ngân hàng trực tuyến hoặc địa chỉ trang web hoặc server từ xa khác để thực hiện các giao dịch liên quan đến việc chuyển giao các thông tin mật. Bạn nên sử dụng các chứng chỉ này nếu bạn muốn giảm bớt rủi ro do virus hoặc phần mềm phá hoại khác, đồng thời để chắc chắn về tính xác thực của phần mềm khi cần tải về và khi cài đặt phần mềm.

 **Chú ý:** Ngay cả khi việc sử dụng các chứng chỉ này không an toàn khi kết nối từ xa và việc cài đặt phần mềm tương đối nhỏ, chúng vẫn phải được dùng đúng cách để có thể tận dụng lợi ích có được từ các tính năng an toàn nâng cao. Các chứng chỉ này tự bản thân chúng không cung cấp các tính năng bảo mật; mục quản lý chứng chỉ phải chứa các chứng chỉ chính xác, xác thực hoặc đáng tin cậy để đảm bảo cải thiện tính an toàn khả dụng. Các chứng chỉ đều có thời hạn sử dụng. Nếu thông báo **Expired certificate** hoặc **Certificate not valid yet** hiển thị, ngay cả khi chứng chỉ của bạn vẫn còn hợp lệ, bạn cần kiểm tra lại xem ngày giờ trên máy có được cài đúng không.

Xem chi tiết chứng chỉ—kiểm tra tính xác thực

Bạn chỉ có thể chắc chắn về danh tính hợp lệ của server khi chữ ký và thời hạn hiệu lực chứng chỉ của máy chủ được kiểm tra.

Bạn sẽ được thông báo nếu nhận diện server không được xác thực hoặc nếu bạn không có chứng chỉ bảo vệ thích hợp trong điện thoại.

Để kiểm tra chi tiết chứng chỉ, di chuyển đến một chứng chỉ, và chọn **Options** > **Certificate details**. Khi bạn mở xem chi tiết của chứng chỉ, tính hợp lệ của chứng chỉ sẽ được kiểm tra, và một trong số các thông báo sau đây có thể xuất hiện:

- **Certificate not trusted**—Bạn chưa cài đặt bất kỳ ứng dụng nào để sử dụng chứng chỉ này. Xem phần [“Thay đổi cài đặt về độ tin cậy”](#), trên trang 109.
- **Expired certificate**—Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn đã kết thúc.
- **Certificate not valid yet**—Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn chưa bắt đầu.
- **Certificate corrupted**—Không thể sử dụng chứng chỉ. Liên hệ với nơi cấp chứng chỉ.

Thay đổi cài đặt về độ tin cậy

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt chứng chỉ nào, bạn cần đảm bảo rằng bạn thật tin người sở hữu

chúng chỉ và chúng chỉ này thật sự thuộc sở hữu của người được liệt kê trong danh sách.

Di chuyển đến một chúng chỉ hợp lệ, và chọn **Options > Trust settings**. Tùy theo loại chúng chỉ được chọn, một danh sách các ứng dụng có thể dùng đến chúng chỉ này sẽ được hiển thị. Ví dụ:

- **Symbian installation: Yes**—Chúng chỉ có thể xác nhận nguồn gốc của một ứng dụng hệ điều hành Symbian mới.
- **Internet: Yes**—Chúng chỉ có thể chứng nhận các server.
- **App. installation: Yes**—Chúng chỉ có thể chứng nhận nguồn gốc của ứng dụng Java™ mới.

Chọn **Options > Edit trust setting** để thay đổi giá trị.

Mô-đun bảo mật

Để xem hoặc chỉnh sửa một mô-đun bảo mật (nếu có) ở chế độ **Secur. mod.**, di chuyển đến mô-đun bảo mật này, và bấm phím điều khiển. Để xem thông tin chi tiết về một mô-đun bảo mật, di chuyển đến mô-đun bảo mật này, và chọn **Options > Security details**.



Call divert (Chuyển hướng cuộc gọi)

Call divert cho phép bạn chuyển hướng các cuộc gọi đến vào hộp thư thoại hoặc một số điện thoại khác. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Chọn cuộc gọi bạn muốn chuyển hướng và tùy chọn chuyển hướng. Để chuyển hướng các cuộc gọi thoại khi máy bận hoặc khi bạn từ chối cuộc gọi đến, chọn **If busy**. Bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) chức năng chuyển hướng, hoặc kiểm tra xem chức năng này có được kích hoạt không (**Check status**).

Bạn có thể khởi động nhiều tùy chọn chuyển hướng cùng một lúc. Khi tất cả cuộc gọi được chuyển hướng, biểu tượng  sẽ hiển thị ở chế độ chờ.

Bạn không thể sử dụng chức năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.



Call barring (Chặn cuộc gọi)

Chức năng **Call barring** (dịch vụ mạng) cho phép bạn hạn chế cuộc gọi đi hoặc nhận cuộc gọi đến. Để thay đổi những cài đặt này, bạn cần mật mã chặn cuộc gọi do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Chọn tùy chọn chặn cuộc gọi bạn muốn và bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) chức năng này hoặc kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt chưa (**Check status**). **Call barring** sẽ ảnh hưởng đến tất cả các cuộc gọi, bao gồm các cuộc gọi dữ liệu.

Bạn không thể sử dụng chức năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.

Khi các cuộc gọi bị hạn chế, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.



Network (Mạng)

Điện thoại của bạn có thể tự động chuyển đổi giữa các mạng GSM và UMTS. Mạng GSM được chỉ báo bằng  khi ở chế độ chờ. Mạng UMTS được chỉ báo bằng **3G**.

Network mode (chỉ hiển thị nếu được nhà điều hành mạng hỗ trợ)—Chọn mạng để sử dụng. Nếu bạn chọn **Dual mode**, điện thoại sẽ tự động chọn mạng GSM hoặc UMTS tùy thuộc vào các thông số mạng và thỏa thuận hòa mạng giữa các nhà điều hành mạng. Liên hệ với nhà điều hành mạng để biết thêm chi tiết.

Operator selection—Chọn **Automatic** để cài điện thoại tìm và chọn một trong các mạng hiện có, hoặc **Manual** để chọn mạng trong danh sách mạng theo cách thủ công. Nếu việc kết nối vào mạng bạn tự chọn không thành công, điện thoại sẽ báo lỗi và yêu cầu bạn chọn lại mạng. Mạng được chọn để kết nối phải được thỏa thuận chuyển vùng với mạng bạn đăng ký, nghĩa là, nhà điều hành mạng là người cung cấp thẻ SIM bạn đang sử dụng.



Chú giải: Thỏa thuận hòa mạng là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ mạng cho phép người sử dụng dịch vụ của một nhà cung cấp dịch vụ sử dụng dịch vụ của những nhà cung cấp dịch vụ khác.

Cell info display—Chọn **On** để cài điện thoại chỉ báo khi điện thoại được sử dụng trong mạng di động dựa trên công nghệ mạng MCN và để nhận thông tin về mạng này.



Enhancement (Phụ kiện)

Ở chế độ chờ, biểu tượng  cho biết có một tai nghe tương thích được kết nối, và  cho biết không có tai nghe, hoặc kết nối Bluetooth với tai nghe bị mất.  cho biết có một thiết bị trợ thính được kết nối.

và  cho biết có một **Text phone** tương thích được kết nối.

Chọn **Headset**, **Loopset**, **Text phone**, **Bluetooth handsfree**, hoặc **Car kit** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Default profile—Cài cấu hình bạn muốn kích hoạt mỗi khi kết nối một phụ kiện tương thích nào đó với điện thoại. Xem phần “**Profiles (Cấu hình)—cài âm báo**”, trên trang 97.

Automatic answer—Cài điện thoại tự động trả lời cuộc gọi đến sau 5 giây. Nếu kiểu chuông được cài là **Beep once** hoặc **Silent**, chức năng trả lời tự động sẽ bị vô hiệu. Chức năng trả lời tự động không khả dụng với **Text phone**.

Lights—Cài duy trì đèn bật, hoặc tắt đèn sau một khoảng thời gian chờ. Cài đặt này không khả dụng cho tất cả các phụ kiện.

Nếu bạn muốn sử dụng **Text phone**, bạn phải kích hoạt chức năng này trên điện thoại. Bấm , và chọn **Tools > Settings > Enhancement > Text phone > Use text phone > Yes**.



Lệnh thoại

Bạn có thể sử dụng lệnh thoại để điều khiển điện thoại của bạn. Để biết thêm thông tin về các lệnh thoại được điện thoại hỗ trợ, xem phần “**Lệnh thoại**”, trên trang 62.

Để kích hoạt lệnh thoại khởi động ứng dụng hoặc cấu hình, bạn phải mở ứng dụng **Voice cm.** và thư mục **Profiles** của ứng dụng này. Bấm , và chọn **Tools > Voice cm. > Profiles**; điện thoại sẽ tạo khẩu lệnh cho ứng dụng và cấu hình. Để sử dụng lệnh thoại cải tiến, bấm và giữ  ở chế độ chờ, và đọc lệnh thoại. Lệnh thoại là tên của ứng dụng hoặc cấu hình được hiển thị trong danh sách.

Để thêm ứng dụng vào danh sách, chọn **Options > New application**. Để thêm lệnh thoại thứ hai được sử dụng để khởi động ứng dụng, chọn **Options > Change command**, và nhập lệnh thoại mới vào dưới dạng văn bản. Tránh sử dụng các tên quá ngắn, từ rút ngắn và từ viết tắt.

Để nghe khẩu lệnh tổng hợp, chọn **Options > Playback**.

Để thay đổi cài đặt lệnh thoại, chọn **Options** > **Settings**. Để tắt bộ tổng hợp phát lại các khẩu lệnh và lệnh thoại bằng ngôn ngữ điện thoại được chọn, chọn **Synthesiser** > **Off**. Để cài lại chức năng học nhận biết giọng nói, ví dụ như khi người sử dụng chính của điện thoại đã thay đổi, chọn **Reset voice adapts**..



Quản lý ứng dụng

Bấm , và chọn **Tools** > **App. mgr.**. Bạn có thể cài đặt hai loại ứng dụng và phần mềm vào điện thoại:

- Ứng dụng J2ME™ dựa trên công nghệ Java có phần mở rộng là .jad hoặc .jar ().
- Các ứng dụng và phần mềm khác tương thích với hệ điều hành Symbian (). Các tập tin cài đặt có phần mở rộng .sis . Chỉ cài đặt phần mềm được thiết kế dành riêng cho Nokia N80. Nhà cung cấp phần mềm sẽ luôn đề cập đến số hiệu chính thức của sản phẩm: Nokia N80-1.

Bạn có thể nhận các tập tin cài đặt từ máy tính tương thích về điện thoại, được tải về trong khi trình duyệt, hoặc được gửi cho bạn dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dưới dạng tập tin đính kèm e-mail, hoặc qua kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Bạn có thể sử dụng Nokia Application Installer trong bộ Nokia PC Suite để cài đặt một ứng dụng cho điện thoại. Nếu bạn sử dụng Microsoft Windows Explorer để truyền một tập tin, lưu tập tin này vào một thẻ nhớ tương thích (ổ đĩa nội bộ).

Cài đặt phần mềm và ứng dụng

Biểu tượng  cho biết một ứng dụng .sis,  ứng dụng Java,  ứng dụng chưa được cài đầy đủ, và  cho biết ứng dụng được cài trên thẻ nhớ.

 **Chú ý:** Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Trước khi cài đặt, lưu ý các điểm sau:

- Để xem loại ứng dụng, số phiên bản, và nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất ứng dụng, chọn **Options** > **View details**.

- Để hiển thị chi tiết chứng chỉ bảo mật của ứng dụng, chọn **Options > View certificate**. Xem phần “**Certif. management (Quản lý chứng chỉ)**”, trên trang 108.
 - Nếu bạn cài đặt tập tin có chứa phiên bản cập nhật hoặc bản sửa lỗi cho ứng dụng hiện tại, bạn chỉ có thể khôi phục lại ứng dụng gốc nếu bạn có tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm ứng dụng đã gỡ bỏ. Để khôi phục ứng dụng gốc, gỡ bỏ ứng dụng và cài đặt lại ứng dụng từ tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng.
 - Bạn sẽ cần đến tập tin .jar để cài đặt ứng dụng Java. Nếu không có, điện thoại sẽ yêu cầu bạn tải tập tin này về. Nếu không có điểm truy cập nào được xác nhận cho ứng dụng, bạn sẽ được yêu cầu chọn một điểm truy cập. Trong quá trình tải tập tin .jar về, bạn cần phải nhập tên thuê bao và mật mã để truy cập vào server. Nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp ứng dụng sẽ cung cấp cho bạn tên thuê bao và mật mã.
- 1 Để định vị một tập tin, bấm , và chọn **Tools > App. mgr.**. Cách khác, tìm kiếm trên bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ tương thích (nếu có) bằng chức năng **File mgr.**, hoặc mở một tin nhắn trong **Messag. > Inbox** có chứa một tập tin cài đặt.

- 2 Trong menu **App. mgr.**, chọn **Options > Install**. Trong các ứng dụng khác, di chuyển đến tập tin cài đặt, và bấm  để bắt đầu cài đặt. Trong khi cài đặt, điện thoại sẽ hiển thị thông tin liên quan đến tiến trình cài đặt. Nếu bạn cài đặt ứng dụng không có chữ ký kỹ thuật số hoặc chứng chỉ, điện thoại sẽ hiển thị một cảnh báo. Bạn chỉ tiếp tục cài đặt nếu bạn đã chắc chắn nguồn gốc và nội dung ứng dụng.

Để khởi động một ứng dụng đã cài đặt, định vị ứng dụng này trong menu và bấm .

Để kết nối mạng và xem thông tin bổ sung về ứng dụng, chọn **Options > Go to web address**, nếu có.

Để xem gói phần mềm ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ và được thực hiện khi nào, chọn **Options > View log**.

Để gửi nhật ký cài đặt của bạn đến trung tâm trợ giúp để họ có thể biết ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ, chọn **Options > Send log > Via text message** hoặc **Via e-mail** (chỉ có nếu địa chỉ e-mail được cài đặt đúng).



Chú ý: Điện thoại của bạn chỉ có thể hỗ trợ một ứng dụng chống virus. Việc sử dụng nhiều ứng dụng có chức năng chống virus có thể ảnh hưởng đến hoạt động của điện thoại hoặc làm cho điện thoại ngừng hoạt động.

Gỡ bỏ ứng dụng và phần mềm

Di chuyển đến một gói phần mềm, và chọn **Options > Remove**. Chọn **Yes** để xác nhận.

Nếu bạn gỡ bỏ phần mềm, bạn chỉ có thể cài đặt lại phần mềm này nếu bạn có bộ phần mềm gốc hoặc một bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm bị gỡ bỏ. Nếu bạn gỡ bỏ bộ phần mềm, bạn sẽ không mở được tài liệu được tạo bằng phần mềm đó.

Nếu có bộ phần mềm khác phụ thuộc vào phần mềm bị gỡ bỏ, bộ phần mềm đó có thể không hoạt động được nữa. Tham khảo tài liệu về bộ phần mềm để biết chi tiết.

Cài đặt

Chọn **Options > Settings** và các tùy chọn sau:

Online certif. check—Chọn để kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến trước khi cài đặt ứng dụng.

Default web address—Cài địa chỉ mặc định được sử dụng khi kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến.

Một số ứng dụng Java có thể yêu cầu thực hiện cuộc gọi, gửi tin nhắn, hoặc kết nối mạng đến điểm truy cập được chỉ định để tải về các dữ liệu hoặc thành phần bổ sung. Trong cửa sổ chính của **App. mgr.**, di chuyển đến một ứng dụng, và chọn **Options >**

Suite settings để thay đổi các cài đặt liên quan đến ứng dụng cụ thể đó.



Mã khóa kích hoạt cho các tập tin được bảo hộ bản quyền

Để xem các mã khóa kích hoạt bản quyền kỹ thuật số được lưu trong máy, bấm , và chọn **Tools > Activ. keys** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Valid keys—Xem các mã khóa được kết nối với một hoặc nhiều tập tin media và những mã khóa chưa có hiệu lực.

Invalid keys—Xem những mã khóa không hợp lệ; đã vượt quá thời gian sử dụng tập tin media hoặc có tập tin media trên máy nhưng không có mã khóa kích hoạt được nối với tập tin này.

Not in use—Xem những mã khóa không được kết nối với tập tin media nào trên máy.

Để mua thêm thời gian sử dụng hoặc gia hạn thời gian sử dụng tập tin media, chọn một mã khóa kích hoạt đã hết hiệu lực và chọn **Options > Activate content**. Các mã khóa kích hoạt không thể cập nhật được nếu chức năng nhận tin nhắn dịch vụ Web bị

tắt. Xem phần “[Tin nhắn dịch vụ Web](#)”, trên trang [49](#).

Để xem thông tin chi tiết, chẳng hạn như tình trạng hiệu lực và khả năng gửi tập tin, di chuyển đến một mã khóa kích hoạt, và bấm .

Giải quyết sự cố: Hỏi & Đáp

Mã truy cập

Hỏi: Các mã khóa, mã PIN và mã PUK là gì?

Đáp: Mã khóa mặc định là **12345**. Nếu bạn quên hoặc làm mất mã khóa, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn hoặc Trung Tâm Chăm Sóc Khách Hàng của Nokia.

Nếu bạn quên hoặc làm mất mã PIN hoặc mã PUK, hoặc nếu bạn không nhận được các mã này, hãy liên hệ với nhà điều hành mạng.

Để biết thêm thông tin về mật mã, liên hệ với nhà cung cấp điểm truy cập, ví dụ nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP), nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

Ứng dụng bị treo

Hỏi: Làm thế nào để đóng một ứng dụng đang bị treo?

Đáp: Để mở ứng dụng chuyển cửa sổ, bấm và giữ . Di chuyển đến ứng dụng, và bấm  để đóng ứng dụng.

Khả năng kết nối Bluetooth

Hỏi: Tại sao tôi không tìm thấy máy của bạn tôi?

Đáp: Kiểm tra xem cả hai thiết bị đã kích hoạt kết nối Bluetooth chưa.
Hãy kiểm tra xem khoảng cách giữa hai thiết bị có vượt quá 10 mét (33 bộ) và giữa chúng có các bức

tường chắn hoặc chướng ngại vật nào không.
Kiểm tra xem thiết bị cần kết nối có ở chế độ ẩn hay không.
Kiểm tra xem cả hai thiết bị có tương thích không.

Hỏi: Vì sao tôi không thể ngắt kết nối Bluetooth?

Đáp: Nếu có một thiết bị khác kết nối với điện thoại, bạn có thể ngắt kết nối từ thiết bị đó hoặc ngưng kích hoạt kết nối Bluetooth. Chọn **Connect**. > **Bluetooth** > **Off**.

Các dịch vụ trình duyệt

Hỏi: Tôi phải làm gì nếu gặp thông báo sau: **No valid access point defined. Define one in Services settings**?

Đáp: Hãy nhập các thông số cài đặt trình duyệt phù hợp. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được hướng dẫn thêm.

Camera

Hỏi: Vì sao hình ảnh có vẻ lem nhem?

Đáp: Tháo miếng nhựa bảo vệ màn hình và camera.
Kiểm tra xem cửa sổ bảo vệ ống kính camera có sạch không.

Màn hình

Hỏi: Vì sao có hiện tượng thiếu, phai màu, hay có các chấm sáng xuất hiện trên màn hình mỗi khi tôi bật điện thoại của tôi?

Đáp: Đây là một đặc tính của loại màn hình này. Một số màn hình có thể chứa các điểm ảnh hoặc dấu chấm đang nhấp nháy. Đây là điều bình thường, không phải lỗi màn hình.

Mạng gia đình (UPnP)

Hỏi: Tại sao thiết bị khác không nhìn thấy các tập tin lưu trên điện thoại của tôi?

Đáp: Đảm bảo rằng bạn đã cấu hình cài đặt mạng chủ, **Content sharing** được bật trên điện thoại của bạn, và thiết bị khác tương thích với UPnP.

Nhật ký

Hỏi: Vì sao trong nhật ký trống?

Đáp: Có thể bạn đã dùng chức năng lọc, và không có sự kiện liên lạc nào gửi đến máy bạn thỏa mãn điều kiện lọc mà bạn đã chọn. Để xem tất cả các sự kiện, chọn **My own > Log > Options > Filter > All communication**.

Không đủ bộ nhớ

Hỏi: Tôi có thể làm gì nếu điện thoại của tôi thiếu bộ nhớ?

Đáp: Bạn có thể thường xuyên xóa một số mục dữ liệu để tránh tình trạng thiếu hụt bộ nhớ:

- Các tin nhắn trong các thư mục **Inbox**, **Drafts**, và **Sent** trong **Messag**.
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang trình duyệt đã lưu
- Hình ảnh và hình chụp trong **Gallery**

Để xóa thông tin liên lạc, ghi chú lịch, thời gian gọi, cước cuộc gọi, điểm trò chơi hoặc bất kỳ dữ liệu nào khác, hãy vào ứng dụng tương ứng để xóa dữ liệu. Nếu bạn xóa nhiều mục dữ liệu cùng lúc và gặp phải một trong các thông báo sau: **Not enough memory to perform operation. Delete some data first.** hoặc **Memory low. Delete some data.**, hãy xóa lần lượt từng mục (bắt đầu từ mục nhỏ nhất).

Hỏi: Tôi phải làm cách nào để lưu dữ liệu trước khi xóa chúng?

Đáp: Bạn có thể lưu dữ liệu bằng một trong các cách sau:

- Sử dụng bộ Nokia PC Suite để tạo bản dự phòng cho tất cả các dữ liệu vào máy tính tương thích.
- Gửi hình ảnh đến địa chỉ e-mail của bạn, sau đó lưu hình ảnh vào máy tính của bạn.
- Sử dụng kết nối Bluetooth để chuyển dữ liệu đến một thiết bị tương thích.
- Lưu dữ liệu trên thẻ nhớ tương thích.

Nhắn tin

Hỏi: Vì sao tôi không thể chọn một số liên lạc?

Đáp: Thẻ liên lạc có thể không có một số điện thoại hay một địa chỉ e-mail. Hãy thêm các thông tin còn thiếu này vào thẻ liên lạc trong **Contacts**.

Nhắn tin đa phương tiện

Hỏi: Tôi nên làm gì nếu điện thoại không thể nhận tin nhắn đa phương tiện vì bộ nhớ đã đầy?

Đáp: Dung lượng bộ nhớ cần thiết sẽ được chỉ báo trong thông báo lỗi: **Not enough memory to retrieve message. Delete some data first.** Để xem loại dữ liệu bạn đang có và dung lượng bộ nhớ đã dùng cho từng nhóm dữ liệu, chọn **File manager > Options > Memory details**.

Hỏi: Ghi chú **Retrieving message** sẽ được hiển thị nhanh trên màn hình. Chuyện gì đang xảy ra?

Đáp: Điện thoại đang cố nhận tin nhắn đa phương tiện về từ trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Kiểm tra xem cài đặt tin nhắn đa phương tiện được xác nhận đúng chưa và không có lỗi nào trong phần nhập số điện thoại và địa chỉ. Chọn **Messaging > Options > Settings > Multim. msg.**

Hỏi: Làm thế nào để ngắt kết nối dữ liệu khi điện thoại cứ lặp đi lặp lại phiên kết nối?

Đáp: Để ngăn máy thực hiện kết nối dữ liệu, chọn **Messaging** và chọn một trong các tùy chọn sau: **On receiving msg. > Defer retrieval**—Để trung tâm nhắn tin đa phương tiện lưu lại tin nhắn để tải về sau, ví dụ sau khi bạn đã kiểm tra các cài đặt. Sau thay đổi này, điện thoại vẫn cần gửi các ghi chú thông tin về mạng. Để tải tin nhắn về ngay, chọn **Retr. immediately**.

On receiving msg. > Reject message—Để từ chối tất cả các tin nhắn đa phương tiện gửi đến. Sau thay đổi này, điện thoại vẫn cần gửi thông tin về mạng và trung tâm nhắn tin đa phương tiện sẽ xóa tất cả tin nhắn đa phương tiện đang chờ gửi cho bạn.

Multimedia receipt. > Off—Để bỏ qua tất cả các tin nhắn đa phương tiện được gửi đến. Sau thay đổi này, điện thoại sẽ không thực hiện bất kỳ kết nối mạng nào liên quan đến nhắn tin đa phương tiện.

Kết nối với máy PC

Hỏi: Vì sao tôi không thể thiết lập kết nối điện thoại với máy PC?

Đáp: Bạn cần đảm bảo rằng bộ Nokia PC Suite đã được cài đặt và đang hoạt động trên máy PC. Xem hướng dẫn sử dụng Nokia PC Suite trên đĩa CD-ROM. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng Nokia PC Suite, xem phần trợ giúp trên Nokia PC Suite hoặc vào trang hỗ trợ www.nokia-asia.com.

Mạng LAN không dây

Hỏi: Tại sao tôi không thể nhìn thấy điểm truy cập mạng LAN không dây (WLAN) mặc dù tôi biết là tôi đang ở trong phạm vi của mạng này?

Đáp: Có thể điểm truy cập mạng WLAN sử dụng tên nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) ẩn. Bạn chỉ có thể truy cập vào các mạng sử dụng một SSID ẩn nếu bạn biết chính xác SSID và đã tạo một điểm truy cập Internet WLAN cho mạng này trên điện thoại Nokia của bạn.

Hỏi: Làm thế nào để tắt mạng LAN (WLAN) trên điện thoại Nokia của tôi?

Đáp: Mạng WLAN trên điện thoại Nokia của bạn sẽ tắt khi không cố kết nối, hoặc không được kết nối với điểm truy cập khác, hoặc dò tìm các mạng hiện có. Để giảm mức tiêu thụ pin hơn nữa, bạn có thể chọn điện thoại Nokia không dò tìm, hoặc dò tìm không thường xuyên những mạng hiện có chạy ẩn. WLAN sẽ tắt ở giữa các chế độ dò ẩn.

Để thay đổi cài đặt chức năng dò ẩn:

- 1 Bấm , và chọn **Tools > Settings > Connection > Wireless LAN**.
- 2 Đổi giá trị của **Show availability** thành **Never** để ngừng quét ẩn, hoặc tăng khoảng thời gian quét ẩn trong **Scan for networks**.
- 3 Để lưu thay đổi, bấm **Back**.

Khi **Scan for networks** được cài là **Never**, biểu tượng tính khả dụng của mạng WLAN sẽ không hiển thị ở chế độ chờ. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể quét theo cách thủ công để tìm những mạng WLAN khả dụng, và kết nối vào các mạng WLAN như bình thường.

Thông tin về pin

Sạc và Xả pin

Điện thoại được cấp điện bằng một loại pin có thể sạc lại được. Lưu ý rằng pin mới chỉ nạp đầy điện sau hai hoặc ba lần sạc và xả pin. Pin có thể được sạc và xả hàng trăm lần nhưng cuối cùng cũng sẽ hư. Khi thời gian thoại và thời gian chờ ngắn hơn bình thường, đó là lúc bạn cần thay pin mới. Chỉ sử dụng pin và bộ sạc được Nokia phê chuẩn và được thiết kế cho riêng kiểu điện thoại này.

Nếu pin thay thế được sử dụng lần đầu tiên hoặc nếu pin không được sử dụng trong một thời gian dài, có thể cần phải nối bộ sạc sau đó ngắt và nối lại để bắt đầu sạc pin.

Rút dây bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện và điện thoại khi không sử dụng. Không để pin đã nạp đầy kết nối với bộ sạc, do việc nạp quá mức có thể làm giảm tuổi thọ của pin. Nếu để pin sạc đầy nhưng không sử dụng thì pin sẽ tự xả theo thời gian.

Nếu pin hết hẳn thì phải mất vài phút trước khi chỉ báo sạc pin hiển thị trên màn hình hoặc trước khi thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào.

Chỉ sử dụng pin đúng mục đích. Không sử dụng bộ sạc hoặc pin đã bị hư.

Không nên để pin chạm mạch. Việc chạm mạch có thể bất ngờ xảy ra khi để một vật bằng kim loại ví dụ như đồng tiền, kẹp giấy hoặc bút bi tiếp xúc trực tiếp với cực dương (+) và cực âm (-) của pin. (Những vật này giống như mảnh kim loại trên pin.) Điều này có thể xảy ra, ví dụ như khi bạn mang pin dự phòng trong túi hoặc ví. Việc chạm mạch các cực pin có thể làm pin hoặc vật nổi hai cực hư.

Để pin trong môi trường nóng hoặc lạnh, chẳng hạn như trong xe đóng kín cửa vào mùa đông hoặc mùa hè sẽ làm giảm điện tích và độ bền của pin. Nên giữ pin luôn ở nhiệt độ khoảng từ 15°C đến 25°C (59°F đến 77°F). Điện thoại sẽ tạm ngừng hoạt động khi pin nóng hoặc lạnh, ngay cả khi pin được sạc đầy. Hoạt động của pin đặc biệt bị giới hạn ở nhiệt độ dưới đóng.

Không bỏ pin vào trong lửa vì pin có thể nổ. Pin cũng có thể phát nổ nếu bị hỏng. Bỏ pin theo quy định của địa phương. Tái chế lại pin nếu có thể. Không được bỏ pin như rác sinh hoạt.

Hướng dẫn xác thực pin Nokia

Luôn sử dụng các loại pin chính hãng Nokia để đảm bảo an toàn cho quý khách. Để chắc chắn sẽ mua được pin Nokia chính hãng, hãy mua pin tại đại lý ủy quyền của Nokia, và kiểm tra nhãn ảnh ba chiều bằng cách thực hiện theo các bước sau:

Việc thực hiện thành công đầy đủ các bước cũng không phải là sự bảo đảm hoàn toàn để xác thực pin chính hãng. Nếu quý khách có bất cứ lý do gì để nghi ngờ rằng pin của quý khách không phải là phụ kiện chính hãng Nokia, quý khách nên ngưng sử dụng ngay lập tức. Nếu quý khách không thể xác minh pin có phải là của chính hãng hay không, hãy trả lại pin cho nơi bán.

Xác thực ảnh ba chiều



1 Khi nhìn vào ảnh ba chiều trên nhãn, quý khách phải thấy được biểu tượng hai bàn tay kết nối của Nokia từ một góc độ nhất định và logo Phụ kiện Chính hãng Nokia khi nhìn từ góc độ khác.



2 Khi quý khách nghiêng ảnh ba chiều sang trái, phải, lên trên và xuống dưới, quý khách phải thấy được 1, 2, 3 và 4 chấm lần lượt trên mỗi cạnh.

Phải làm gì nếu pin của bạn không phải là chính hãng?

Nếu bạn không thể xác nhận pin Nokia của bạn qua hình nổi ba chiều trên nhãn là pin chính hãng Nokia, đề nghị bạn không sử dụng pin này. Hãy mang pin đến dịch vụ hoặc đại lý được ủy quyền gần nhất của Nokia để được giúp đỡ. Việc sử dụng pin không được nhà sản xuất phê chuẩn có thể gây nguy hiểm, hiệu năng hoạt động kém hoặc gây hại cho thiết bị và phụ kiện. Điều này cũng có thể làm mất hiệu lực của các phê chuẩn hay bảo hành đối với thiết bị.

Để biết thêm thông tin về các loại pin chính hãng Nokia, hãy vào trang www.nokia-asia.com/batterycheck.



Phụ kiện chính hãng Nokia

Một loạt phụ kiện hiện đang có sẵn cho điện thoại của bạn. Chọn các phụ kiện thích hợp với nhu cầu liên lạc của riêng mình. Danh sách các phụ kiện tương thích:

Âm thanh

Bộ Tai Nghe Âm Thanh Nổi	HS-3
Bộ Tai Nghe	HS-5
Bộ Tai Nghe Âm Thanh Nổi	HDS-3
Bộ Tai Nghe	HDB-4
Bộ Tai Nghe Âm Thanh Nổi	HS-20
Bộ Tai Nghe Hoạt Động	HS-8
Thiết bị nối Audio	AD-15
Bộ Tai Nghe Không Dây Clip-on	HS-21W
Bộ Tai Nghe Không Dây	HS-4W
Bộ Tai Nghe Không Dây	HDW-3
Bộ Tai Nghe Không Dây	HS-11W
Bộ Tai Nghe Hình Ảnh Không Dây	HS-13W
Bộ Tai Nghe Âm Thanh Nổi Không Dây	HS-12W
Bộ Tai Nghe Âm Thanh Nổi Không Dây	HS-34W

Bộ Tai Nghe Âm Thanh Nổi Không Dây	HS-36W
Bộ Tai Nghe Không Dây	HS-26W
Đế Nhạc	MD-1
Bộ Trợ Thính Cảm Ứng	LPS-4

Trên Xe

Bộ tai nghe có tựa đầu	BHF-3
Tai nghe trên xe Plug-in	HF-3
Tai nghe trên xe Plug-in Không dây	HF-6W
Bộ phụ kiện trên xe cao cấp	CK-7W
Bộ Phụ Kiện Trên Xe	CK-10
Giá đỡ đa năng	CR-39
Điện Thoại Trên Xe	N616
Bộ Sạc Di Động	DC-4

Dữ liệu

Thẻ Nhớ 128 MB miniSD	MU-17
Thẻ Nhớ 256 MB miniSD	MU-18
Thẻ Nhớ 512 MB miniSD	MU-23

Nhấn tin

Bàn phím không dây

SU-8W

Bút Kỹ thuật số

SU-1B

Điện nguồn

Bộ Sạc Gọn Nhẹ

AC-3

Một vài phụ kiện được mô tả chi tiết dưới đây.

Để biết thêm về các phụ kiện có sẵn, liên hệ với đại lý tại địa phương. Sau đây là một số hướng dẫn thực tế về cách sử dụng phụ kiện:

- Để phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.
- Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cảm vào phích cắm, không nên kéo dây.
- Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe xem đã được lắp và vận hành đúng chưa.

Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện do nhà sản xuất điện thoại kiểm duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Pin

Loại	Công nghệ	Thời gian thoại#	Thời gian chờ#
BL-5B	Li-Ion	Tối đa 225 phút (GSM) Tối đa 160 phút (WCDMA)	Tối đa 220 tiếng (GSM) Tối đa 240 tiếng (WCDMA)

Thời gian hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc thẻ SIM, các cài đặt mạng và sử dụng, cách thức và môi trường sử dụng.

Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W



Dễ sử dụng, đa năng, và thanh lịch: Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W là một giải pháp đàm thoại trực tiếp qua loa lý tưởng cho những người sẵn sàng bỏ tiền ra để có được một sản phẩm có giá trị.

Các tính năng chính:

- Phong cách cổ điển với công nghệ vô tuyến Bluetooth
- Móc tai co giãn có thể vừa với cả hai tai.
- Nút trả lời/kết thúc lớn, tiện lợi
- Dễ dàng điều chỉnh âm lượng - điều chỉnh các mức âm thanh một cách dễ dàng từ tai nghe

- Các chức năng điều chỉnh: trả lời/kết thúc cuộc gọi, quay số lại, kích hoạt quay số bằng giọng nói, tắt tiếng, điều chỉnh âm lượng, chuyển giữa chế độ điện thoại và đàm thoại trực tiếp qua loa
- Chọn giữa hai màu: trắng và đen
- Thời gian gọi tối đa 5 tiếng và thời gian chờ tối đa 150 tiếng

Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W



Bạn không cần phải tìm điện thoại nữa. Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W có chức năng đàm thoại trực tiếp qua loa trong một gói thuận tiện và dễ dàng sử dụng.

Các tính năng chính:

- Điều khiển đàm thoại trực tiếp qua loa không dây thuận tiện dùng cho điện thoại di động
- Nhẹ (chỉ 20 g) và thuận tiện để sử dụng cùng với vành tai có thể điều chỉnh được
- Thời gian gọi tối đa 6 tiếng và thời gian chờ tối đa 110 tiếng

Tai Nghe Nokia trên xe Plug-in Không dây HF-6W



Thoải mái khi lái xe trên đường với Tai nghe trên xe Plug-in không dây Nokia. Thiết bị nhỏ gọn này giao tiếp với điện thoại tương thích của bạn qua công nghệ vô tuyến Bluetooth trong phạm vi 10 mét. "Định vị nguồn

âm thanh" sử dụng bốn micro có khả năng chọn từ 19 hướng để định hướng phát nguồn âm thanh và loại bỏ nhiễu tạp âm từ những hướng khác. Hơn nữa, đây là thiết bị dễ cài đặt chỉ cần cắm vào ổ cắm bật lửa điện trên xe.

Các tính năng chính:

- Kết nối vô tuyến với điện thoại tương thích qua công nghệ Bluetooth.
- Công nghệ định vị nguồn âm thanh giúp giảm nhiễu tạp âm nền
- Trả lời và kết thúc cuộc gọi và điều chỉnh âm lượng bằng các phím tích hợp
- Cài đặt chỉ với một động tác: cắm vào ổ cắm bật lửa điện trên xe
- Cáp có thể thu gọn để nạp pin cho điện thoại khi đang di chuyển

Bàn Phím Không Dây Nokia SU-8W



Làm việc hiệu quả hơn với Bàn phím Không dây Nokia. Soạn e-mail, tin nhắn văn bản, hoặc ghi chú cuộc họp nhanh chóng và dễ dàng với bàn phím QWERTY đầy đủ chức năng. Với thiết kế gọn nhẹ, xếp lại được, Bàn phím Không dây Nokia thuận tiện trong việc sử dụng và mang theo, đồng thời là một công cụ hoàn hảo cho văn phòng không dây di động của bạn.

Các tính năng chính:

- Bàn phím QWERTY gọn nhẹ, xếp lại được
- Phím bật/tắt nguồn cộng với chức năng tự động tắt nguồn khi được xếp lại
- Các phím tắt dành cho chức năng nhắn tin và menu ứng dụng chính của điện thoại tương thích
- Kết nối vô tuyến với điện thoại tương thích (công nghệ vô tuyến Bluetooth)
- Đèn LED chỉ thị 3 tình huống: Bật/tắt nguồn, trạng thái kết nối không dây, tình trạng pin
- Được cấp nguồn bằng 2 pin AAA

Giữ gìn và Bảo trì

Điện thoại là sản phẩm được thiết kế cao cấp và tinh vi, vì vậy phải được giữ gìn cẩn thận. Những đề nghị sau đây sẽ giúp bạn thực hiện tốt các quy định bảo hành.

- Giữ điện thoại khô ráo. Chất kết tủa, độ ẩm và tất cả các loại chất lỏng hoặc ẩm ướt có chứa khoáng chất sẽ ăn mòn các mạch điện tử. Nếu điện thoại bị ẩm ướt, tháo pin ra khỏi điện thoại sấy thật khô trước khi lắp pin trở lại.
- Không nên sử dụng hoặc đặt điện thoại ở những nơi có bụi bẩn. Các bộ phận di động và các linh kiện điện tử của điện thoại có thể bị hư.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi khô nóng. Nhiệt độ cao có thể làm giảm độ bền của thiết bị điện tử, làm hư pin, cong hoặc chảy một số linh kiện nhựa.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi quá lạnh. Khi điện thoại trở về nhiệt độ bình thường của nó, hơi ẩm đọng lại trong điện thoại sẽ gây hư hỏng các bản mạch điện tử.
- Không tìm cách mở điện thoại khác với những điều chỉ dẫn trong sách hướng dẫn này.
- Không làm rơi, đập, hoặc lắc điện thoại. Việc dùng mạnh tay có thể làm hư các bản mạch điện tử bên trong điện thoại.

- Không sử dụng hóa chất mạnh, chất tẩy rửa, hoặc xà phòng đậm đặc để lau chùi điện thoại.
- Không được sơn điện thoại. Nước sơn có thể làm nghẽn các bộ phận di động và khiến điện thoại hoạt động không chính xác.
- Dùng miếng vải mềm, sạch và khô để lau chùi các ống kính, ví dụ như camera, bộ cảm biến khoảng cách, và bộ cảm biến ánh sáng.
- Chỉ sử dụng ăng-ten được cung cấp hoặc ăng-ten thay thế đã qua kiểm duyệt. Việc sửa đổi hoặc lắp ăng-ten không được kiểm duyệt có thể làm hư điện thoại và vi phạm các quy định về các dịch vụ vô tuyến.
- Sử dụng bộ sạc trong nhà.
- Luôn tạo bản dự phòng dữ liệu mà bạn muốn giữ lại (ví dụ như các số liên lạc và ghi chú lịch) trước khi gửi điện thoại của bạn đến dịch vụ sửa chữa.
- Để điện thoại hoạt động ở tình trạng tối ưu, thỉnh thoảng nên cài lại điện thoại bằng cách tắt điện thoại, và tháo pin ra. Lưu dự phòng tất cả các dữ liệu quan trọng.

Tất cả các đề nghị trên sẽ áp dụng chung cho điện thoại, pin, bộ sạc hoặc bất kỳ phụ kiện cài tiến nào. Nếu điện thoại không hoạt động, đem máy đến dịch vụ được ủy quyền gần nhất để được sửa chữa.

Thông tin bổ sung về sự an toàn

Điện thoại và các phụ kiện điện thoại có các linh kiện nhỏ. Giữ các phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.

Môi trường hoạt động

Phải tuân thủ các luật lệ đặc biệt hiện hành ở những nơi có qui định, và đồng thời phải luôn tắt điện thoại ở những nơi bị cấm sử dụng, hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm. Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí vận hành thông thường. Sản phẩm này đáp ứng các tiêu chuẩn tiếp xúc RF khi cầm ở vị trí thông thường gần tai hoặc cách xa cơ thể ít nhất 2.2 cm (7/8 inch). Khi sử dụng túi đeo, đai đeo, hoặc ngăn chứa để mang điện thoại bên mình, bạn cần đảm bảo các thiết bị này không chứa kim loại và cách xa cơ thể với khoảng cách nêu trên.

Để truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn, thiết bị này cần được kết nối với mạng một cách ổn định. Trong một số trường hợp, việc truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn có thể bị chậm trễ cho đến khi kết nối trên đạt được tính ổn định. Hãy đảm bảo các hướng dẫn về khoảng cách giữa các thiết bị trên được tuân thủ cho đến khi việc truyền dữ liệu hoàn tất.

Các bộ phận của điện thoại có từ tính. Những vật liệu bằng kim loại có thể bị hút bởi điện thoại. Không được đặt thẻ tín dụng hoặc các thiết bị lưu trữ có từ tính khác gần điện thoại vì thông tin được lưu trữ có thể bị xóa.

Thiết bị y tế

Khi sử dụng bất kỳ thiết bị vô tuyến nào, kể cả điện thoại di động, đều có thể gây nhiễu sóng một số chức năng của các thiết bị y tế vốn không được bảo vệ đúng mức. Tham vấn với bác sĩ hoặc nhà sản xuất thiết bị y tế để biết các thiết bị này có được bảo vệ khỏi năng lượng bức xạ sóng vô tuyến không hoặc nếu có bất kỳ thắc mắc nào khác. Tắt điện thoại ở trung tâm y tế khi có dán qui định hướng dẫn ở những nơi này. Bệnh viện hoặc các trung tâm y tế có thể sử dụng thiết bị nhạy với sóng vô tuyến.

Máy điều hòa nhịp tim

Các nhà sản xuất máy điều hòa nhịp tim khuyến nghị đặt điện thoại cầm tay vô tuyến cách máy điều hòa nhịp tim tối thiểu là 15.3 cm (6 inch) để tránh gây nhiễu sóng. Những khuyến nghị này là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập, đồng thời cũng là khuyến nghị của viện

Nghiên cứu Công nghệ Vô tuyến. Người đeo máy điều hòa nhịp tim nên:

- luôn giữ điện thoại cách máy điều hòa nhịp tim ít nhất 15.3 cm (6 inch).
- không để điện thoại trong túi áo ngực.
- nghe bằng tai đối diện với máy điều hòa nhịp tim để giảm thiểu nguy cơ nhiễu sóng.

Nếu bạn nghi ngờ bị nhiễu, hãy tắt điện thoại và cất đi.

Thiết bị trợ thính

Một số thiết bị vô tuyến kỹ thuật số có thể gây nhiễu sóng thiết bị trợ thính. Bạn có thể tham vấn với nhà cung cấp dịch vụ nếu bị nhiễu sóng.

Xe cộ

Một số tín hiệu vô tuyến có thể ảnh hưởng không tốt đến các hệ thống điện tử chưa được bảo vệ đúng mức hoặc lắp đặt không đúng trong các xe mô tô, ví dụ như hệ thống bơm xăng điện tử, hệ thống thắng chống trượt (chống xóc) điện tử, hệ thống kiểm soát tốc độ điện tử và hệ thống túi đệm khí. Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất hoặc người đại diện về bất kỳ thiết bị nào được gắn trên xe.

Chỉ những nhân viên có khả năng chuyên môn mới được sửa chữa điện thoại di động, hoặc lắp điện thoại trong xe. Lắp đặt sai hoặc sửa điện thoại không đúng có thể gây nguy hiểm và làm mất hiệu lực bảo hành cho sản phẩm. Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện

thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa. Không lưu trữ hoặc chuyên chở các chất lỏng dễ cháy, gas hoặc chất nổ chung với điện thoại, các phụ kiện cài tiến hoặc phụ tùng điện thoại. Đối với xe hơi có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khí khi nổ sẽ tạo ra một lực lớn. Không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí hoặc khu vực sử dụng túi đệm khí. Nếu thiết bị vô tuyến trên xe không được lắp đặt đúng thì khi túi đệm khí nổ có thể gây thương tật nghiêm trọng.

Cấm sử dụng điện thoại di động khi ở trên máy bay. Tắt điện thoại di động trước khi máy bay cất cánh. Sử dụng điện thoại vô tuyến trên máy bay có thể gây nguy hiểm cho việc vận hành máy bay, làm gián đoạn mạng điện thoại vô tuyến và có thể xem là bất hợp pháp.

Môi trường có khả năng gây nổ

Tắt điện thoại khi ở trong khu vực dễ phát nổ và phải tuân theo tất cả các bảng hướng dẫn. Môi trường có khả năng gây nổ bao gồm cả các khu vực nơi bạn thường được yêu cầu tắt máy xe. Các tia lửa trong những khu vực như thế có thể phát cháy nổ gây thương tật hoặc thậm chí tử vong. Tắt điện thoại tại các trạm tiếp nhiên liệu, ví dụ như ở gần nơi đổ xăng tại các trạm dịch vụ. Hãy tuân theo các quy định hạn chế việc sử dụng các thiết bị vô tuyến tại các kho hàng, kho lưu trữ và phân phối nhiên liệu, nhà máy hóa chất hoặc khu vực đang tiến hành phá nổ. Những khu vực có khả năng gây nổ không phải luôn được niêm yết rõ ràng. Những khu vực

này bao gồm dưới boong tàu, các phương tiện chuyên chở hoặc kho hóa chất, các phương tiện sử dụng khí đốt lỏng (như propan hay butan); ở môi trường không khí có hóa chất hay những hạt nhỏ thóc gạo, bụi hoặc bột kim loại.

Cuộc gọi khẩn cấp



Chú ý: Cũng như các thiết bị vô tuyến khác, điện thoại này sử dụng tín hiệu truyền thanh, mạng vô tuyến và hữu tuyến cũng như các chức năng khác do người sử dụng lập trình. Do đó, các kết nối không đảm bảo trong mọi điều kiện. Bạn không nên chỉ dựa vào điện thoại vô tuyến cho các cuộc liên lạc khẩn cấp như cấp cứu y tế chẳng hạn.

Để gọi khẩn cấp:

- 1 Bật điện thoại nếu chưa bật. Kiểm tra cường độ tín hiệu mạng thích hợp.
Một số mạng có thể yêu cầu phải lắp đúng thẻ SIM hợp lệ vào điện thoại.
- 2 Bấm phím kết thúc nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và sẵn sàng cho các cuộc gọi.
- 3 Nhập số điện thoại khẩn cấp chính thức tại nơi ở hiện thời của bạn. Số khẩn cấp thay đổi tùy theo địa phương.
- 4 Bấm phím đàm thoại.

Nếu đang sử dụng một số tính năng nhất định, trước tiên bạn cần tắt các tính năng này mới có thể gọi số khẩn cấp được. Để biết thêm thông tin, tham khảo tài liệu này hoặc tham khảo ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ.

Khi gọi số khẩn cấp, cung cấp tất cả thông tin cần thiết càng chính xác càng tốt. Điện thoại vô tuyến có thể là phương tiện liên lạc duy nhất tại hiện trường xảy ra tai nạn. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Thông tin về chứng nhận (SAR)

ĐIỆN THOẠI NÀY ĐÁP ỨNG CÁC QUY ĐỊNH QUỐC TẾ VỀ TIẾP XÚC VỚI SÓNG VÔ TUYẾN.

Điện thoại di động của bạn là một thiết bị truyền và nhận sóng vô tuyến. Điện thoại được thiết kế và sản xuất sao cho không vượt quá giới hạn tiếp xúc với tần số vô tuyến (RF) được qui định bởi hướng dẫn quốc tế (ICNIRP). Các giới hạn này là phần hướng dẫn toàn diện và thiết lập các mức độ tiếp xúc sóng vô tuyến cho phép dành cho công chúng. Các hướng dẫn này được triển khai bởi các tổ chức khoa học độc lập định kỳ và qua việc đánh giá các nghiên cứu khoa học. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể được thiết kế để bảo đảm an toàn cho tất cả mọi người, bất kể tuổi tác cũng như sức khỏe.

Tiêu chuẩn tiếp xúc dành cho thiết bị di động áp dụng một đơn vị đo được gọi là Tỷ lệ Hấp thụ Riêng, hoặc SAR. Giới hạn SAR được công nhận trong hướng dẫn quốc tế là 2.0 W/kg^* (W/kg)*. Các thử nghiệm về SAR được tiến hành theo vị trí vận hành chuẩn khi điện thoại truyền ở mức năng lượng được chứng nhận là cao nhất trong mọi băng tần thử nghiệm. Mặc dù SAR được kiểm tra ở mức năng lượng cao nhất, nhưng mức SAR thực sự của điện thoại trong khi vận hành có thể dưới giá trị cực đại này. Lý do là thiết bị này được thiết kế để vận hành ở nhiều mức năng lượng để chỉ sử dụng năng lượng mà mạng yêu cầu. Nói chung, nếu bạn càng gần trạm phát, thì năng lượng phát ra càng thấp.

Giá trị SAR cao nhất cho kiểu điện thoại này được thử nghiệm khi đặt ở tai là 0.68 W/kg .

Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo, thử nghiệm trong nước và hệ thống mạng. Việc sử dụng phụ kiện và phụ kiện nâng cấp có thể dựa trên các giá trị SAR khác nhau. Thông tin thêm về SAR có thể được cung cấp dưới thông tin sản phẩm tại www.nokia-asia.com.

* Giới hạn SAR dành cho công chúng sử dụng điện thoại là 2.0 W/kg trung bình trên 10 gram mô. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể để bảo vệ thêm cho công chúng và để giải thích cho bất kỳ thay đổi nào trong việc đo đạc. Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo trong nước và hệ thống mạng. Để biết thêm thông tin về SAR ở những khu vực khác, vui lòng xem mục thông tin sản phẩm tại địa chỉ web: www.nokia.com.

Từ mục

Â

Âm thanh

- điều chỉnh âm lượng 4
- ghi âm 96
- tắt âm báo 67

B

Bảo trì 129

Bảo vệ bản quyền

Xem mã khóa khởi động

Báo cáo

Xem phần *Báo kết quả*

Báo kết quả

- nhận 52
- từ chối 53
- xóa 71

Báo thức 4

Biên tập phim

- hiệu chỉnh đoạn phim 23
- thêm đoạn chuyển cảnh 23
- thêm sound clip 23
- thêm hiệu ứng 23

Bluetooth

- bảo mật 87
- địa chỉ thiết bị 88

kết nối 85

- ghép nối 88
- gửi dữ liệu 87
- tai nghe 111
- tắt 89

Bộ chuyển đổi 95

Bộ nhớ

- Xem mức sử dụng bộ nhớ 11
- xóa bộ nhớ 11, 69, 70

Bộ PC Suite

- dữ liệu lịch 77
- đồng bộ hóa 90
- truyền tải tập tin âm nhạc vào thẻ nhớ 33
- Xem dữ liệu trong bộ nhớ điện thoại 11

Bộ sạc vii

Bộ sưu tập 26

- các tập tin dự phòng 29
- Chỉnh sửa hình ảnh 27
- diễn thuyết 28
- In hình ảnh 28
- sắp xếp các tập tin trong album 28
- Trình chiếu 28

C

Cache, xóa 75

Camera

- biên tập phim 23
- cài đặt camera hình tĩnh 19
- cài đặt hình ảnh 17
- cài đặt video 17
- các chế độ chụp ảnh 17
- các phím tắt camera hình tĩnh 15
- các phím tắt video 22
- chế độ chụp liên tiếp 16
- chụp tự động 16
- đèn flash 17
- lưu đoạn phim 21
- gửi hình 16
- hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc 15, 17, 21
- thông số cài đặt máy quay phim 22

Cài đặt

- cài đặt gốc 101
- cài đặt riêng điện thoại 97
- chặn cuộc gọi 110
- chuyển hướng cuộc gọi 110

chứng chỉ 108
điểm truy cập 103
đồng hồ 4
IM 81, 82, 84
kết nối dữ liệu 103
khả năng kết nối Bluetooth 86
lịch 78
màn hình 101
màn hình riêng 101
mã khóa 108
mã PIN 108
mã truy cập 107
mã UPIN 108
mã UPUK 108
ngày và giờ 107
ngôn ngữ 100
tin nhắn 51
Cài đặt kết nối 103
Cài đặt ngôn ngữ 100
Cài đặt tai nghe 111
Cài đặt riêng 99
Cài đặt thiết bị trợ thính 111
Cài đặt ứng dụng 113
Các chế độ chụp ảnh
 các chế độ chụp hình ảnh 19
 các chế độ quay video 18
Các chỉ báo 2
Các cuộc gọi gần đây 69

Các dạng tập tin

.sis 113
.jad 113
.jar 113, 114
RealPlayer 36

Các dịch vụ mạng vii

Các tập tin media

định dạng tập tin 36
lưu về 36
tắt âm 36
tiến nhanh về trước 36

Các tập tin svg 28

Các ứng dụng

Java 113

Cấu hình 97

Cập nhật phần mềm 92

Ch

Chế độ chờ 97, 99

Chế độ sử dụng SIM từ xa 86

Chuyển nội dung từ một thiết bị khác 1

Chủ đề 99

Chứng chỉ 108

Chỉ mục 73

Chỉnh sửa hình ảnh 20

Cuộc gọi

bị nhỡ 69
cài đặt 102

cài đặt chuyển hướng cuộc gọi 110

chia sẻ video 65

chuyển 68

đã nhận 69

quốc tế 61

thời lượng 70

từ chối 67

Cuộc gọi bị nhỡ 69

Cuộc gọi khẩn cấp vi, 132

Cuộc gọi hội nghị 62

Cuộc gọi video 63

trả lời 68

từ chối 68

D

Danh bạ điện thoại

Xem phần *thể liên lạc*

Dự phòng 10

Dịch vụ

Xem phần *Web*

Xem *Web*

Đ

Đài FM 79

Điều chỉnh âm lượng

điều chỉnh âm lượng 4

loa 4

trong khi gọi 61

Điểm truy cập 103

cài đặt 103

Điểm truy cập Internet (IAP)

Xem *điểm truy cập*

Đồng bộ hóa 92

Đồng hồ

báo thức 4

cài đặt 4

E

E-mail 45

cài đặt 53

mở 50

nhận từ hộp thư 49

hộp thư từ xa 49

tải tự động 50

Xem tập tin đính kèm 50

xóa tin nhắn 50

F

File âm thanh 26

Gi

Giao thức

IMAP4 14

IPv4 và IPv6 104

POP3 54

WAP vii

Giải quyết sự cố 117

Gọi số ẩn định 59

Ghi chú 95

Gửi

các đoạn phim 25

hình 16

thẻ liên lạc, danh thiếp 58

H

Hộp thư thoại 61

chuyển hướng cuộc gọi đến

hộp thư thoại 110

thay đổi số điện thoại 61

Hộp thư từ xa 49

Hướng dẫn 13

Hình nền

Sử dụng hình ảnh 28

thay đổi 99

I

In

e-mail 50

ghi chú 95

tin nhắn đa phương tiện 47

tin nhắn văn bản 47

thẻ liên lạc 57

Internet

Xem phần *Web*

K

Kết nối dữ liệu

các chỉ báo 2

chi tiết 91

kết thúc 91

Kết nối dữ liệu gói

cài đặt 106

Kết nối PC 90

Kết nối với máy tính 90

Kiểu chuông

kiểu chuông riêng 59

nhận dưới dạng tin nhắn văn

bản 48

Kiểu nhập tiên đoán 44

Kiểu nhập truyền thống 43

Kh

Khẩu lệnh

gọi điện 63

L

LED 101

Lệnh dịch vụ 43

Lệnh thoại 112

Lệnh USSD 43

Loa 4

Lịch

cài đặt 78

đồng bộ PC Suite 77

tạo các mục nhập 77

M

Màn hình 101

Mã 107
mã PIN 108
mã PIN2 108
Mã bảo vệ 108
Mã khóa 108
Mã khóa kích hoạt 115
Mã PIN 108
Mã PUK 108
Mã UPIN 108
Mã UPUK 108
Máy nghe nhạc 33
Máy tính 95
Mạng LAN không dây
bảo mật 8
cài đặt điểm truy cập 105
tạo IAP 6
Xem phần *mạng gia đình*
Mạng gia đình 7
bảo mật 8
Menu, sắp xếp lại 97
Modem 90
Movie, muvee
quick muvee 38
tùy chỉnh muvee 38
Nh
Nhắn tin 42
tin nhắn đa phương tiện 45
Nhật ký

lọc 71
xóa nội dung 71
Nhật ký cuộc gọi
Xem phần *Nhật ký*
P
Pin
xác thực 122
Ph
Phần mềm
cài đặt ứng dụng 113
truyền tập tin về điện thoại 113
Phụ kiện chính hãng Nokia 124
Phím đa phương tiện 100
Phím tắt 11
Q
Quay số bằng khẩu lệnh 62
Quay số nhanh 62
Quản lý bản quyền kỹ thuật số,
DRM
Xem mã khóa khởi động
Quản lý ứng dụng 113
Quickoffice vi
R
RealPlayer 36
S
Sao chép
các số liên lạc giữa thẻ SIM và

bộ nhớ điện thoại 58
SAR (tỉ lệ hấp thụ riêng) 133
Services
Xem phần *Web*
Sử dụng loa nói trực tiếp
Xem phần *loa*
hộp thư từ xa 49
T
Tắt âm 36
Tập tin sis 113
Text messages
sending 45
writing 45
Tin nhắn
e-mail 45
quảng bá 55
quảng bá 43
hộp thư đến 47
tin nhắn văn bản 45
Tin nhắn đa phương tiện 45
Tin nhắn thoại 61
Tin nhắn văn bản
cài đặt 51
giới hạn ký tự 46
nhận 47
Th
Thẻ liên lạc 57

chèn hình 57
lưu âm DTMF 69
gửi 58
Thẻ miniSD 9
Thẻ nhớ 9, 10
Thẻ SIM
sao chép các tên và số liên lạc
vào điện thoại 58
tên và số điện thoại 59
tin nhắn 51
Thông tin hỗ trợ 1
Thông tin về chứng nhận (SAR) 132
Thời lượng nhật ký 71
Tr
Trò chơi 84
Trò chuyện
kết nối server 81
khóa 83
ghi tin nhắn 83
gửi tin nhắn trò chuyện 83
Xem phần *tin nhắn trò chuyện*
Trình duyệt Internet 73
Trình quản lý tập tin 10
Trình quản lý thiết bị 92
Từ điển 44
U
UPnP 7

Ứ

Ứng dụng

Cài đặt 113

Ứng dụng trợ giúp 12

V

Video clip 26

Video player

Xem phần *RealPlayer*

Visual Radio

ID dịch vụ trực quan 80

Xem nội dung 80

W

Web

các điểm truy cập, xem phần
điểm truy cập

điểm truy cập 103

trình duyệt 72

X

Xóa màn hình

Xem *chế độ chờ*

Y

Java

Xem phần *các ứng dụng*

Dịch Vụ Chăm Sóc Khách Hàng Trực Tuyến của Nokia

THUYẾT TRÌNH TƯƠNG TÁC



PHẦN MỀM



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



CÀI ĐẶT

Hỗ trợ web Chăm Sóc Khách Hàng Trực Tuyến của Nokia cung cấp cho bạn thông tin thêm về các dịch vụ trực tuyến của chúng tôi.

THUYẾT TRÌNH TƯƠNG TÁC

Tìm hiểu cách thiết lập điện thoại lần đầu tiên, và tìm hiểu thêm về các chức năng của điện thoại. Thuyết Trình Tương Tác cung cấp các hướng dẫn từng bước về cách sử dụng điện thoại.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng trực tuyến bao gồm thông tin chi tiết về điện thoại của bạn. Hãy nhớ kiểm tra thường xuyên để có các cập nhật.

PHẦN MỀM

Tận dụng hết mọi chức năng của điện thoại với phần mềm dành cho điện thoại và máy PC. Nokia PC Suite kết nối điện thoại và máy PC để bạn có thể quản lý lịch, sổ liên lạc, nhạc và hình ảnh, trong khi các ứng dụng khác bổ sung cho việc sử dụng điện thoại.

CÀI ĐẶT

Một số chức năng nhất định của điện thoại, như là nhắn tin đa phương tiện, trình duyệt di động và email*, có thể cần cài đặt trước khi có thể sử dụng chúng. Nhận các thông số cài đặt trên điện thoại miễn phí.

*Không khả dụng với mọi điện thoại.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI CỦA TÔI?

Mục Thiết Lập, tại www.nokia-asia.com/setup, giúp bạn chuẩn bị điện thoại để sử dụng. Tự làm quen với các chức năng và tính năng của điện thoại bằng cách tham khảo mục Hướng Dẫn Sử Dụng và Demo tại www.nokia-asia.com/guides.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐỒNG BỘ ĐIỆN THOẠI VÀ MÁY PC?

Kết nối điện thoại với một máy PC tương thích bằng phiên bản Nokia PC Suite thiết yếu từ www.nokia-asia.com/pcsuite cho phép bạn đồng bộ lịch và các sổ liên lạc.

TÔI CÓ THỂ LẤY PHẦN MỀM CHO ĐIỆN THOẠI CỦA TÔI Ở ĐÂU?

Sử dụng điện thoại hiệu quả hơn bằng những chương trình tải xuống từ mục Phần Mềm tại www.nokia-asia.com/software.

TÔI CÓ THỂ TÌM CÁC CÂU TRẢ LỜI CHO NHỮNG CÂU HỎI PHỔ BIẾN Ở ĐÂU?

Tìm trong mục FAQ (Câu Hỏi Thường Gặp) tại www.nokia-asia.com/faq để có những câu trả lời cho các câu hỏi của bạn về điện thoại, các sản phẩm và dịch vụ khác của Nokia.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC CẬP NHẬT VỀ NHỮNG TIN TỨC CỦA NOKIA?

Đăng ký trực tuyến trên trang web www.nokia-asia.com/signup và trở thành người đầu tiên biết về những sản phẩm và khuyến mại mới nhất. Đăng ký với "Kết Nối Nokia" để nhận các cập nhật hàng tháng về những điện thoại và công nghệ mới nhất. Đăng ký với "Làm Người Đầu Tiên Biết" để nhận được những xem trước về các thông báo điện thoại mới hoặc đăng ký với "Thư Quảng Cáo" để biết về những sự kiện sắp tới.

Nếu bạn vẫn cần trợ giúp thêm, vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/contactus.

Để biết thêm thông tin về các dịch vụ sửa chữa, vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/repair.

Vui lòng truy cập vào trang web tại quốc gia bạn để biết thêm chi tiết:

Australia và New Zealand www.nokia.com.au/support

Ấn Độ www.nokia.co.in/support

Indonesia www.nokia.co.id/support

Nhật Bản www.nokia.co.jp/support

Malaysia www.nokia.com.my/support

Philippines www.nokia.com.ph/support

Singapore www.nokia.com.sg/support

Thái Lan www.nokia.co.th/support

Nếu quốc gia của bạn không có ở trên, vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/support.

NOKIA

Care